

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

**CÂU HỎI VÀ TRẢ LỜI
VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ THƯỜNG GẶP
TRONG QUÁ TRÌNH LÀM LUẬN VĂN SAU ĐẠI HỌC**

Hà Nội, tháng 09 năm 2022

**CÂU HỎI VÀ TRẢ LỜI
VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ THƯỜNG GẶP
TRONG QUÁ TRÌNH LÀM LUẬN VĂN SAU ĐẠI HỌC**

Xuất bản lần 1: tháng 6 năm 2014

Chỉnh sửa và cập nhật lần 2: tháng 8 năm 2015

Chỉnh sửa và cập nhật lần 3: tháng 10 năm 2016

Chỉnh sửa và cập nhật lần 4: tháng 12 năm 2017

Chỉnh sửa và cập nhật lần 5: tháng 10 năm 2018

Chỉnh sửa và cập nhật lần 6: tháng 9 năm 2019

Chỉnh sửa và cập nhật lần 7: tháng 12 năm 2020

Chỉnh sửa và cập nhật lần 8: tháng 09 năm 2022

Hà Nội, tháng 09 năm 2022

GIỚI THIỆU

Trường Đại học Y tế công cộng được thành lập từ năm 2001, tiền thân là Trường Cán bộ Quản lý Ngành Y tế. Ba nhiệm vụ trọng tâm của Trường là đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai các dịch vụ tư vấn về các vấn đề liên quan đến y tế công cộng.

Năm 1996, với sự hỗ trợ của Quỹ Rockefeller (RF) và Trung tâm Kiểm soát & Phòng chống bệnh tật Hoa Kỳ (CDC), Trường đã xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ y tế công cộng. Năm 1997, Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cho phép Trường thí điểm đào tạo khóa Thạc sĩ Y tế công cộng (ThS YTCC) đầu tiên của Trường và cũng là đầu tiên của Việt Nam. Từ đó đến nay, qui mô đào tạo sau đại học của Trường ngày càng được mở rộng về số lượng, loại hình và cải thiện về chất lượng đào tạo. Hiện tại, các chương trình đào tạo sau đại học của trường bao gồm: chuyên khoa I Y tế công cộng (CKI YTCC), chuyên khoa II Tổ chức Quản lý Y tế (CKII TCQLYT), ThSYTCC, Thạc sĩ Quản lý bệnh viện (ThS QLBV), Thạc sĩ Kỹ thuật xét nghiệm Y học (ThS KTXNYH), Tiến sĩ Y tế công cộng (TS YTCC) và Tiến sĩ Quản lý Bệnh viện (TS QLBV). Đồng thời, được sự đồng ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo, từ năm 2010, Trường đã mở rộng mạng lưới đào tạo phối hợp với Trường Đại học Tây Nguyên, Đại học Đồng Tháp, Đại học Nguyễn Tất Thành để đào tạo cán bộ cho khu vực Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Đông Nam bộ.

Góp phần vào đào tạo cán bộ có chất lượng cao cho ngành y tế cũng như đáp ứng nhu cầu xã hội, Trường luôn luôn chú trọng vào việc đổi mới và hoàn thiện chương trình đào tạo, trong đó đào tạo lý thuyết luôn gắn liền với thực tế. Các chương trình đào tạo đã dành một thời lượng lớn cho cấu phần thực hành, học viên (HV) được làm việc tại các cơ sở thực hành của Trường hoặc địa phương, nơi HV công tác để thực hiện các bài tập và làm luận văn (LV) tốt nghiệp. Để nâng cao chất lượng hướng dẫn của giảng viên và thực hiện LV tốt nghiệp của HV, Phòng Quản lý Đào tạo đã phối hợp với các Khoa và đơn vị liên quan xây dựng cuốn tài liệu “*Câu hỏi và trả lời về một số vấn đề thường gặp trong quá trình làm luận văn sau đại học*”. Cuốn tài liệu ra đời nhằm hỗ trợ các giảng viên (GV) tham gia hướng dẫn LV, luận án, các HV sau đại học của nhà trường cũng như các đối tượng liên quan giải quyết các vấn đề thường gặp trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

Cuốn tài liệu đã được đưa vào sử dụng từ năm học 2014-2015 và đã nhận được phản hồi tích cực từ HV và GV. Hàng năm, Phòng Quản lý Đào tạo phối hợp với các bên liên quan cập nhật, chỉnh sửa để đáp ứng nhu cầu thực tế. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý của các quý thầy/cô, các anh/chị HV và các bạn đọc khác để cuốn tài liệu ngày càng hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Ban Biên tập

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CK:	Chuyên khoa
ĐH YTCC:	Đại học Y tế công cộng
QLĐT:	Quản lý đào tạo
GV:	Giảng viên
GVHD:	Giáo viên hướng dẫn
GVHT:	Giáo viên hỗ trợ
HĐKH:	Hội đồng khoa học
HV:	Học viên
LV:	Luận văn
ĐA:	Đề án
QLBV	Quản lý bệnh viện
TLTK:	Tài liệu tham khảo
ThS:	Thạc sĩ
TS:	Tiến sĩ
YTCC:	Y tế công cộng

MỤC LỤC

1. CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN QUI TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC LOẠI HÌNH SAU ĐẠI HỌC.....	12
1.1. CHUYÊN KHOA I.....	12
Câu hỏi 1. Môn thi tốt nghiệp CKI YTCC là những môn nào?	12
Câu hỏi 2. Chuyên đề tốt nghiệp CKI có những hình thức nào?	13
Câu hỏi 3. Các giai đoạn chính và các mốc thời gian trong quá trình viết báo cáo chuyên đề tốt nghiệp?.....	13
Câu hỏi 4. Quyền lợi và trách nhiệm của HV trong quá trình viết Báo cáo chuyên đề tốt nghiệp CKI YTCC?.....	14
1.2. CHUYÊN KHOA II Tổ chức và Quản lý Y tế	16
Câu hỏi 5. Các giai đoạn chính và các mốc thời gian trong quá trình làm LV CKII?	16
Câu hỏi 6. Quyền lợi và trách nhiệm của HV trong quá trình làm LV CKII?	17
Câu hỏi 7. Qui trình tổ chức hội đồng bảo vệ LV CK II?	18
Câu hỏi 8. Nhóm chủ đề chính (hoặc cách tiếp cận chính) có thể lựa chọn khi làm đề tài nghiên cứu lĩnh vực quản lý hay yêu cầu về lựa chọn đề tài với LV CKII Tổ chức và Quản lý y tế?	18
Câu hỏi 9. Hãy đưa ra ví dụ về các nhóm chủ đề chính (hoặc cách tiếp cận chính) có thể lựa chọn khi làm đề tài nghiên cứu lĩnh vực tổ chức và quản lý y tế?	18
Câu hỏi 10. Chủ đề "Thực trạng sức khỏe và một số yếu tố liên quan" là một chủ đề thường gặp trong lĩnh vực YTCC, tuy nhiên khi học viên lựa chọn chủ đề này, các hội đồng mang định hướng quản lý thường trả lời không phù hợp, nếu học viên vẫn muốn lựa chọn chủ đề về "thực trạng một vấn đề sức khỏe", cách tiếp cận phù hợp sẽ là như thế nào?.....	19
Câu hỏi 11. Chủ đề nghiên cứu là “Suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi và một số yếu tố liên quan tại địa bàn A” có phù hợp với yêu cầu lựa chọn đề tài LV CKII Tổ chức và Quản lý y tế không? Tại sao?	20

Câu hỏi 12. Khi tiến hành xây dựng đề cương nghiên cứu có cần đặt ra câu hỏi nghiên cứu hay không?.....	21
Câu hỏi 13. Tôi có thể đặt ra bất kể một câu hỏi nghiên cứu nào để tiến hành nghiên cứu luận văn CKII TCQLYT?.....	21
Câu hỏi 14. Với luận văn CKII Tổ chức và Quản lý y tế, tôi nên tổng quan tài liệu như thế nào cho phù hợp với mã ngành này?.....	21
Câu hỏi 15. Nghiên cứu đánh giá chất lượng cuộc sống của người bệnh và một số yếu tố ảnh hưởng có được chấp nhận là một chủ đề của ThS Quản lý bệnh viện hoặc CKII Tổ chức Quản lý Y tế không?.....	22

1.3. THẠC SĨ..... 23

Câu hỏi 16. Các giai đoạn chính và các mốc thời gian trong quá trình làm LV ThS?.....	23
Câu hỏi 17. Các giai đoạn chính và các mốc thời gian trong quá trình làm ĐA ThS?.....	25
Câu hỏi 18. Quy trình hỗ trợ, định hướng ý tưởng nghiên cứu LV/ĐA được thực hiện như thế nào?.....	26
Câu hỏi 19. Nếu sau 3 đợt bảo vệ đề cương chính thức vẫn không được thông qua, HV có được tiếp tục làm LV/ĐA không?.....	27
Câu hỏi 20. Những quy định chính về tiêu chuẩn GVHD luận văn thạc sĩ là gì? 27	
Câu hỏi 21. Những quy định chính về tiêu chuẩn GVHD đề án thạc sĩ là gì?.....	29
Câu hỏi 22. Quyền lợi và trách nhiệm của HV ThS trong các đợt giám sát và bảo vệ đề cương trong năm thứ hai?	29
Câu hỏi 23. Sự khác biệt cơ bản giữa thạc sĩ thuộc định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng là gì?.....	30
Câu hỏi 24: Những chủ đề LV nào được coi là phù hợp với mã số chuyên ngành ThS QLBV?.....	31
Câu hỏi 25. Yêu cầu về hình thức của LV/ĐA như thế nào? (Độ dài, font chữ, cỡ chữ, giãn dòng,..)? Nếu độ dài LV vượt quá thì có bị trừ điểm không?	32

Câu hỏi 26. Hiện nay, Trường đang thực hiện việc phản biện kín 2 vòng đối với luận văn thạc sĩ. Trong trường hợp phản biện gửi lại muộn hơn so với thời gian qui định thì xử lý như thế nào?.....	32
Câu hỏi 27. Tiêu chí cộng điểm về nghiên cứu khoa học cho luận văn/đề án thạc sĩ?.....	33
Câu hỏi 28. HV có thể bảo vệ LV/ĐA bao nhiêu lần và thời gian bảo vệ như thế nào?.....	33
Câu hỏi 29. Qui trình hoàn tất các thủ tục sau bảo vệ LV/ĐA?.....	34
1.4. TIẾN SĨ	35
Câu hỏi 30. Có hình thức nào để hỗ trợ, định hướng đề tài của NCS trước khi NCS tiếp tục phát triển đề cương nghiên cứu chi tiết không?.....	35
(chi tiết hướng dẫn có thể tham khảo tại đường link: https://dtdh.huph.edu.vn/vi/node/64260)	35
Câu hỏi 31. Đối với luận án tiến sĩ có bắt buộc là nghiên cứu can thiệp không? .	35
Câu hỏi 32. Có qui định/hướng dẫn gì về quy mô và cỡ mẫu đủ lớn của luận án tiến sĩ?.....	36
Câu hỏi 33. Đánh giá như thế nào về tính mới của luận án tiến sĩ?	38
Câu hỏi 34. Qui trình hoàn tất các thủ tục sau bảo vệ luận án tiến sĩ?.....	39
1.5. CÁC VẤN ĐỀ CHUNG CHO TẤT CẢ CÁC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO	40
Câu hỏi 35. Nhiệm vụ chính của GVHD là gì?	40
Câu hỏi 36. Qui định tiêu chuẩn đối với GVHT:	40
Câu hỏi 37. Nhiệm vụ chính của GVHT là gì?	40
Câu hỏi 38. Khi nào thì nên mời GVHD và GVHT?	40
Câu hỏi 39. Qui trình mời GVHD? Nguyên tắc mời GVHT được thực hiện như thế nào?.....	41
Câu hỏi 40. Qui định tính giờ cho GVHD/GVHT như thế nào?.....	42
Câu hỏi 41. GVHD/GVHT được tính giờ hướng dẫn/ hỗ trợ từ thời điểm nào? ..	42
Câu hỏi 42. Làm thế nào để chấm dứt/thay đổi hướng dẫn/hỗ trợ LV/ĐA?.....	42

Câu hỏi 43. Nhiệm vụ của HV trong quá trình làm LV/ĐA là gì?	43
Câu hỏi 44. Một số gợi ý về nguyên tắc làm việc giữa GVHD/GVHT và nguyên tắc hướng dẫn và hỗ trợ HV trong quá trình làm LV/ĐA?	43
Câu hỏi 45. Kinh nghiệm giao tiếp giữa HV và GVHD/GVHT?	44
Câu hỏi 46. Nếu GVHD/GVHT góp ý kiến mà HV kiên quyết không chỉnh sửa thì sẽ xử lý như thế nào?.....	45
Câu hỏi 47. Sau các lần bảo vệ trước hội đồng, nếu HV không gửi lại phản hồi của hội đồng cho GV thì cần xử lý như thế nào?	45
Câu hỏi 48. Nếu phát hiện được sự không trung thực của HV trong quá trình làm LV/ĐA thì sẽ xử lý như thế nào?	46
Câu hỏi 49. Một số LV/ĐA đến khi bảo vệ vẫn rất cầu thả, nhiều lỗi trình bày/lỗi chính tả, vậy GVHD/GVHT nên xử lý như thế nào?	46
Câu hỏi 50. Làm thế nào để tránh mắc lỗi sao chép nguyên văn từ LV/ĐA sang bài trình bày?	46
Câu hỏi 51. Yêu cầu chi tiết của qui trình nộp LV/ĐA lên thư viện sau bảo vệ LV/ĐA?	47
Câu hỏi 52. Có hướng dẫn cụ thể cho hội đồng như thế nào về tiêu chí lựa chọn và đánh giá đề tài LV/ĐA?	48
Câu hỏi 53. Một số chủ đề nghiên cứu có rất ít TLTK tiếng Việt, nhiều TLTK bằng tiếng Anh. Tuy nhiên trình độ tiếng Anh của nhiều HV lại hạn chế. Trong trường hợp này phải giúp HV như thế nào?	48
Câu hỏi 54. Nguyên tắc sử dụng TLTK từ các trang web như thế nào? Những trang web có tên miền như thế nào thì được phép sử dụng?.....	48
Câu hỏi 55. Vấn đề bản quyền trong sử dụng kết quả của LV?.....	49
Câu hỏi 56. Phần mềm Turnitin là gì và ý nghĩa của việc sử dụng phần mềm Turnitin như thế nào?	49
Câu hỏi 57. Các bước thực hiện việc rà soát trùng lặp luận văn, luận án trên Turnitin như thế nào và trách nhiệm của từng bên liên quan?	49

2. CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 51

2.1. Giai đoạn viết đề cương LV	51
Câu hỏi 58. Có những dạng LV nào đang áp dụng tại Trường?	51
Câu hỏi 59. Tính MỐI của đề tài được xác định như thế nào đối với 1 LV sử dụng số liệu thứ cấp?	51
Câu hỏi 60: Mục tiêu nghiên cứu nên đưa ra đủ thông tin về xác định mối liên quan/ảnh hưởng: có cần ghi chi tiết là xác định mối liên quan gì (nêu tất cả các biến độc lập cần xác định) với biến phụ thuộc không?	52
Câu hỏi 61. khi nào thì dùng “yếu tố liên quan”, khi nào dùng “yếu tố ảnh hưởng” khi viết mục tiêu nghiên cứu?	52
Câu hỏi 62. Các tiêu chí đánh giá chất lượng nghiên cứu quan sát bao gồm những tiêu chí nào?.....	53
Câu hỏi 63. Với học viên khi tính cỡ mẫu trong nghiên cứu có xác định mối liên quan, có cần tính cỡ mẫu của tất cả các biến số chính sẽ xác định mối liên quan - sau đó lấy 1 cỡ mẫu bao trùm không? hay chỉ chọn 1 biến quan trọng nhất và tính cỡ mẫu của biến số đó?.....	55
Câu hỏi 64. Một số LV, bên cạnh việc thu thập số liệu tại thời điểm hiện tại có hồi cứu số liệu thứ cấp của nhiều năm trước thì được gọi là thiết kế nghiên cứu gì?	55
Câu hỏi 65. Cách viết phương pháp nghiên cứu trong nghiên cứu can thiệp như thế nào là phù hợp?	56
Câu hỏi 66. Khi nào thì sử dụng công thức tính cỡ mẫu cho các quần thể nghiên cứu nhỏ?	57
Câu hỏi 67. Cơ sở ước lượng giá trị trung bình của quần thể và tỷ lệ để tính cỡ mẫu?.....	58
Câu hỏi 68. Khi nào thì chọn mẫu toàn bộ? Đã chọn mẫu toàn bộ có cần nêu công thức tính cỡ mẫu không?	58
Câu hỏi 69. Một nghiên cứu có mục tiêu mô tả và xác định một số yếu tố liên quan thì dùng công thức tính cỡ mẫu cho 1 tỷ lệ hay 2 tỷ lệ là hợp lý? Tại sao? .	59

Câu hỏi 70. Phương pháp sử dụng bảng kiểm để quan sát thực hành được coi là nghiên cứu định tính hay định lượng?.....	59
Câu hỏi 71. Tên gọi, cách trình bày các biến số trong nghiên cứu định tính và cách phân tích theo chủ đề ?.....	59
Câu hỏi 72. Cách viết phần “xử lý số liệu” đối với nghiên cứu định tính thường gặp là gì?.....	60
Câu hỏi 73. Nếu nghiên cứu có kết hợp phương pháp định lượng và định tính thì có cần chỉ rõ cách kết hợp như thế nào không? Và cách trình bày phần này như thế nào?.....	60
Câu hỏi 74. Cách viết sai số và không chế sai số như thế nào là phù hợp? Ví dụ?	61
Câu hỏi 75: Thế nào được coi là đối tượng nghiên cứu? hồ sơ/ bệnh án/ sổ sách có được coi là đối tượng nghiên cứu không? Nếu có thì trong trường hợp nào? Nêu các ví dụ cụ thể về đối tượng nghiên cứu.	62
Câu hỏi 76. Có cần viết "Đồng ý tham gia nghiên cứu" hoặc "không đồng ý..." là một tiêu chuẩn lựa chọn/hoặc tiêu chuẩn loại trừ đối tượng nghiên cứu không? .	62
Câu hỏi 77. Qui định về tài liệu tham khảo (TLTK)?	62
Câu hỏi 78. Nguyên tắc viết TLTK cho bảng và biểu đồ được trích dẫn trong phần tổng quan hoặc phần bàn luận (nếu có)?	64
Câu hỏi 79. Có qui định về số lượng TLTK cập nhật ở mức độ như thế nào không?	65
Câu hỏi 80. Số lượng TLTK bao nhiêu là phù hợp với 1 LV?.....	65
Câu hỏi 81. Việc tham khảo LV tại thư viện của Trường ĐHY tế công cộng được qui định như thế nào?	65
Câu hỏi 82. Đề cương khi không được Hội đồng thông qua (bảo vệ lại) thì trách nhiệm của HV, GVHD/GVHT như thế nào?	66
Câu hỏi 83. Có được thay đổi mục tiêu, tên đề tài so với đề cương đã được duyệt không?	66

Câu hỏi 84. Thang đo là gì và các cách tiếp cận phù hợp trong phân tích xây dựng thang đo như thế nào?.....66

Câu hỏi số 85. Hiện nay nhiều đề tài đánh giá về tuân thủ quy trình vệ sinh tay của điều dưỡng hoặc đánh giá thực hiện giao tiếp của điều dưỡng, vậy khi tính cỡ mẫu thì tính cỡ mẫu là điều dưỡng rồi suy ra số lượt quan sát hay cỡ mẫu là số lượt quan sát rồi qui lại số điều dưỡng cần quan sát?68

2.2. Giai đoạn thu thập số liệu và phân tích số liệu 70

Câu hỏi 86. Ưu nhược điểm của từng phương pháp/kỹ thuật thu thập số liệu là gì?70

Câu hỏi 87. Khi quan sát để tránh sai số thì những điểm thường phải lưu ý là gì? Có những cách nào thường được sử dụng để tránh sai số trong quan sát?72

Câu hỏi 88. Khi thu thập số liệu, thông tin bị mất đến mức độ nào thì nên bỏ phiếu đó đi?72

Câu hỏi 89. Nếu thu thập số liệu trên thực tế mà không đủ số cỡ mẫu trong đề cương thì nên xử lý như thế nào?73

Câu hỏi 90. Nếu sử dụng phương pháp thu thập số liệu thứ cấp có nhất thiết phải có biểu mẫu thu thập số liệu không?74

Câu hỏi 91. Khi nào cần phải xử lý đa biến, nếu không xử lý có được không? ...74

Câu hỏi 92. Cách trình bày một bảng xử lý hồi qui logic thông thường như thế nào?.....74

Câu hỏi 93. Một LV không có xử lý thống kê có được chấp nhận không? Có nhất thiết phải sử dụng test thống kê hay có thể chỉ là là thống kê mô tả cũng có thể chấp nhận được?76

Câu hỏi 94. Nếu là thang đo nhưng xử lý theo từng tiêu mục có hợp lý không?..77

Câu hỏi 95. Với một nghiên cứu sử dụng thang đo để đo lường biến tổ hợp những cách xác định điểm cắt (chuyển thành dạng biến phân loại để xử lý) như thế nào?77

Câu hỏi 96. Các vấn đề thường gặp trong phân tích yếu tố liên quan đến các thang đo như sự hài lòng, mức độ gắn kết, hay chất lượng dịch vụ là gì?.....77

Câu hỏi 97. Cách xác định điểm cut –off- point (điểm cắt) cho việc tính toán điểm đạt và không đạt nên như thế nào?79

2.3. Giai đoạn viết và hoàn thành LV 81

Câu hỏi 98. Vai trò và phương pháp xây dựng tổng quan tài liệu?.....81

Câu hỏi 99. Tổng quan nghiên cứu có nhất thiết phải tách riêng các nghiên cứu trên thế giới và nghiên cứu trong nước?.....82

Câu hỏi 100. Nhiều LV ThS để an toàn chỉ dừng lại ở mục tiêu mô tả và phân tích các yếu tố liên quan, vậy có thể mở ra những mục tiêu khác nữa không?.....83

Câu hỏi 101. Thế nào là cây vấn đề và thế nào là khung lý thuyết? Khi thực hiện nghiên cứu nên dùng cây vấn đề hay khung lý thuyết và tại sao?83

Câu hỏi 102. Phương pháp xây dựng khung lý thuyết cho nghiên cứu?.....85

Câu hỏi 103. Sau khi đưa ra khung lý thuyết hoặc cây vấn đề có cần 1 đoạn viết để giải thích cho khung lý thuyết hay cây vấn đề không? Và nếu cần thì đoạn đó cần viết những ý chính gì? Độ dài khoảng bao nhiêu?86

Câu hỏi 104. Cách trình bày 1 bảng 2x2 thông thường? Và các vấn đề thường gặp trong bảng 2x2?87

Câu hỏi 105. Cách trình bày số liệu trong nghiên cứu định lượng như thế nào là phù hợp?88

Câu hỏi 106. Trình bày số liệu định tính như thế nào là phù hợp? Ngoài việc trích dẫn ý kiến của đối tượng có cần phân tích thêm?88

Câu hỏi 107. Có được trích dẫn nguyên văn ý của người trả lời (Định tính) trong phần bàn luận không?.....89

Câu hỏi 108. Khi viết bàn luận về một vấn đề mới nếu không có TLTK thì nên xử lý như thế nào?89

Câu hỏi 109. Trong LV có nên sử dụng cách viết “gạch đầu dòng” không hay cần viết thành câu văn/đoạn văn?90

1. CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN QUI TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC LOẠI HÌNH SAU ĐẠI HỌC

1.1. CHUYÊN KHOA I

Câu hỏi 1. Môn thi tốt nghiệp CKI YTCC là những môn nào?

Theo quy chế đào tạo CKI ban hành kèm theo Quyết định số 1636/QĐ-BYT ngày 25/5/2001 của Bộ Trưởng Bộ Y tế: Môn thi tốt nghiệp gồm 2 phần: Lý thuyết và thực hành. Điểm của từng phần được tính độc lập và đều phải đạt từ 5 điểm trở lên (thang điểm 10)

Phần thi lý thuyết: Gồm 2 nội dung: Sức khỏe môi trường và Quản lý Y tế

Phần thi thực hành: HV viết báo cáo chuyên đề tốt nghiệp (Báo cáo chuyên đề tốt nghiệp có 2 hình thức: Chuyên đề phân tích giải quyết một vấn đề y tế công cộng thực tế tại địa phương và Chuyên đề tổng quan tài liệu)

Câu hỏi 2. Chuyên đề tốt nghiệp CKI có những hình thức nào?

- Trước năm 2014, hình thức tốt nghiệp của chương trình CKI YTCC là HV tiến hành làm LV dưới dạng nghiên cứu về 1 vấn đề YTCC. Từ năm 2015, nhà trường đã thay đổi hình thức làm LV thành hình thức chuyên đề tốt nghiệp, bao gồm 2 loại sau đây: 1) Chuyên đề tổng quan tài liệu về một vấn đề y tế công cộng, ví dụ vấn đề sức khỏe cộng đồng, quản lý chương trình y tế - dân số, tổ chức, quản lý y tế... 2) Chuyên đề phân tích giải quyết một vấn đề y tế công cộng, ví dụ vấn đề sức khỏe cộng đồng, quản lý chương trình y tế - dân số, tổ chức, quản lý y tế ... thực tế tại đơn vị, địa phương

Chi tiết xem mẫu hướng dẫn tại:

<http://dtsdh.huph.edu.vn/vi/chuyenkhoa/bieumau>.

- Tổng quan tài liệu: Học viên có thể chọn 1 vấn đề y tế công cộng ví dụ vấn đề sức khỏe cộng đồng, quản lý chương trình y tế - dân số, tổ chức, quản lý y tế... mà học viên quan tâm để phát triển thành chuyên đề. Phạm vi của tổng quan chủ yếu tập trung tổng hợp và phân tích tình hình thế giới, trong nước và địa phương, đơn vị nơi học viên đang công tác dựa trên những văn bản, tài liệu, nghiên cứu..... Tổng quan tài liệu không phải chỉ là việc xem xét, tập hợp, liệt kê thông tin, ý tưởng được nêu trong các tài liệu sẵn có về một chủ đề nhất định mà còn cần phải phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp những tài liệu này từ quan điểm của tác giả. *Chi tiết xem mẫu hướng dẫn tại:* <http://dtsdh.huph.edu.vn/vi/chuyenkhoa/bieumau>

Câu hỏi 3. Các giai đoạn chính và các mốc thời gian trong quá trình viết báo cáo chuyên đề tốt nghiệp?

Tổng thời gian hoàn thiện báo cáo chuyên đề của HV là 08 tháng. Phòng Quản lý đào tạo (QLĐT) qui định các mốc thời gian chính trong 08 tháng như sau:

TT	Nội dung	Thời gian	Yêu cầu
1	Đăng ký tên, hình thức, mục tiêu viết báo cáo chuyên đề tốt nghiệp	2 tuần	HV lựa chọn đề tài, hình thức viết chuyên đề

2	Phòng QLĐT phân công GV hướng dẫn viết Báo cáo chuyên đề để HV liên hệ	2 tuần	Trong Danh sách phân công GVHD có số điện thoại và địa chỉ email của GVHD để HV trực tiếp liên hệ
3	HV liên hệ với GVHD để thống nhất và chốt tên chuyên đề, hình thức và mục tiêu chuyên đề	2 tuần	Có Danh sách tổng hợp chốt tên, hình thức và mục tiêu của chuyên đề để phòng QLĐT theo dõi và kiểm tra khi nhận quyền
4	HV viết báo cáo chuyên đề dưới sự hướng dẫn trực tiếp của GVHD hoặc qua email, điện thoại	4 tháng	HV cần liên hệ với GVHD để viết chuyên đề ĐÚNG hình thức, mục tiêu đã đặt ra, tránh đăng ký hình thức chuyên đề Tổng quan tài liệu, nội dung lại viết nhầm sang hình thức Phân tích tình hình thực tế hoặc các hình thức khác Kết quả: Nộp quyền Báo cáo chuyên đề hoàn thiện cho phòng QLĐT (02 bản có xác nhận của GVHD).
5	Phòng QLĐT phân công GV chấm Báo cáo chuyên đề tốt nghiệp, tổng hợp điểm và thông báo kết quả	2,5 tháng	Danh sách kết quả chấm Báo cáo chuyên đề tốt nghiệp

Câu hỏi 4. Quyền lợi và trách nhiệm của HV trong quá trình viết Báo cáo chuyên đề tốt nghiệp CKI YTCC?

Quyền lợi của HV:

- HV được sự hỗ trợ của GVHD trong suốt quá trình viết Báo cáo chuyên đề tốt nghiệp, từ khi chọn hình thức chuyên đề, xác định tên chuyên đề, mục tiêu chuyên đề cho đến khi hoàn thành một báo cáo chuyên đề hoàn chỉnh. HV có thể gặp trực tiếp với GVHD để trao đổi cụ thể hoặc qua email, điện thoại.
- HV có thể sử dụng thư viện và các nguồn tài liệu của thư viện để thu thập tài liệu tham khảo

Trách nhiệm của HV:

- HV có trách nhiệm chính trong suốt quá trình viết Báo cáo chuyên đề tốt nghiệp và chịu trách nhiệm về chất lượng của Báo cáo. Quá trình này bắt đầu từ khi HV hình thành đến lựa chọn tên chuyên đề, hình thức và mục tiêu của chuyên đề.
- HV có nhiệm vụ liên hệ chặt chẽ với GVHD để được hướng dẫn chi tiết về nội dung và hình thức của chuyên đề
- Thường xuyên liên hệ với GVHD (theo nguyên tắc được thống nhất giữa HV và GVHD) và Phòng ĐT SĐH (khi cần hỗ trợ); trao đổi, thảo luận với GVHD và chỉnh sửa theo nội dung đã thống nhất với GVHD (nếu có).

1.2. CHUYÊN KHOA II Tổ chức và Quản lý Y tế

Câu hỏi 5. Các giai đoạn chính và các mốc thời gian trong quá trình làm LV CKII?

Tổng thời gian làm LV của HV tối thiểu là 8 tháng và có thể kéo dài hơn nhưng tổng thời gian cả khóa học của HV không quá 4 năm (48 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận trúng tuyển. HV kéo dài thời gian làm LV hơn 8 tháng phải có đơn gửi Phòng QLĐT và có kế hoạch làm LV cụ thể của cá nhân gửi kèm để Phòng theo dõi.

Phòng QLĐT qui định các mốc thời gian chính trong 8 tháng làm LV như sau:

TT	Nội dung	Thời gian	Yêu cầu
1	Xác định vấn đề nghiên cứu	Tối đa 4 tuần kể từ khi bắt đầu làm LV	Tự xác định vấn đề tại địa phương hoặc tìm kiếm bộ số liệu thứ cấp hoặc tìm kiếm các đề tài dự án để tham gia HV tự tìm GVHD phù hợp với vấn đề lựa chọn để thống nhất vấn đề nghiên cứu. Trong trường hợp HV không tìm được GVHD, HV cần liên hệ với Phòng QLĐT để được hỗ trợ. Kết thúc 4 tuần HV nộp cho Phòng QLĐT: Dự kiến tên vấn đề nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu và giấy đồng ý tham gia hướng dẫn của GVHD.
2	Xây dựng đề cương nghiên cứu và bảo vệ đề cương	4-6 tuần tiếp theo	Viết đề cương nghiên cứu theo mẫu của Phòng ĐT. Tham khảo mẫu đề cương tại: http://dtsdh.huph.edu.vn/vi/ck2qly/bieumau HV nộp 3 cuốn có xác nhận của GVHD đồng ý cho bảo vệ đề cương cho Phòng QLĐT để tổ chức hội đồng.
3	Thu thập số liệu	Tối đa 8 tuần	Thông qua hội đồng đạo đức trước khi thu thập số liệu. Tham khảo các biểu mẫu đăng ký hội đồng đạo đức tại: nckh.hsph.edu.vn/vi/hdddform HV tự thu thập số liệu dưới sự giám sát của GVHD.
4	Phân tích số liệu	Tối đa 4 tuần	HV tự tiến hành phân tích số liệu
5	Viết và bảo vệ LV	Tối đa 8 tuần	HV viết LV theo mẫu của Phòng QLĐT. Tham khảo mẫu LV tại: http://dtsdh.huph.edu.vn/vi/ck2qly/bieumau HV nộp 7 cuốn LV có xác nhận của GVHD đồng ý cho

			bảo vệ LV tới Phòng QLĐT.
6	Chỉnh sửa và hoàn thiện LV sau bảo vệ	4 tuần	HV phải chỉnh sửa LV theo ý kiến góp ý của hội đồng (HĐ) và có xác nhận của GVHD đồng ý nộp cho thư viện của trường <i>(tham khảo qui trình nộp LV cho thư viện tại: câu hỏi số 48)</i>

Câu hỏi 6. Quyền lợi và trách nhiệm của HV trong quá trình làm LV CKII?

Quyền lợi của HV:

- Trong quá trình làm LV, HV được sự hỗ trợ của GVHD trong việc xác định chủ đề nghiên cứu, xây dựng đề cương, phân tích số liệu và viết báo cáo. Ngoài ra, nếu HV có câu hỏi liên quan đến chuyên môn trong quá trình làm LV có thể liên hệ với các GV khác của nhà trường để nhận được sự hỗ trợ thêm.
- Trong trường hợp, GVHD LV của HV là GV ngoài trường, HV có thể đăng ký thêm một GV thực sĩ của Trường ĐH YTCC hỗ trợ thêm trong quá trình làm LV.
- HV tiến hành làm LV tại địa phương nơi HV công tác hoặc sinh sống. Trong trường hợp HV không thể triển khai LV tại địa phương, Phòng QLĐT sẽ bố trí cho HV triển khai LV tại các cơ sở thực địa của nhà trường.
- HV có thể sử dụng thư viện và các nguồn tài liệu của thư viện để thu thập tài liệu tham khảo

Trách nhiệm của HV:

- HV có trách nhiệm chính trong suốt quá trình làm LV và chịu trách nhiệm về chất lượng của LV. Quá trình này bắt đầu từ việc hình thành ý tưởng nghiên cứu, thu thập các tài liệu tham khảo liên quan, xây dựng đề cương, thử nghiệm công cụ nghiên cứu, thu thập số liệu, phân tích số liệu, viết báo cáo, chỉnh sửa đề cương/LV dựa trên các ý kiến của GVHD và hội đồng sau mỗi lần bảo vệ.
- HV có nhiệm vụ báo cáo với GVHD/GVHT và gửi kế hoạch làm LV do phòng QLĐT cung cấp đến GVHD/GVHT. Kế hoạch này bao gồm các giai đoạn làm LV: Giám sát xác định vấn đề; Viết đề cương; Bảo vệ đề cương; Phân tích số liệu, viết báo cáo; và Bảo vệ LV.
- Thường xuyên liên hệ với GVHD/GVHT (theo nguyên tắc được thống nhất giữa HV và GVHD/GVHT) và Phòng ĐT (khi cần hỗ trợ); trao đổi, thảo

luận với GVHD/GVHT và chỉnh sửa đề cương và LV theo nội dung đã thống nhất với GVHD/GVHT (nếu có),

Câu hỏi 7. Quy trình tổ chức hội đồng bảo vệ LV CK II?

- HV nộp 7 cuốn LV có xác nhận của GVHD/GVHT (nếu có) đồng ý cho bảo vệ về phòng QLĐT (LV tối thiểu 70 trang (khoảng 20 000 từ), không kể bảng biểu, hình vẽ, danh mục tài liệu tham khảo. Tham khảo mẫu LV tại: <http://dtsdh.huph.edu.vn/vi/ck2qly/bieumau>
- LV được trình bày và bảo vệ trước hội đồng chấm LV gồm 7 thành viên có trình độ TS hoặc CKII trở lên, trong đó có ít nhất 2 thành viên ngoài cơ sở đào tạo,
- Đánh giá LV bằng các biểu mẫu chấm điểm của Trường ĐH Y tế công cộng.
(chi tiết về các biểu mẫu tham khảo tại: <http://dtsdh.huph.edu.vn/vi/ck2qly/bieumau>)
- LV phải đạt điểm trung bình từ năm điểm trở lên mới coi là đạt yêu cầu.
- Nếu LV không được thông qua thì HV sẽ được bảo vệ lại sau 3 tháng. Hội đồng bảo vệ LV lần 2 có ít nhất 1/3 số thành viên đã tham gia hội đồng lần 1.

Câu hỏi 8. Nhóm chủ đề chính (hoặc cách tiếp cận chính) có thể lựa chọn khi làm đề tài nghiên cứu lĩnh vực quản lý hay yêu cầu về lựa chọn đề tài với LV CKII Tổ chức và Quản lý y tế?

Chủ đề của LV tốt nghiệp thuộc lĩnh vực hệ thống, tổ chức, quản lý và chính sách y tế. Các lĩnh vực nghiên cứu có thể bao gồm:

- Mô tả/phân tích/đánh giá việc xây dựng, triển khai, thực hiện hướng dẫn/quy định/chính sách y tế tại một hoặc một số cơ quan/tổ chức
- Mô tả/phân tích/đánh giá công tác quản lý chương trình/dịch vụ y tế
- Xây dựng/đánh giá nhu cầu, kinh nghiệm triển khai và hiệu quả của mô hình chăm sóc sức khỏe hoặc mô hình cung cấp dịch vụ y tế
- Mô tả/đánh giá hoạt động của tổ chức, mạng lưới hệ thống y tế
- Mô tả/đánh giá công tác quản lý nhân lực, quản lý trang thiết bị, quản lý tài chính, quản lý thông tin y tế...
- ...

Câu hỏi 9. Hãy đưa ra ví dụ về các nhóm chủ đề chính (hoặc cách tiếp cận chính) có thể lựa chọn khi làm đề tài nghiên cứu lĩnh vực tổ chức và quản lý y tế?

- Nghiên cứu chính sách y tế: quá trình thay đổi chính sách y tế, khó khăn, thuận lợi trong quá trình thực hiện, tác động ngắn hạn và dài hạn của quá trình thay đổi chính sách y tế
- Nghiên cứu tài chính y tế: Thực trạng thu chi tại các cơ sở y tế, tính toán chi phí dịch vụ y tế, tính toán chi phí liên quan đến bệnh tật, chi phí-hiệu quả kinh tế của các can thiệp y tế, cơ chế thanh toán bảo hiểm y tế, quản lý quỹ bảo hiểm y tế, sẵn sàng chi trả cho các dịch vụ y tế...
- Nghiên cứu về nhân lực y tế: Khối lượng công việc, phân bổ nhân lực y tế tại địa phương, gắn bó với công việc, gắn bó với đồng nghiệp...
- Nghiên cứu về thuốc: thực trạng kê đơn, sử dụng thuốc
- Nghiên cứu hệ thống thông tin: thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin, ...
- Nghiên cứu về trang thiết bị y tế: thực trạng sẵn có và mức độ sử dụng các TTB y tế
- Nghiên cứu về dịch vụ y tế: mức độ sẵn có, sẵn sàng, tiếp cận của 1 hay nhiều loại dịch vụ y tế, an toàn của dịch vụ y tế...
- Năng lực của hệ thống y tế: cấp độ quốc gia, tỉnh, huyện, xã có liên quan đến phòng chống một bệnh tật
- Nghiên cứu về kết quả, hiệu quả, hiệu suất của chương trình/dịch vụ y tế/can thiệp y tế
- Nghiên cứu về công bằng y tế.....
- Gợi ý về những chủ đề trên có thể sử dụng không chỉ cho học viên chuyên khoa 2 tổ chức quản lý y tế mà có thể dùng cho cả học viên là tiến sĩ, thạc sĩ QLBV, thạc sĩ YTCC, chuyên khoa 1. Tuy nhiên tùy theo yêu cầu của mỗi loại hình đào tạo và mã ngành mà các học viên cần phải đặt các câu hỏi nghiên cứu phù hợp và khả thi.

Câu hỏi 10. Chủ đề "Thực trạng sức khỏe và một số yếu tố liên quan" là một chủ đề thường gặp trong lĩnh vực YTCC, tuy nhiên khi học viên lựa chọn chủ đề này, các hội đồng mang định hướng quản lý thường trả lời không phù hợp, nếu học viên vẫn muốn lựa chọn chủ đề về "thực trạng một vấn đề sức khỏe", cách tiếp cận phù hợp sẽ là như thế nào?

Lý do các hội đồng mang định hướng quản lý thường trả lời là nội dung thực trạng sức khỏe và một số yếu tố liên quan mà HV làm là không phù hợp vì học viên thường áp dụng cách tiếp cận YTCC là thu thập số liệu về thực trạng sức khỏe (*kiến thức, thái độ, thực hành của người bệnh/người dân, tỷ lệ mắc bệnh, .v.v.*) của người bệnh hoặc cộng đồng và sau đó tìm các yếu tố liên quan như: tuổi, giới, trình độ học vấn, kiến thức, thái độ, và hành vi, .v.v.

Khi làm nghiên cứu định hướng quản lý nói chung và luận văn CKII tổ chức – quản lý y tế nói riêng, “thực trạng sức khỏe” lúc này được xem là kết quả của chương trình/dịch vụ y tế và được sử dụng để đánh giá kết quả/hiệu quả của chương trình/dịch vụ y tế. Theo yêu cầu của định hướng này Học viên còn cần khai thác các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả/hiệu quả của Chương trình/dịch vụ y tế đó, đặc biệt cần quan tâm đến những yếu tố thuộc về bên cung cấp dịch vụ (như con người, nguồn lực, công nghệ/thuốc, thông tin y tế, theo dõi, giám sát/ các qui định/chính sách y tế...). Do vậy, HV không nhất thiết phải thu thập số liệu về tình hình sức khỏe của người bệnh/người dân qua phỏng vấn cộng đồng mà có thể sử dụng số liệu thứ cấp (*báo cáo tình hình sức khỏe, bệnh án, báo cáo chương trình/dịch vụ y tế .v.v.*) và áp dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng và/hoặc định tính để tìm hiểu thông tin về quan điểm của người bệnh/người dân, nhân viên các chương trình/dịch vụ y tế, cán bộ lãnh đạo chương trình/cơ sở y tế và các bên liên quan (*chẳng hạn: đại diện chính quyền, các cơ quan/ban/ngành, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn*) đối với vấn đề tổ chức bộ máy, tổ chức hoạt động, quản lý chương trình/dịch vụ y tế, .v.v. để có thể phân tích được những yếu tố ảnh hưởng/khó khăn thuận lợi/những giải pháp khả thi, phù hợp ở địa bàn nghiên cứu.

Các nội dung bàn luận, kết luận và khuyến nghị đều phải xuất phát từ kết quả nghiên cứu, tập trung vào các vấn đề liên quan đến tổ chức, nhân lực y tế, thông tin, tài chính y tế, quản lý/điều hành chương trình/dịch vụ y tế...

Câu hỏi 11. Chủ đề nghiên cứu là “Suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi và một số yếu tố liên quan tại địa bàn A” có phù hợp với yêu cầu lựa chọn đề tài LV CKII Tổ chức và Quản lý y tế không? Tại sao?

Chủ đề nghiên cứu là “Suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi và một số yếu tố liên quan tại địa bàn A” **không phù hợp** với yêu cầu lựa chọn đề tài LV CKII Tổ chức và Quản lý y tế. Vì tại địa bàn A, khi HV phát hiện thấy tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi cao. Sau khi phân tích vấn đề cho thấy nguyên nhân tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em cao:

- Thứ nhất là do công tác quản lý cũng như hoạt động của chương trình dinh dưỡng chưa hiệu quả,
- Thứ hai là do nhân lực làm công tác dinh dưỡng còn thiếu cả về số lượng và chất lượng
- .v.v.

Như vậy, HV xác định vấn đề trên đây là ưu tiên cần nghiên cứu thì chủ đề nghiên cứu có thể là “Đánh giá công tác quản lý và triển khai chương trình dinh dưỡng tại địa bàn A” chứ không phải nghiên cứu có chủ đề là “Suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi và một số yếu tố liên quan tại địa bàn A”, hoặc không phải là “Thực trạng suy dinh dưỡng

và kiến thức thái độ, thực hành của bà mẹ về phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em tại địa bàn A”.

Tóm lại, vấn đề phát hiện được tại địa phương có thể là các vấn đề sức khỏe, hoặc vấn đề liên quan đến hệ thống y tế, cung cấp dịch vụ y tế (khám chữa bệnh, dự phòng v.v). Một trong những nguyên nhân gốc rễ của các vấn đề sức khỏe được chọn **cần liên quan đến các yếu tố về tổ chức, quản lý y tế**. HV phải tập trung vào nghiên cứu vấn đề tổ chức, quản lý y tế chứ không phải chỉ nghiên cứu vấn đề về sức khỏe/bệnh.

Câu hỏi 12. Khi tiến hành xây dựng đề cương nghiên cứu có cần đặt ra câu hỏi nghiên cứu hay không?

Trong các nghiên cứu khoa học, điều quan trọng đầu tiên là việc xác định được đề tài, câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu; HV cần xác định câu hỏi nghiên cứu nhằm định hướng cho quá trình nghiên cứu: giúp hoạt động nghiên cứu tập trung, không lạc đề; định hướng cho tổng quan tài liệu, lựa chọn phương pháp thiết kế nghiên cứu, đối tượng phù hợp. Câu hỏi nghiên cứu là: câu hỏi được đưa ra và trả lời bằng kết quả nghiên cứu.

Chẳng hạn, đề tài nghiên cứu của học viên là: “Đánh giá kết quả thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã và một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của trạm y tế xã B, huyện C, Tỉnh D, năm 2016”. Lúc này, một số câu hỏi nghiên cứu có thể được đặt ra như: (1) Kết quả thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã của trạm y tế xã B như thế nào? Hoặc trạm y tế xã B đạt được những kết quả gì khi thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã; (2) yếu tố nào ảnh hưởng đến hoạt động của trạm y tế xã?; .v.v.

Từ câu hỏi nghiên cứu trên đây, HV có thể xác định mục tiêu nghiên cứu là:

Mục tiêu 1: Mô tả/đánh giá kết quả thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã tại trạm y tế xã B, huyện C, tỉnh A, năm 2016.

Mục tiêu 2: Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của trạm y tế xã B, huyện C, tỉnh A, năm 2016.

Câu hỏi 13. Tôi có thể đặt ra bất kể một câu hỏi nghiên cứu nào để tiến hành nghiên cứu luận văn CKII TCQLYT?

Không. HV cần xem xét tính khả thi của câu hỏi nghiên cứu được đặt ra: Liệu với câu hỏi nghiên cứu đặt ra, vấn đề có được giải quyết trong nghiên cứu hay trong khoảng thời gian nghiên cứu (8 tháng) hay không? Câu hỏi nghiên cứu đã thực sự xuất phát từ chủ đề nghiên cứu hay chưa? Câu hỏi nghiên cứu có cung cấp cho người quản lý những thông tin hữu ích, cần thiết không? .v.v.

Câu hỏi 14. Với luận văn CKII Tổ chức và Quản lý y tế, tôi nên tổng quan tài liệu như thế nào cho phù hợp với mã ngành này?

“Tổng quan tài liệu là một bài viết, công trình nghiên cứu về một chủ đề nhất định dựa trên những tài liệu, báo cáo và công trình nghiên cứu đã được thực hiện (kể cả trong nước và trên thế giới). Viết tổng quan tài liệu không phải chỉ là việc xem xét, tập hợp, liệt kê thông tin, ý tưởng được nêu trong các tài liệu sẵn có về một chủ đề nhất định mà còn phải phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp những tài liệu này trong mối liên hệ với mục tiêu đề ra của nghiên cứu”.

Dưới đây là gợi ý cho một tổng quan tài liệu của nghiên cứu với chủ đề là “Đánh giá kết quả thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã và một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của trạm y tế xã B, huyện C, Tỉnh D, năm 2016”:

1. Tổng quan về y tế cơ sở (*Ở đây cần nêu rõ là luận văn giới hạn trình bày về tuyến xã sau đó có thể nêu các khái niệm về: trạm y tế, y tế cơ sở, phân vùng trạm y tế; trình bày chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã*)
2. Tổ chức mạng lưới và cung ứng dịch vụ y tế xã (*Có thể trình bày về: Tổ chức mạng lưới y tế xã; Đầu tư phát triển cơ sở vật chất cho mạng lưới y tế xã; Nhân lực cho mạng lưới y tế xã; Tài chính cho mạng lưới y tế xã; Cung ứng dịch vụ trong mạng lưới y tế xã*)
3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện bộ tiêu chí quốc gia (*Có thể trình bày về vấn đề như: Công tác quản lý, điều hành; Nhân lực; Tài chính; Thuốc và trang thiết bị; Cung ứng dịch vụ; Hệ thống thông tin y tế*)
4. Các nghiên cứu và đánh giá việc thực hiện bộ tiêu chí quốc gia
5. Giới thiệu về địa bàn nghiên cứu
6. Các văn bản pháp lý liên quan đến việc thực hiện các tiêu chí quốc gia về y tế xã.

Câu hỏi 15. Nghiên cứu đánh giá chất lượng cuộc sống của người bệnh và một số yếu tố ảnh hưởng có được chấp nhận là một chủ đề của ThS Quản lý bệnh viện hoặc CKII Tổ chức Quản lý Y tế không?

Nghiên cứu đánh giá chất lượng cuộc sống của người bệnh và một số yếu tố ảnh hưởng HOÀN TOÀN có thể là một chủ đề của ThS Quản lý bệnh viện hoặc CKII Tổ chức Quản lý Y tế nếu học viên khai thác được các yếu tố ảnh hưởng về mặt tổ chức và quản lý y tế bao gồm các yếu tố:

- Chính sách/quản lý liên quan đến người bệnh: cơ sở vật chất, thuốc, TTB, nhân lực yt...). Ví dụ: quản lý sử dụng TTB bị tốt sẽ ảnh hưởng tốt đến việc chạy thận nhân tạo và ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống của người chạy thận nhân tạo...
- Truyền thông-tư vấn sức khỏe cho người bệnh khi khám bệnh, trong và sau đợt điều trị...,
- Tương tác và giao tiếp giữa NVYT- người bệnh
- Chính sách bảo hiểm y tế, chính sách hỗ trợ khác của BV đối với người bệnh,...

1.3. THẠC SĨ

Câu hỏi 16. Các giai đoạn chính và các mốc thời gian trong quá trình làm LV ThS?

Để hoàn thành LV ThS, HV sẽ trải qua các bước cơ bản sau đây:

Nội dung	Quy trình	Thời gian thực hiện (lớp tuyển sinh trước tháng 10/2021)	Thời gian thực hiện (lớp tuyển sinh từ sau tháng 10/2021 trở đi)
Giai đoạn 1: Xây dựng ý tưởng nghiên cứu		6 tuần	4 tuần
Xây dựng ý tưởng nghiên cứu	- HV xây dựng tối thiểu 1 và tối đa 2 ý tưởng nghiên cứu (theo mẫu) và gửi về phòng QLĐT, làm thủ tục đăng ký GVHD, GVHT.		
Hỗ trợ, định hướng ý tưởng nghiên cứu	- Phòng QLĐT sẽ tổ chức 2 đợt nhận ý tưởng nghiên cứu và gửi tới các GV nhận xét, góp ý. - Sau khi được thông qua ý tưởng nghiên cứu, HV chỉnh sửa và hoàn thiện, gửi về phòng QLĐT (có xác nhận của 2 GV duyệt ý tưởng nghiên cứu).		
Giai đoạn 2: Xây dựng và bảo vệ đề cương nghiên cứu		8 tuần	8 tuần
Xây dựng đề cương nghiên cứu	- Dựa trên ý tưởng nghiên cứu đã được duyệt, HV xây dựng đề cương nghiên cứu (ĐCNC) dưới sự hỗ trợ của GVHD và GVHT (nếu có)		
Bảo vệ đề cương nghiên cứu	- Phòng QLĐT sẽ tổ chức tối đa 3 đợt bảo vệ đề cương (mỗi đợt cách nhau 2 tuần) để HV đăng ký. Mỗi HV được phép bảo vệ lại tối đa 2 lần (kể cả lần không đăng ký). - HV chỉnh sửa và hoàn thiện đề cương theo góp ý của hội đồng, có xác nhận của GVHD, GVHT (nếu có) và hội đồng (nếu có) và gửi file điện tử (dạng pdf) về Phòng QLĐT.		

Giai đoạn 3: Triển khai nghiên cứu		16 tuần	12 tuần
Thu thập số liệu (TTSL)	Trên cơ sở đề cương đã được duyệt, HV chủ động TTSL với sự hỗ trợ của GVHD và GVHT (nếu có)		
Phân tích số liệu và viết báo cáo	HV phân tích số liệu và viết luận văn với sự hỗ trợ của GVHD và GVHT (nếu có)		
Giai đoạn 4: Phản biện và bảo vệ luận văn		6 tuần	6 tuần
Phản biện luận văn	<ul style="list-style-type: none"> - HV nộp 2 cuốn LV (theo mẫu của Trường) (không có tên HV, GVHD, GVHT) và biên bản hội đồng đề cương (đã xoá tên HV và thành viên hội đồng) cho phòng QLĐT. - Phòng QLĐT sẽ gửi tới 2 thầy cô phản biện (PB) đọc và nhận xét luận văn cho HV. 		
Chỉnh sửa LV theo góp ý của PB	HV chỉnh sửa LV theo góp ý của PB và giải trình các góp ý của PB (theo mẫu).		
Bảo vệ LV	<ul style="list-style-type: none"> - HV nộp 5 cuốn LV đã chỉnh sửa theo góp ý của 2 PB, bản giải trình các góp ý của PB (tất cả không có tên HV, GVHD và GVHT), và giấy xác nhận đồng ý cho bảo vệ của GVHD và GVHT (nếu có). - Mỗi năm, phòng QLĐT tổ chức 2 đợt bảo vệ LV. HV được phép đăng ký 1 trong 2 đợt. Mỗi HV chỉ được bảo vệ lại LV tối đa 1 lần. - 		
Giai đoạn 5: Chỉnh sửa, hoàn thiện LV sau bảo vệ và nộp LV cho thư viện		6 tuần	6 tuần
	HV chỉnh sửa, hoàn thiện LV và nộp cho thư viện theo qui trình nộp LV theo quy trình tiếp nhận và xử lý luận án, luận văn điện tử.		

Câu hỏi 17. Các giai đoạn chính và các mốc thời gian trong quá trình làm ĐA ThS?

Để hoàn thành ĐA ThS, HV sẽ trải qua các bước cơ bản sau đây:

Nội dung	Quy trình	Thời gian thực hiện
Giai đoạn 1: Xây dựng ý tưởng đề án		4 tuần
Xây dựng ý tưởng đề án	- HV xây dựng tối thiểu 1 và tối đa 2 ý tưởng đề án (theo mẫu) và gửi về phòng QLĐT, làm thủ tục đăng ký GVHD, GVHT.	
Hỗ trợ, định hướng ý tưởng nghiên cứu	- Phòng QLĐT sẽ tổ chức 2 đợt nhận ý tưởng nghiên cứu và gửi tới các GV nhận xét, góp ý. - Sau khi được thông qua ý tưởng nghiên cứu, HV chỉnh sửa và hoàn thiện, gửi về phòng QLĐT (có xác nhận của 2 GV duyệt ý tưởng nghiên cứu).	
Giai đoạn 2: Xây dựng và bảo vệ đề cương		8 tuần
Xây dựng đề cương	- Dựa trên ý tưởng nghiên cứu đã được duyệt, HV xây dựng đề cương nghiên cứu (ĐCNC) dưới sự hỗ trợ của GVHD và GVHT (nếu có)	
Bảo vệ đề cương	- Phòng QLĐT sẽ tổ chức tối đa 3 đợt bảo vệ đề cương (mỗi đợt cách nhau 2 tuần) để HV đăng ký. Mỗi HV được phép bảo vệ lại tối đa 2 lần (kể cả lần không đăng ký). - HV chỉnh sửa và hoàn thiện đề cương theo góp ý của hội đồng, có xác nhận của GVHD, GVHT (nếu có) và hội đồng (nếu có) và gửi file điện tử (dạng pdf) về Phòng QLĐT.	
Giai đoạn 3: Triển khai đề án		10 tuần
Thu thập số liệu (TTSL)	Trên cơ sở đề cương đã được duyệt, HV chủ động TTSL với sự hỗ trợ của GVHD và GVHT (nếu có)	

Phân tích số liệu và viết báo cáo	HV phân tích số liệu và viết đề án với sự hỗ trợ của GVHD và GVHD (nếu có)	
Giai đoạn 4: Bảo vệ đề án		4 tuần
Bảo vệ đề án	<ul style="list-style-type: none"> - HV nộp 5 cuốn ĐA, báo cáo turnitin, giấy xác nhận đồng ý cho bảo vệ của GVHD và GVHT (nếu có). - Mỗi năm, phòng QLĐT tổ chức 2 đợt bảo vệ ĐA. HV được phép đăng ký 1 trong 2 đợt. Mỗi HV chỉ được bảo vệ lại ĐA tối đa 1 lần. - 	
Giai đoạn 5: Chỉnh sửa, hoàn thiện ĐA sau bảo vệ và nộp ĐA cho thư viện		6 tuần
	HV chỉnh sửa, hoàn thiện ĐA và nộp cho thư viện theo qui trình tiếp nhận và xử lý luận án, luận văn, đề án điện tử.	

Câu hỏi 18. Quy trình hỗ trợ, định hướng ý tưởng nghiên cứu LV/ĐA được thực hiện như thế nào?

Phòng QLĐT tổ chức 2 đợt nhận ý tưởng nghiên cứu để HV đăng ký, mỗi đợt cách nhau 2 tuần. Mỗi đợt, HV được gửi 1 ý tưởng nghiên cứu tới Phòng QLĐT để Phòng thực hiện qui trình hỗ trợ, định hướng ý tưởng nghiên cứu.

- Phòng QLĐT sẽ gửi ý tưởng tới 2 GV được phân công. GV đọc, nhận xét và góp ý dưới dạng comments hoặc trackchange trực tiếp vào bản ý tưởng nghiên cứu của học viên (Phòng sẽ cung cấp danh sách phân công nhận xét ý tưởng nghiên cứu, địa chỉ email/ĐT của GV và HV để GV và HV có thể trao đổi khi cần). Sẽ có các tình huống sau xảy ra:
 - Nếu cả 2 GV đồng ý thông qua, HV chỉnh sửa và cần chỉnh sửa theo góp ý của GV thì HV chuyển sang giai đoạn 2: viết đề cương nghiên cứu.
 - Nếu 1 trong 2 GV không đồng ý thông qua, HV được phép tiếp tục chỉnh sửa:
 - Nếu được thông qua: HV chỉnh sửa và chuyển sang giai đoạn viết đề cương nghiên cứu.
 - Nếu vẫn không được thông qua: học viên có thể gửi ý tưởng nghiên cứu đợt 2 (nếu vẫn kịp đăng ký đợt 2).
 - Quy trình nhận xét ý tưởng đợt 2 được thực hiện như đợt 1

- Nếu HV không được thông qua ý tưởng nghiên cứu qua email hoặc không kịp nộp YTNC đợt 2, HV sẽ phải thông qua ý tưởng nghiên cứu bằng hình thức trực tiếp.
- Sau khi được thông qua ý tưởng nghiên cứu, HV chỉnh sửa và hoàn thiện ý tưởng nghiên cứu, gửi về phòng QLĐT (có xác nhận của 2 GV duyệt ý tưởng nghiên cứu)

Lưu ý: Khi ý tưởng nghiên cứu được thông qua, hai GV nhận xét chốt tên đề tài, mục tiêu và những điểm chính của phần PPNC (theo mẫu của Phòng QLĐT) gửi cho HV và Phòng QLĐT để làm cơ sở thực hiện cho các giai đoạn tiếp theo.

Câu hỏi 19. Nếu sau 3 đợt bảo vệ đề cương chính thức vẫn không được thông qua, HV có được tiếp tục làm LV/ĐA không?

Mỗi năm, Phòng QLĐT tổ chức 3 đợt bảo vệ đề cương LV/ĐA chính thức. HV đăng ký và được phép bảo vệ tối đa 3 lần theo lịch chính thức đã công bố (kể cả những lần không đăng ký). Nếu sau 3 lần theo lịch chính thức, HV vẫn không được thông qua, HV có thể:

- Làm đơn xin bảo lưu theo qui định để học cùng khoá tiếp theo.
- Nếu HV muốn tiếp tục làm LV/ĐA mà không chờ khoá sau: cứ 3 tháng 1 lần, Phòng QLĐT có thể tổ chức các đợt bảo vệ đề cương bổ sung, nếu HV có đơn đề nghị và được nhà trường chấp nhận, thì HV đóng kinh phí bảo vệ theo nhu cầu theo qui định của nhà trường (số lần bảo vệ đề cương không hạn chế cho đến khi đề cương được thông qua).

Câu hỏi 20. Những qui định chính về tiêu chuẩn GVHD luận văn thạc sĩ là gì?

1. Đối với các lớp tuyển sinh trước 15/10/20221

Qui định về tiêu chuẩn GVHD được thực hiện theo Thông thư số 15/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2014 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ. Trong đó tiêu chuẩn GVHD quy định tại mục b và c, khoản 1, Điều 27 như sau:

b) Người có chức danh giáo sư được hướng dẫn tối đa 7 HV; người có học vị tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh phó giáo sư được hướng dẫn tối đa 5 HV; người có học vị tiến sĩ từ 1 năm trở lên được hướng dẫn tối đa 3 HV trong cùng thời gian, kể cả HV của cơ sở đào tạo khác;

c) Riêng đối với LV thuộc chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng thì người hướng dẫn thứ hai có thể là người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 15 năm kinh nghiệm làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài; được hướng dẫn tối đa 2 HV trong cùng thời gian, tính trong tất cả các cơ sở đào tạo có tham gia hướng dẫn.

“Cùng thời gian” được hiểu là trong cùng một năm học.

Mỗi LV thạc sĩ có tối đa hai người hướng dẫn. Nếu có 2 GVHD thì mỗi GVHD được tính một nửa số giờ hoặc một nửa thù lao của 1 LV.

Trường ĐH YTCC khuyến khích HV mời GVHD có kinh nghiệm liên quan đến chủ đề nghiên cứu của HV (ví dụ: GVHD có vị trí công tác phù hợp với chủ đề LV của HV hoặc đã từng làm nghiên cứu, viết bài báo khoa học, viết tài liệu,... liên quan đến chủ đề LV của HV)

2. Đối với các lớp tuyển sinh sau 15/10/2021:

Qui định về tiêu chuẩn GVHD được thực hiện theo Thông thư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 30 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ. Trong đó tiêu chuẩn GVHD quy định tại khoản 3 và khoản 4, Điều 8 như sau

2.1 Mỗi học viên có một hoặc hai người hướng dẫn luận văn, trong đó phải có một người là giảng viên cơ hữu của Trường. Tại một thời điểm, một người hướng dẫn độc lập không quá 05 học viên (tính cả số học viên thực hiện học phần tốt nghiệp của chương trình định hướng ứng dụng); trường hợp đồng hướng dẫn 02 học viên được tính tương đương hướng dẫn độc lập 01 học viên.

2.2 Tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn

- a) Có trình độ tiến sĩ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo và đề tài luận văn của học viên;
- b) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;
- c) Có kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận văn trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm được giao hướng dẫn. Giáo viên hướng dẫn cần thoả mãn ít nhất một trong các tiêu chí sau:
 - Có tham gia ít nhất 1 nghiên cứu về lĩnh vực đề tài nghiên cứu của học viên.
 - Có tham gia biên soạn ít nhất 1 cuốn sách/chương sách về lĩnh vực đề tài nghiên cứu của học viên.
 - Có tên trong nhóm tác giả ít nhất 1 bài báo có về lĩnh vực đề tài nghiên cứu của học viên
 - Có vị trí công tác thực tế thuộc lĩnh vực đề tài nghiên cứu của học viên.
 - Đáp ứng những yêu cầu khác theo chuẩn CTĐT của ngành, lĩnh vực đào tạo

Câu hỏi 21. Những qui định chính về tiêu chuẩn GVHD đề án thạc sĩ là gì?

Mỗi học viên có một hoặc hai người hướng dẫn đề án, trong đó phải có một người là giảng viên cơ hữu của Trường ĐHYTCC. Tại một thời điểm, một người hướng dẫn độc lập không quá 05 học viên (tính cả số học viên thực hiện luận văn của chương trình định hướng nghiên cứu); trường hợp đồng hướng dẫn 02 học viên được tính tương đương hướng dẫn độc lập 01 học viên.

a) Người hướng dẫn đề án phải có trình độ tiến sĩ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo và nội dung đề án của học viên và đáp ứng những yêu cầu khác theo chuẩn CTĐT của ngành, lĩnh vực đào tạo.

b) Người hướng dẫn đề án có trách nhiệm sau:

- Hướng dẫn học viên xây dựng và thực hiện kế hoạch triển khai đề án;
- Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc học viên thực hiện đề án theo kế hoạch;
- Xác nhận kết quả triển khai đề án đạt được, duyệt đề án của học viên và chịu trách nhiệm về việc đề nghị nhà trường cho học viên bảo vệ đề án;
- Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật

Câu hỏi 22. Quyền lợi và trách nhiệm của HV ThS trong các đợt giám sát và bảo vệ đề cương trong năm thứ hai?

Quyền lợi:

- Trong quá trình làm LV/ĐA, HV được sự hỗ trợ của GVHD trong việc xác định chủ đề nghiên cứu, xây dựng đề cương, phân tích số liệu và viết báo cáo. Ngoài ra, nếu HV có câu hỏi liên quan đến chuyên môn trong quá trình làm LV/ĐA có thể liên hệ với các GV của nhà trường để nhận được sự hỗ trợ thêm.

- Trong trường hợp, GVHD của HV là GV theo nghị định 111, HV sẽ được phân công thêm một GV thạc sĩ của Trường ĐH YTCC hỗ trợ thêm trong quá trình làm LV.

- HV được đăng ký thời gian giám sát, bảo vệ tùy theo tiến độ thực hiện công việc của HV trong khung thời gian của mỗi đợt tổ chức. Tuy nhiên Phòng QLĐT chỉ tổ chức tối đa là 03 lần cho mỗi hoạt động giám sát và bảo vệ trong chương trình, nếu HV bỏ đợt đăng ký nào coi như sẽ mất 01 lần giám sát hoặc bảo vệ.

Trách nhiệm:

- Thực hiện theo kế hoạch do Phòng QLĐT xây dựng và thông báo từ đầu năm học thứ 2

- Thường xuyên kiểm tra thông tin trong hòm thư cá nhân mà nhà trường đã tạo cho mỗi học viên, đặc biệt vào các thời điểm gần đến các thời hạn quy định trong kế hoạch.

- Gửi thông tin cho Phòng QLĐT khi có sự thay đổi kế hoạch do yếu tố cá nhân. Trong một số trường hợp cụ thể, HV có thể phải làm đơn gửi Phòng QLĐT khi có đề nghị được thay đổi, hoặc yêu cầu sự hỗ trợ của Phòng QLĐT.

- Phối hợp với các thành viên trong lớp thực hiện công việc khi được Phòng QLĐT yêu cầu và đã có thông báo.

- Chủ động liên lạc thường xuyên với GVHD/GVHT (theo nguyên tắc đã thống nhất giữa HV và GVHD/GVHT để báo cáo tiến độ thực hiện hoặc LV).

Câu hỏi 23. Sự khác biệt cơ bản giữa thạc sĩ thuộc định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng là gì?

	Định hướng nghiên cứu	Định hướng ứng dụng
Yêu cầu tuyển sinh	HV tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu	Không yêu cầu về loại bằng tốt nghiệp
Điểm lợi khi học tiếp lên TS	Được công nhận có kinh nghiệm nghiên cứu và có thể học luôn lên Tiến sĩ	Cần chứng minh có kinh nghiệm nghiên cứu bằng bài báo, báo cáo khoa học hoặc 2 năm kinh nghiệm làm giảng viên/ nghiên cứu viên
Khối lượng học tập	Giống nhau ở khối kiến thức giai đoạn đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành (24 tín chỉ) Khác nhau: – Khối kiến thức bổ trợ: 12 tín chỉ – Có 2 chuyên đề: 12 tín chỉ – Luận văn tốt nghiệp: 12 tín chỉ	Giống nhau ở khối kiến thức giai đoạn đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành (24 tín chỉ) Khác nhau: – Khối kiến thức bổ trợ: 21 tín chỉ – Có 1 chuyên đề: 6 tín chỉ – Đề án tốt nghiệp: 9 tín chỉ
Chuyên đề nghiên cứu	Cần thực hiện 02 chuyên đề nghiên cứu theo nhóm từ 2 – 3 HV	Không cần thực hiện
Chuyên thực tập	– Không cần thực hiện	Thực hiện thực tập tại cơ sở thực địa/ Kiến tập bệnh viện (6 tuần)
Học phân tốt nghiệp		
Tên	Luận văn tốt nghiệp	Đề án tốt nghiệp

Thời gian	30 tuần (12 TC)	26 tuần (9 TC)
Tổ chức thực hiện	Theo 3 giai đoạn: – Xác định ý tưởng – Hoàn thiện đề cương – Hoàn thiện luận văn: có vòng phản biện kín	Theo 3 giai đoạn: – Xác định ý tưởng – Hoàn thiện đề cương – Hoàn thiện đề án: không có phản biện kín
Nội dung	Tập trung vào mô tả thực trạng và phân tích yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng vấn đề nghiên cứu	Tập trung mô tả thực trạng vấn đề và đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề.
Cấu trúc	Đặt vấn đề Mục tiêu nghiên cứu Chương 1: Tổng quan tài liệu Chương 2: Phương pháp NC Chương 3: Kết quả NC Chương 4: Bàn luận Kết luận Khuyến nghị	Đặt vấn đề Mục tiêu đề án Chương 1: Cơ sở lý luận Chương 2: Phương pháp thu thập thông tin Chương 3: Thực trạng... Chương 4: Giải pháp... Kết luận

Câu hỏi 24: Những chủ đề LV nào được coi là phù hợp với mã số chuyên ngành ThS QLBV?

Những LV thuộc các chủ đề nhằm cung cấp các bằng chứng để cải thiện công tác chăm sóc sức khỏe trong bệnh viện cũng như thực hiện chức năng nhiệm vụ của bệnh viện được coi là phù hợp với mã số chuyên ngành ThS QLBV. Địa bàn thực hiện nghiên cứu phải thuộc bệnh viện hoặc các cơ sở cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh chứ không phải tiến hành trên cộng đồng.

Ví dụ 1 số chủ đề như sau:

- Quản lý nhân lực bệnh viện
- Quản lý tài chính bệnh viện
- Quản lý khám chữa bệnh
- Quản lý trang thiết bị tại bệnh viện
- Quản lý Dược tại bệnh viện
- Thực hiện nhiệm vụ của điều dưỡng
- Thực hiện 1 số qui trình tại bệnh viện
- Tuân thủ điều trị của bệnh nhân tại bệnh viện
- ...

Câu hỏi 25. Yêu cầu về hình thức của LV/ĐA như thế nào? (Độ dài, font chữ, cỡ chữ, giãn dòng...)? Nếu độ dài LV vượt quá thì có bị trừ điểm không?

Hiện tại, Phòng QLĐT đã có hướng dẫn mẫu viết LV thông thường và mẫu viết đề cương phân tích số liệu thứ cấp, trong đó qui định chi tiết về cấu trúc các phần, hướng dẫn từng phần và hình thức trình bày (đánh số thứ tự, cách viết tài liệu tham khảo, soạn thảo văn bản,...) của LV. Về hình thức trình bày qui định như sau:

- Luận văn được đóng trên khổ giấy A4(21 × 29,7 cm)
- Font chữ Unicode (Time New Roman), cỡ chữ 13, dòng 1.5 .
- Lề trái cách 3,5 cm, lề phải 2 cm, lề trên 3cm, lề dưới 3cm. Số trang được đánh ở giữa phía trên đầu mỗi trang giấy, đánh số từ phần đặt vấn đề (theo chữ số A rập 1, 2, 3).
- Độ dài của LV khoảng 60 -70 trang là chấp nhận được (không kể trang bìa, phụ lục và TLTK)
- Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này.
- Phải đóng thành quyển có bìa như hướng dẫn

Bắt đầu năm thứ hai của chương trình đào tạo, tất cả các biểu mẫu này đã được phổ biến đến toàn thể HV ThS. Chi tiết xin xem tại địa chỉ trang web của Phòng QLĐT: <https://dtdh.huph.edu.vn/vi/dtsdh>

Hiện chưa có qui định trừ điểm khi LV/ĐA quá số trang. Căn cứ vào hướng dẫn viết LV của Phòng QLĐT, GVHD và hội đồng có thể góp ý cho HV cách viết ngắn gọn, đảm bảo nội dung để người đọc có thể hiểu được một cách tốt nhất.

Chi tiết tham khảo tại đường link:

<https://dtdh.huph.edu.vn/vi/node/64262> (Cho ThS YTCC)

<https://dtdh.huph.edu.vn/vi/node/64264> (Cho ThS QLBV)

Câu hỏi 26. Hiện nay, Trường đang thực hiện việc phản biện kín 2 vòng đối với luận văn thạc sĩ. Trong trường hợp phản biện gửi lại muộn hơn so với thời gian qui định thì xử lý như thế nào?

Sau khi HV nộp quyền LV cho Phòng QLĐT, Phòng sẽ gửi tới 2 phản biện. Phản biện sẽ trả lại bài phản biện cho Phòng ĐT theo thời gian qui định đã được ghi trong giấy mời (thông thường khoảng 2 tuần).

Để đảm bảo quyền lợi cho HV, nếu phản biện gửi lại bài phản biện muộn hơn so với thời gian qui định bao nhiêu ngày, thì HV cũng sẽ được nộp muộn bấy nhiêu ngày để chỉnh sửa luận văn theo ý kiến góp ý của phản biện.

Câu hỏi 27. Tiêu chí cộng điểm về nghiên cứu khoa học cho luận văn/đề án thạc sĩ?

Hình thức cộng điểm về thành tích nghiên cứu dành cho học viên:

Đối với bài báo:

- Học viên được cộng 1 điểm:
 - Có bài báo (từ kết quả nghiên cứu của luận văn) đã được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành do hội đồng giáo sư nhà nước qui định (Học viên tham khảo danh mục tạp chí theo đường link sau:
<http://nckh.huph.edu.vn/vi/node/375>
 - Có xác nhận của tạp chí khoa học chuyên ngành do hội đồng giáo sư nhà nước qui định về việc bài báo của học viên đã qua phản biện và sẽ được đăng tại số nào, thời gian nào của tạp chí.
- Học viên được cộng 0,5 điểm:
 - Có bản dự thảo bài báo được viết theo đúng format của tạp chí khoa học chuyên ngành do hội đồng giáo sư nhà nước qui định và có chữ ký xác nhận của Giáo viên hướng dẫn về bản dự thảo của bài báo
 - Hội đồng chấm luận văn xem xét đồng ý tại buổi bảo vệ luận văn.

Đối với đề án:

- Học viên được cộng 1 điểm: Bản đề án của học viên cần đáp ứng đủ 3 yêu cầu sau:
 - Có bản đề án bao gồm đầy đủ các phần: đặt vấn đề, mục tiêu, khuyến nghị và giải pháp
 - Giải pháp phải xuất phát từ kết quả nghiên cứu
 - Có văn bản xác nhận (ký và đóng dấu) của cơ quan ứng dụng về việc đã, đang và sẽ triển khai đề án.
 - Hội đồng chấm luận văn xem xét đồng ý tại buổi bảo vệ luận văn
- Học viên được cộng 0.5 điểm: bản đề án của học viên cần đáp ứng đủ 3 yêu cầu sau:
 - Có bản đề án bao gồm đầy đủ các phần: đặt vấn đề, mục tiêu, khuyến nghị và giải pháp
 - Giải pháp phải xuất phát từ kết quả nghiên cứu
 - Có văn bản xác nhận (ký và đóng dấu) của cơ quan ứng dụng về việc đang xem xét việc triển khai đề án.
 - Hội đồng chấm luận văn xem xét đồng ý tại buổi bảo vệ luận văn

Câu hỏi 28. HV có thể bảo vệ LV/ĐA bao nhiêu lần và thời gian bảo vệ như thế nào?

- Theo qui chế đào tạo ThS của Bộ GD&ĐT qui định tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT, mỗi HV được phép bảo vệ luận văn/đề án tối đa 2 lần (1 lần chính thức và một lần bảo vệ lại).
- Hàng năm, Phòng QLĐT tổ chức 2 đợt bảo vệ LV/ĐA theo kế hoạch chung, mỗi đợt cách nhau khoảng 6 tháng (khoảng tháng 10-11 và tháng 3-4 hàng năm). Nếu LV/ĐA của HV không được thông qua ở lần 1, HV có thể chờ để bảo vệ lại theo kế hoạch chung của Trường. Ngoài hai đợt nói trên, cứ 3 tháng 1 lần Phòng QLĐT có thể tổ chức các đợt bảo vệ bổ sung theo nhu cầu, nếu HV mong muốn bảo vệ lại sớm hơn đợt theo kế hoạch chung, HV có đơn đề nghị và nếu được nhà trường chấp nhận có thể bảo vệ theo thời gian phù hợp với nhu cầu và HV đóng kinh phí cho bảo vệ theo nhu cầu.

Câu hỏi 29. Quy trình hoàn tất các thủ tục sau bảo vệ LV/ĐA?

- Bước 1: HV trao đổi với GVHD/GVHT để chỉnh sửa LV/ĐA theo góp ý của Hội đồng.
- Bước 2: HV gửi tên đề tài LV/ĐA cập nhật sau bảo vệ cho Phòng QLĐT (gồm tiếng Anh và tiếng Việt) bằng cách điền các thông tin về đề tài qua form điện tử mà Phòng ĐT yêu cầu.
- Bước 3: Phòng QLĐT gửi cho Trung tâm Thông tin thư viện (TT-TV) danh sách những HV vừa hoàn thành việc bảo vệ LV/ĐA và danh sách tên đề tài đã cập nhật sau bảo vệ, tối đa 3 ngày làm việc sau khi kết thúc đợt bảo vệ của lớp đó để Trung tâm TTTV làm căn cứ thu nhận LV.
- Bước 4: HV nộp LV/ĐA cho Trung tâm TT-TV (theo qui trình nộp LV tại câu số 48). Trung tâm TT-TV sẽ căn cứ trên danh sách do Phòng QLĐT gửi để có căn cứ tiếp nhận LV/ĐA từ HV.
- Bước 5: HV hoàn thành các xác nhận của các đơn vị liên quan trong Trường theo hướng dẫn của Phòng CTSV.
- Bước 6: Phòng CTSV cấp cho mỗi HV 01 Giấy xác nhận hoàn thành khóa học, sau khi HV đã hoàn thành các xác nhận theo hướng dẫn của Phòng (Trung tâm TTTV, Phòng TCKT, Ký túc xá,...).
- Bước 7: Phòng QLĐT ra quyết định công nhận tốt nghiệp cho toàn bộ HV vừa hoàn thành khoá học.

1.4. TIỀN SĨ

Câu hỏi 30. Có hình thức nào để hỗ trợ, định hướng đề tài của NCS trước khi NCS tiếp tục phát triển đề cương nghiên cứu chi tiết không?

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường tổ chức thêm hoạt động hỗ trợ xây dựng ý tưởng nghiên cứu cho tất cả các NCS, cụ thể như sau:

NCS xây dựng ý tưởng nghiên cứu và chuẩn bị tóm tắt ý tưởng nghiên cứu khoảng 3-5 trang gồm: Giới thiệu chủ đề nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu/giả thuyết nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, khung lý thuyết, tóm tắt phương pháp nghiên cứu (đối tượng, mẫu, các biến nghiên cứu chính theo mục tiêu nghiên cứu, cách thức tiến hành nghiên cứu,...).

NCS đăng ký với Phòng QLĐT và Phòng sẽ tổ chức hội đồng hỗ trợ xác định chủ đề và định hướng nghiên cứu cho NCS trước khi NCS viết đề cương luận án chi tiết. Để đảm bảo đủ thời gian xây dựng đề cương luận án chi tiết, NCS cần đăng ký và trình bày ý tưởng nghiên cứu với hội đồng trước ít nhất 6 tháng tính đến ngày đăng ký bảo vệ đề cương luận án.

*(chi tiết hướng dẫn có thể tham khảo tại đường link:
<https://dtdh.huph.edu.vn/vi/node/64260>)*

Câu hỏi 31. Đối với luận án tiến sĩ có bắt buộc là nghiên cứu can thiệp không?

Theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, “*Luận án Tiến sĩ phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới*”. Chính vì vậy luận án tiến sĩ phải đặt ra giả thuyết khoa học và câu hỏi nghiên cứu có giá trị và mới; nghiên cứu sinh phải chứng minh giả thuyết và trả lời câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra. Để có bằng chứng khoa học chứng minh giả thuyết và giải pháp mới, nghiên cứu sinh phải thử nghiệm các giả thuyết/giải pháp và đánh giá kết quả/hiệu quả của giải pháp.

Không có qui định bắt buộc về đề tài luận án tiến sĩ phải là nghiên cứu can thiệp mà tùy thuộc vào lựa chọn của NCS, GVHD và ý kiến của Hội đồng xét duyệt đề cương để đáp ứng được yêu cầu trên của Bộ GD và ĐT.

Nếu NCS lựa chọn đề tài là can thiệp thì qui mô của nghiên cứu can thiệp không cần quá “đồ sộ”, nhưng cỡ mẫu phải đảm bảo đủ cơ sở khoa học để có thể chứng minh được giả thuyết, trả lời được câu hỏi nghiên cứu và so sánh được kết quả trước và sau can thiệp. *Chi tiết về qui mô và cỡ mẫu can thiệp có thể tham khảo thêm tại câu số 32 “Hướng dẫn về quy mô và cỡ mẫu đủ lớn của luận án tiến sĩ” trong cuốn tài liệu này.*

Câu hỏi 32. Có qui định/hướng dẫn gì về quy mô và cỡ mẫu đủ lớn của luận án tiến sĩ?

Như mọi công trình nghiên cứu khoa học khác, cỡ mẫu của luận án tiến sĩ được tính toán cụ thể dựa trên các thông tin sau

- Mục tiêu nghiên cứu
- Kỳ vọng về giá trị đo lường trong nghiên cứu
- Mức ý nghĩa: α
- Độ chính xác yêu cầu: độ chính xác tương đối hay độ chính xác tuyệt đối

Như vậy chúng ta không có yêu cầu đặc thù nào về cỡ mẫu tối thiểu cho luận án tiến sĩ mà cần dựa vào các thông tin trên để tính toán ra mẫu nghiên cứu cần cho luận án.

Nếu luận án là nghiên cứu can thiệp thì công thức tính cỡ mẫu hay sử dụng nhất sẽ là công thức so sánh hai giá trị trung bình hay công thức so sánh hai tỷ lệ (giá trị trước và sau can thiệp)

Để có thể tính toán cỡ mẫu tương thích cho nghiên cứu chúng ta cần xem xét những thông số sau:

Loại đo lường sử dụng trong nghiên cứu: giá trị trung bình (ví dụ: tổng điểm Kiến thức về phòng/chống HIV) hay tỷ lệ (ví dụ: tỷ lệ có thực hành QHTD an toàn đúng). Nếu chúng ta so sánh giá trị trung bình giữa nhóm can thiệp và nhóm không can thiệp, chúng ta cần sử dụng công thức so sánh hai giá trị trung bình. Nếu chúng ta so sánh tỷ lệ giữa nhóm can thiệp và không can thiệp, chúng ta cần sử dụng công thức so sánh hai tỷ lệ.

Mức ý nghĩa α : thông thường chúng ta sử dụng mức ý nghĩa 0.05, trong một số trường hợp đặc biệt, người ta có thể sử dụng mức ý nghĩa 0.01.

Các thông số về đo lường từ các nghiên cứu trước: Ví dụ như giá trị trung bình là gì, tỷ lệ thực hành QHTD an toàn đúng trong một quần thể tương tự như mẫu nghiên cứu là bao nhiêu

Kiểm định một phía hay hai phía: ví dụ khi ta so sánh liệu pháp điều trị mới và liệu pháp điều trị cũ, nếu ta biết chắc liệu pháp điều trị mới sẽ làm rút ngắn ngày điều trị hoặc làm tăng tỷ lệ khỏi bệnh so với liệu pháp điều trị cũ, ta có thể sử dụng kiểm định một phía. Nếu trong trường hợp chúng ta không chắc về chiều của sự khác biệt giữa hai nhóm, chúng ta cần sử dụng kiểm định hai phía.

Tỷ lệ bỏ cuộc: cỡ mẫu tính từ các công thức dưới đây là cỡ mẫu tối thiểu thực tế cần cho mỗi nhóm, chúng ta cần phải dự trừ thêm tỷ lệ không tham gia và tỷ lệ bỏ cuộc vào các cỡ mẫu tối thiểu kể trên.

Công thức tính cỡ mẫu cho so sánh hai tỉ lệ

$$n = \frac{\left\{ z_{1-\alpha/2} \sqrt{2\bar{P}(1-\bar{P})} + z_{1-\beta} \sqrt{P_1(1-P_1) + P_2(1-P_2)} \right\}^2}{(P_1 - P_2)^2}$$

Trong đó:

n : cỡ mẫu tối thiểu cho một nhóm.

$z_{1-\alpha/2}$: hệ số tin cậy (bạn tin tưởng như thế nào là khoảng tin cậy sẽ chứa giá trị thực của quần thể nghiên cứu). Lưu ý: Sử dụng giá trị $z_{1-\alpha/2}$: khi kiểm định hai phía và $z_{1-\alpha}$: khi kiểm định một phía.

α : mức ý nghĩa.

$1-\beta$: lực mẫu.

P_1 : ước lượng tỉ lệ biến nghiên cứu chính trong quần thể 1.

P_2 : ước lượng tỉ lệ biến nghiên cứu chính trong quần thể 2.

\bar{P} : $(P_1 + P_2)/2$.

Ví dụ: giả sử bạn so sánh tỷ lệ thực hành đúng trong nhóm can thiệp và nhóm không can thiệp. Ước tính tỷ lệ thực hành đúng trong nhóm can thiệp là 90% và trong nhóm không can thiệp là 80%. Cỡ mẫu cho các kiểm định một phía, hai phía và lực mẫu bằng 90%, ta có cỡ mẫu cần thiết cho kiểm định một phía là 199 người và cho kiểm định hai phía là 266 người cho mỗi nhóm

Công thức tính cỡ mẫu so sánh hai giá trị trung bình

$$n = \frac{2\sigma^2 \left[Z_{(1-\frac{\alpha}{2})} + Z_{(1-\beta)} \right]^2}{(\mu_1 - \mu_2)^2}$$

Trong đó:

μ_1 và μ_2 : giá trị trung bình của đo lường trong nhóm 1 và nhóm 2.

$z_{1-\alpha/2}$: hệ số tin cậy (bạn tin tưởng như thế nào là khoảng tin cậy sẽ chứa giá trị thực của quần thể nghiên cứu). Lưu ý: Sử dụng giá trị $z_{1-\alpha/2}$: khi kiểm định hai phía và $z_{1-\alpha}$: khi kiểm định một phía.

α : mức ý nghĩa (thông thường chúng ta sử dụng $\alpha=0.05$).

σ^2 : Nếu hai nhóm có phương sai bằng nhau, chúng ta sẽ sử dụng phương sai này. Nếu hai nhóm có phương sai khác nhau, chúng ta sẽ sử dụng phương sai gộp, tính theo công thức:

$$\sigma^2 = \frac{(n_1 - 1)s_1^2 + (n_2 - 1)s_2^2}{n_1 + n_2 - 2}$$

Ví dụ: nghiên cứu đánh giá hiệu quả của chế độ điều trị Cao huyết áp so sánh liệu pháp điều trị A (liệu pháp mới) và liệu pháp điều trị B (liệu pháp cũ). Biết rằng, độ lệch chuẩn của Huyết áp tâm thu trong nhóm liệu pháp A là 12mm Hg, độ lệch chuẩn của Huyết áp tâm thu trong nhóm liệu pháp B là 10.3 mmHg. Ước chừng sự khác biệt huyết áp tâm thu trong hai nhóm là khoảng 3mmHg. Cỡ mẫu của hai nhóm bằng nhau. Chúng ta có phương sai gộp = $(10.3 \times 10.3 + 12 \times 12) / 2 = 125.045 \rightarrow$ chúng ta có cỡ mẫu cần thiết cho kiểm định một phía là 219 người và cho kiểm định hai phía là 292.

Câu hỏi 33. Đánh giá như thế nào về tính mới của luận án tiến sĩ?

Tại Điều 20 của Thông tư 05/2012/TT-BGDĐT ban hành kèm theo qui chế đào tạo Tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định về Luận án tiến sĩ như sau: “*Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội.*”

Vì vậy tính mới của luận án có thể được thể hiện theo các khía cạnh sau:

- Ý tưởng, chủ đề nghiên cứu mới
- Giả thuyết/ câu hỏi nghiên cứu mới
- Cách tiếp cận nghiên cứu mới
- Sử dụng phương pháp nghiên cứu, phân tích số liệu mới
- Phát triển một công cụ nghiên cứu mới hay một kỹ thuật mới.
- Phát triển một mô hình mới
- Thực hiện những nghiên cứu chuyên sâu về một vấn đề chưa từng biết đến trước đây hay chưa từng được điều tra trước đây.
- Cung cấp dữ liệu mới hay kết luận mới chưa từng có trước đây.
- Xem xét lại một lý thuyết hiện hành trong bối cảnh mới.
- Thực hiện những phân tích chi tiết về một vấn đề chưa từng biết đến trước đây hay chưa từng được điều tra trước đây.
- Phát triển một sản phẩm mới, hay cải tiến sản phẩm hiện có.
- Phát triển một lý thuyết mới.
- ...

Câu hỏi 34. Quy trình hoàn tất các thủ tục sau bảo vệ luận án tiến sĩ?

Sau khi nghiên cứu sinh (NCS) bảo vệ luận án cấp trường, các bước tiếp theo sẽ là:

- Chậm nhất sau 1 tháng, NCS phải chỉnh sửa lại luận án theo yêu cầu của Hội đồng, có biên bản giải trình chỉnh sửa và có xác nhận của GVHD.
- Chậm nhất sau 3 tháng, các giấy tờ phải nộp về phòng QLĐT, Trung tâm Thông tin Thư viện của Trường và thư viện Quốc gia. Đồng thời nộp bản điện tử luận án đúng quy định lên Thư viện theo quy trình tiếp nhận và xử lý luận án, luận văn điện tử:
- 01 quyển Luận án hoàn chỉnh đóng bìa cứng chữ nhũ vàng, có in tên ở gáy (có 2 phần)
 - Phần 1 là toàn văn quyển luận án;
 - Phần 2 là các giấy tờ bao gồm: Quyết định thành lập hội đồng; Các bản nhận xét của 7 thành viên hội đồng; Biên bản của Hội đồng; Nghị quyết của Hội đồng chấm luận án; Biên bản chỉnh sửa luận án có chữ ký của NCS và GVHD;
- 01 Tóm tắt luận án;
- 01 đĩa CD (file điện tử luận án và tóm tắt luận án).

Sau 3 tháng kể từ ngày bảo vệ thành công luận án, nếu luận án của NCS không nằm trong danh sách thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Phòng QLĐT sẽ làm Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ trình Ban Giám hiệu ký.

1.5. CÁC VẤN ĐỀ CHUNG CHO TẤT CẢ CÁC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO

Câu hỏi 35. Nhiệm vụ chính của GVHD là gì?

GVHD có những nhiệm vụ chính như sau:

- Định hướng cho HV xác định vấn đề ;
- Hướng dẫn, góp ý cho HV viết đề cương LV/ĐA;
- Giám sát quá trình thu thập số liệu của HV;
- Trao đổi để định hướng cho HV phân tích số liệu;
- Hướng dẫn HV viết LV/ĐA;
- Hướng dẫn HV chỉnh sửa và hoàn thiện LV/ĐA sau khi bảo vệ.
- Ký xác nhận (hoặc gửi email xác nhận với HV và cán bộ phụ trách phòng QLĐT) các đợt nộp quyền đề cương/LV cho HV (khi đề cương/LV đảm bảo yêu cầu qui định) và ghi rõ ngày tháng năm ký xác nhận.

Câu hỏi 36. Qui định tiêu chuẩn đối với GVHT:

- Là GV có trình độ thạc sỹ của Trường ĐH Y tế công cộng;
- Tốt nghiệp thạc sỹ từ 2 năm trở lên
- Mỗi GV được hỗ trợ tối đa 5 HV trong một năm học;
- HV được phân công GVHT khi tất cả GVHD đều là GV nghị định 111.

Câu hỏi 37. Nhiệm vụ chính của GVHT là gì?

- Hỗ trợ GVHD định hướng cho HV xác định vấn đề (nếu được mời từ giai đoạn này);
- Hỗ trợ cho HV viết đề cương LV/ĐA, đặc biệt là hỗ trợ về phương pháp nghiên cứu và hướng dẫn HV tuân thủ các mẫu chuẩn của Trường ĐH YTCC;
- Hỗ trợ cho HV phân tích số liệu;
- Hỗ trợ GVHD góp ý trong quá trình viết LV/ĐA của HV và hỗ trợ cho HV chỉnh sửa theo các góp ý của hội đồng sau khi bảo vệ;
- Ký xác nhận (hoặc gửi email xác nhận với HV và cán bộ phụ trách phòng QLĐT) các đợt nộp quyền đề cương/LV/ĐA cho HV (khi đề cương/LV/ĐA đảm bảo yêu cầu qui định) và ghi rõ ngày tháng năm ký xác nhận.
- Khi cần, GVHT có thể liên hệ với GVHD để đảm bảo thống nhất trong quá trình hướng dẫn HV và hỗ trợ HV được tốt hơn.

Câu hỏi 38. Khi nào thì nên mời GVHD và GVHT?

- Đối với tất cả các chương trình đào tạo CKII và Tiến sĩ, Khuyến khích HV mời GVHD/GVHT càng sớm càng tốt, ngay từ khi HV có ý tưởng nghiên cứu.

- HV có thể mời GVHD và GVHT trước giai đoạn xác định vấn đề của LV để GV có thể hỗ trợ HV ngay từ khâu lựa chọn vấn đề nghiên cứu.
- Từ năm học 2022-2023, đối với chương trình ThS, kết thúc năm thứ nhất, HV cần đăng ký tên chủ đề nghiên cứu với Phòng QLĐT để Phòng gửi về các Khoa/Viện hỗ trợ phân công GVHD phù hợp với chủ đề nghiên cứu của HV và đáp ứng theo đúng quy định về GVHD theo thông tư 23/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021.
- Chậm nhất khi hoàn thành việc xác định vấn đề nghiên cứu, HV phải có GVHD chính thức.

Câu hỏi 39. Quy trình mời GVHD? Nguyên tắc mời GVHT được thực hiện như thế nào?

Quy trình mời GVHD/GVHT được áp dụng chung cho tất cả các lớp. Quy trình được thực hiện ngay sau khi xác định được vấn đề nghiên cứu và theo các bước sau:

- Bước 1: Phòng QLĐT chuẩn bị giấy mời GVHD/GVHT và có bản kế hoạch thực hiện LV/ĐA.
- Bước 2: HV đến Phòng QLĐT nhận giấy mời GVHD/GVHT sau khi Phòng QLĐT thông báo đã chuẩn bị xong. Mỗi HV sẽ được nhận tối đa 04 bản.
- Bước 3: HV gửi giấy mời GVHD/GVHT và kế hoạch làm LV tới GVHD/GVHT và đề nghị cả 2 GVHD/GVHT ký xác nhận đồng ý tham gia hướng dẫn/hỗ trợ hướng dẫn vào 4 bản giấy mời. HV cùng ký vào 4 bản xác nhận đó.
- Bước 4: HV gửi lại 01 bản cho GVHD chính, 01 bản cho GVHD phụ hoặc GVHT (nếu có), 01 bản HV giữ và 01 bản HV gửi về cho Phòng QLĐT cùng thời điểm HV nộp đề cương để bảo vệ. Ngoài ra, nếu GVHD là GV/cán bộ (CB) lần đầu tiên tham gia hướng dẫn HV của Trường, Phòng QLĐT yêu cầu HV nộp kèm 01 Lý lịch khoa học của GV/CB đó. Giấy xác nhận đồng ý tham gia hướng dẫn này chính là cơ sở để Phòng QLĐT ra quyết định công nhận GVHD cho GV/CB đó.
- Bước 5: Sau khoảng 1 tháng kể từ ngày kết thúc bảo vệ đề cương đợt 3 (khoảng tháng 2 hàng năm), Phòng QLĐT sẽ ra quyết định công nhận GVHD cho các giáo viên đã đồng ý tham gia hướng dẫn HV. Đối với GVHT (đều là GV của trường), Nhà trường sẽ ghi nhận bằng cách tính giờ hướng dẫn, không có quyết định hướng dẫn.

Một số nguyên tắc mời GVHT:

- Đối với lớp CKII tại Hà Nội, HV có thể mời GVHT khi GVHD là GV ngoài Trường ĐH Y tế công cộng.

- Đối với các lớp CKII tại địa phương, HV bắt buộc phải mời GVHT nếu GVHD là giáo viên ngoài trường. Trong trường hợp này, Phòng QLĐT sẽ căn cứ vào chủ đề nghiên cứu của HV gửi về các Khoa/Viện của Trường phân công GVHT phù hợp. HV và GVHT thực hiện theo sự phân công của Phòng QLĐT.

Câu hỏi 40. Qui định tính giờ cho GVHD/GVHT như thế nào?

1. Đối với luận văn tốt nghiệp:

GVHD được tính 35 giờ/1 LV, nếu là GV đồng hướng dẫn được tính 17,5 giờ/1GV

GVHT được tính 20 giờ/1LV

2. Đối với đề án tốt nghiệp:

GVHD được tính 25 giờ/1 LV, nếu là GV đồng hướng dẫn được tính 12,5 giờ/1GV

GVHT được tính 15 giờ/1LV

Câu hỏi 41. GVHD/GVHT được tính giờ hướng dẫn/ hỗ trợ từ thời điểm nào?

Thời gian tính giờ cho GVHD/GVHT được qui định là từ khi xác định vấn đề cho đến khi HV hoàn thành việc nộp lại LV/ĐA đã chỉnh sửa sau khi bảo vệ. Phòng QLĐT chỉ tính giờ cho GVHD hoặc chi trả thù lao cho GVHD/ GVHT khi HV bảo vệ LV thành công và HV hoàn thành nộp LV/ĐA lên thư viện. Nếu HV chưa hoàn thành LV vì bất cứ lý do gì, GVHD/GVHT đều không được tính giờ hoặc chi trả thù lao.

Lưu ý: Sau khi các lớp hoàn tất việc đăng ký, phân công GVHD/GVHT, Phòng QLĐT sẽ rà soát số lượng hướng dẫn/hỗ trợ của từng GV. Nếu GVHD/GVHT nhận quá số lượng HV theo qui chế, phòng sẽ thông báo tới GVHD/GVHT để điều chỉnh số lượng hướng dẫn theo đúng qui định.

Câu hỏi 42. Làm thế nào để chấm dứt/thay đổi hướng dẫn/hỗ trợ LV/ĐA?

- HV và GVHD/GVHT đều có quyền chấm dứt việc hướng dẫn/hỗ trợ, bổ sung hoặc thay đổi người người dẫn được thực hiện chậm nhất trước 06 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định công nhận học viên (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có) và được sự đồng thuận của người hướng dẫn cũ và mới của học viên. Trong trường hợp bất khả kháng thì học viên phải có đơn giải trình và phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng được uỷ quyền của Trường ĐHYTCC của quá trình làm LV/ĐA. Người có đề nghị chấm dứt hướng dẫn phải viết đơn đề nghị chấm dứt việc hướng dẫn/hỗ trợ gửi cho phòng QLĐT chậm nhất sau 1 tuần khi xảy ra sự việc, trong đơn ghi rõ lý do không tiếp tục hướng dẫn/hỗ trợ. Sau khi xem xét sự việc, phòng QLĐT sẽ ra quyết định mới về GVHD. Trong trường hợp này, GVHD/GVHT sẽ không được tính giờ hướng dẫn.

- HV có quyền được bổ sung thêm GVHD (Tối đa chỉ có 2 GVHD cho 1 LV/ĐA) nhưng phải được sự đồng ý của tất cả GVHD bằng văn bản gửi cho phòng QLĐT. Phòng sẽ ra quyết định bổ sung GVHD. Việc bổ sung GVHD được xảy ra chậm nhất là 1 tháng kể từ khi HV hoàn thành việc bảo vệ đề cương. Giờ hướng dẫn sẽ được chia đều cho các GVHD.

Câu hỏi 43. Nhiệm vụ của HV trong quá trình làm LV/ĐA là gì?

- HV có trách nhiệm chính trong suốt quá trình làm LV/ĐA và chịu trách nhiệm về chất lượng của LV/ĐA. Quá trình này bắt đầu từ việc hình thành ý tưởng nghiên cứu, thu thập các tài liệu tham khảo liên quan, xây dựng đề cương, thử nghiệm công cụ nghiên cứu, thu thập số liệu, phân tích số liệu, viết báo cáo, chỉnh sửa đề cương/LV/ĐA theo các ý kiến của hội đồng sau mỗi lần giám sát và bảo vệ.
- HV có nhiệm vụ báo cáo với GVHD/GVHT và gửi kế hoạch làm LV/ĐA do phòng QLĐT cung cấp đến GVHD và GVHT. Kế hoạch này bao gồm các giai đoạn làm LV/ĐA: Xây dựng ý tưởng nghiên cứu; Viết đề cương; Bảo vệ đề cương; Thu thập số liệu; Phân tích và viết báo cáo; Giám sát phân tích số liệu/TLTK (nếu có) và Bảo vệ LV/ĐA
- Thường xuyên liên hệ với GVHD/GVHT và Phòng QLĐT (khi cần hỗ trợ); trao đổi, thảo luận với GVHD/GVHT và chỉnh sửa đề cương hoặc LV/ĐA theo nội dung đã thống nhất với GVHD (nếu có).

Câu hỏi 44. Một số gợi ý về nguyên tắc làm việc giữa GVHD/GVHT và nguyên tắc hướng dẫn và hỗ trợ HV trong quá trình làm LV/ĐA?

- GVHD/GVHT cần thảo luận và thống nhất với HV về các nguyên tắc làm việc, tương tác trong quá trình thực hiện làm LV/ĐA (số lần gửi bài, thời gian gửi bài) dựa trên kế hoạch thực hiện LV/ĐA mà phòng QLĐT đã cung cấp.
- Trước khi gửi ý kiến góp ý cho đề cương và LV/ĐA, GVHT và GVHD cần thảo luận và thống nhất các nội dung góp ý cho HV để hạn chế tối đa việc không thống nhất về các góp ý.
- Tùy theo hoàn cảnh cụ thể và điều kiện của GV và HV, HV và GVHD/GVHT thống nhất quy tắc làm việc trong suốt thời gian thực hiện LV/ĐA về thời điểm, tần suất hẹn gặp, thời gian, hình thức gửi phản hồi,... Sau khi đã có sự thống nhất giữa GVHD/GVHT và HV, mọi nguyên tắc cần phải được tuân thủ đúng như đã thống nhất. Trong trường hợp một trong 2 phía không thực hiện theo đúng nguyên tắc đã thống nhất, phía bên kia có thể đề nghị điều chỉnh. Nếu việc điều chỉnh không đem lại hiệu quả, một trong hai phía có thể đề nghị hủy bỏ cam kết hướng dẫn/hỗ trợ đã được chấp nhận từ trước. Có 2 trường hợp xảy ra:

- Trong trường hợp GVHD/GVHT không đồng ý với việc tuân thủ nguyên tắc của HV, GV cần trao đổi với HV về việc không đồng ý với việc thực hiện nguyên tắc của HV và đề nghị HV tìm GVHD/GVHT khác.
- Trong trường hợp HV không đồng ý với việc thực hiện nguyên tắc của GVHT/GVHT, HV cần trao đổi với GVHD/GVHT về việc không đồng ý với việc thực hiện nguyên tắc của GVHD/GVHT và xin đề nghị đổi GVHD/GVHT khác.
- GVHD/GVHT chỉ là người hướng dẫn/ hỗ trợ cho HV, do đó, HV có thể không chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của GVHD/GVHT nhưng cần trình bày quan điểm của mình và phải được sự thống nhất của GV về việc này (vì GVHD/GVHT là người xác nhận đồng ý cho HV nộp đề cương, LV/ĐA cho Phòng QLĐT. Phòng QLĐT chỉ nhận đề cương/LV/ĐA khi có đủ các chữ ký của GVHD và GVHT (nếu có). HV phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về chất lượng của LV/ĐA.
- Phòng QLĐT gửi biên bản giám sát xác định vấn đề, bảo vệ đề cương, phản biện, bảo vệ LV/ĐA cho HV, HV có trách nhiệm chuyển cho GVHD/GVHT để cùng thống nhất cách chỉnh sửa.
- Một số gợi ý về mức độ cụ thể và chi tiết trong quá trình hướng dẫn LV/ĐA:
 - Chỉnh sửa nội dung đề cương, LV/ĐA
 - GVHD/GVHT có thể giúp HV chỉnh sửa câu, từ, ngữ pháp, sửa đoạn văn, format, lỗi chính tả bằng cách nêu ra hiện tượng, sửa mẫu và hướng dẫn để sinh viên tự phát hiện các lỗi tương tự và chỉnh sửa.
 - Hỗ trợ HV tìm thêm nguồn tài liệu tham khảo (TLTK), đặc biệt với những TLTK tiếng nước ngoài.
 - GV cần gợi ý cụ thể bố cục cho một bài trình bày giúp cho HV có được các đầu mục chính của bài trình bày sao cho logic, dễ hiểu và hiệu quả.
 - Hướng dẫn, hỗ trợ HV tìm khung lý thuyết phù hợp, bộ công cụ phù hợp.
 - ...

Câu hỏi 45. Kinh nghiệm giao tiếp giữa HV và GVHD/GVHT?

- Trong quá trình tham gia hướng dẫn/hỗ trợ HV thực hiện LV/ĐA, GV có thể dùng đồng thời cả 3 phương thức liên lạc với HV đó là: email; điện thoại, gặp mặt trực tiếp. Mỗi phương thức có điểm mạnh khác nhau, GV và HV tùy chọn phương thức liên lạc phù hợp tùy theo từng tình huống cụ thể.
- Phương thức liên lạc bằng cách gặp mặt trực tiếp là phương thức có thể đem lại hiệu quả nhất vì GV và HV có thể trao đổi một cách kỹ lưỡng và nhanh chóng đi đến hiểu và thống nhất cách giải quyết vấn đề. Tuy nhiên phương thức này

chỉ có thể áp dụng được với những lớp tại trường mà khó có thể áp dụng được với những lớp tại địa phương.

- Phương thức liên lạc qua email có nhiều ưu điểm trong trường hợp HV và GV cần trao đổi những file dữ liệu. Tuy nhiên phương thức này có thể có nhược điểm là khó kiểm soát được việc thông tin có đến được đích hay không, hoặc nhận được sự phản hồi chậm. Chính vì vậy song song với việc sử dụng email, GV và HV nên có trao đổi qua điện thoại trước hoặc sau khi gửi email để thông tin được đến kịp thời. Ngoài ra việc trao đổi qua điện thoại có thể sẽ thể hiện rõ hơn ý kiến của mỗi bên so với thể hiện qua email.
- Trước khi GV nhận lời hướng dẫn/hỗ trợ HV, GV cần nêu rõ một số nguyên tắc trong quá trình thực hiện LV/ĐA, trong đó có việc giao tiếp qua điện thoại. Khi HV đã thống nhất với GV hướng dẫn/hỗ trợ không trao đổi qua điện thoại vào buổi tối hoặc tối muộn thì khi đó HV cần nghiêm túc thực hiện theo như đã thỏa thuận. Trong trường hợp đã có cam kết về việc này rồi nhưng HV vẫn tiếp tục vi phạm, GV có quyền được từ chối cuộc điện thoại đó bằng cách không nghe điện thoại. Trong trường hợp HV có việc gấp nhất thiết phải xin ý kiến của GV ở những thời điểm không thích hợp, HV nên gửi tin nhắn xin ý kiến. Khi đó nếu GV đồng ý thì HV có thể gọi điện để trao đổi trực tiếp.

Câu hỏi 46. Nếu GVHD/GVHT góp ý kiến mà HV kiên quyết không chỉnh sửa thì sẽ xử lý như thế nào?

Trong tất cả các trường hợp bất đồng quan điểm giữa GVHD/GVHT và HV, GVHD/GVHT có thể từ chối ký xác nhận cho HV khi nộp quyền đề cương/LV/ĐA về Phòng QLĐT. Khi đó HV có thể vẫn giữ nguyên ý kiến của mình nhưng HV sẽ phải viết bản giải trình sự việc (có chữ ký xác nhận của GVHD/GVHT) và gửi về Phòng QLĐT cùng với quyền đề cương/LV. Khi đó Phòng QLĐT sẽ mời các chuyên gia trong lĩnh vực phù hợp xem xét và kết luận. Việc HV có thể tự chịu trách nhiệm mà không cần xác nhận của GV chỉ áp dụng với những trường hợp nộp đề cương/LV/ĐA trước bảo vệ. Đối với trường hợp nộp đề cương/LV/ĐA sau bảo vệ, bắt buộc phải có xác nhận của GVHD/GVHT vì khi đó nội dung đề cương/LV/ĐA phải được sửa hoặc giải trình theo ý kiến góp ý của hội đồng, nếu HV và GVHD/GVHT không thống nhất được quan điểm trong chỉnh sửa HV cần làm đơn giải trình và có ý kiến của GVHD/GVHT gửi kèm vào LV/ĐA.

Câu hỏi 47. Sau các lần bảo vệ trước hội đồng, nếu HV không gửi lại phản hồi của hội đồng cho GV thì cần xử lý như thế nào?

Việc gửi nhận xét, biên bản của hội đồng tới cho GV là việc bắt buộc HV phải làm sau khi trình bày báo cáo trước hội đồng. Trong trường hợp HV không cung cấp nội dung nhận xét của hội đồng, GV có thể từ chối việc hỗ trợ HV chỉnh sửa và không ký xác nhận đề cương/LV/ĐA cho HV.

Phòng QLĐT chỉ nhận quyền đề cương/LV/ĐA khi có đầy đủ các chữ ký của GVHD và GVHT (trừ trường hợp HV và GVHD/GVHT bất đồng quan điểm và đã có đơn giải trình nộp về Phòng QLĐT).

Câu hỏi 48. Nếu phát hiện được sự không trung thực của HV trong quá trình làm LV/ĐA thì sẽ xử lý như thế nào?

- Trường hợp HV không trung thực trong quá trình làm LV/ĐA có thể xảy ra với các mức độ khác nhau: ví dụ sao chép toàn bộ 1 chương, một số trang, một đoạn văn, sao chép bộ câu hỏi điều tra mà không có trích dẫn nguồn tham khảo,... Mọi hình thức sao chép đều bị nghiêm cấm. Trong trường hợp GV phản biện kín hoặc tham gia hội đồng phát hiện có hiện tượng sao chép, GV cần thông báo với Phòng QLĐT cùng với những bằng chứng rõ ràng. Với những trường hợp này, HV sẽ không được thông qua, yêu cầu chỉnh sửa và bảo vệ/giám sát vào đợt kế tiếp.
- Trường hợp không trung thực trong thu thập số liệu: Trong quá trình giám sát, nếu GV phát hiện có trường hợp không trung thực trong thu thập số liệu, GV cần thông báo ngay với Phòng QLĐT cùng với bằng chứng chứng minh nhận định của GV là đúng và có cơ sở. Dựa trên thông tin GV cung cấp, Phòng QLĐT sẽ xem xét nếu đúng là có sự không trung thực trong quá trình thu thập số liệu, HV sẽ phải thu thập lại số liệu từ đầu.
- Trường hợp không trung thực trong nhập liệu và phân tích số liệu: Bất cứ trường hợp nào được phát hiện không trung thực trong nhập liệu và phân tích số liệu (sai lệch so với bộ số liệu đã thu thập), Phòng QLĐT sẽ xem xét tạm dừng việc bảo vệ LV/ĐA. HV phải nhập liệu và phân tích lại số liệu (Phòng QLĐT sẽ mời GV nhà trường thẩm tra lại toàn bộ file số liệu với các phiếu điều tra và kết quả nghiên cứu được trình bày trong LV/ĐA).

Câu hỏi 49. Một số LV/ĐA đến khi bảo vệ vẫn rất cầu thả, nhiều lỗi trình bày/lỗi chính tả, vậy GVHD/GVHT nên xử lý như thế nào?

Hiện không có qui định rõ ràng là LV/ĐA chỉ được phép có bao nhiêu lỗi chính tả, tuy nhiên khuyến cáo chung là KHÔNG có lỗi chính tả và lỗi trình bày. Mặc dù đã qua phản biện kín, nếu GVHD/GVHT phát hiện còn nhiều lỗi chính tả hoặc lỗi trình bày, GV có quyền không ký cho đến khi HV chỉnh sửa đáp ứng yêu cầu.

Câu hỏi 50. Làm thế nào để tránh mắc lỗi sao chép nguyên văn từ LV/ĐA sang bài trình bày?

- HV cần áp dụng triệt để các hướng dẫn của môn Trình bày và truy cập thông tin. Thông thường, một slide trình bày tốt khi có không quá 6 dòng và mỗi dòng không quá 7 chữ; trung bình, mỗi slide trình bày trong khoảng 1 phút. Thời gian trình bày LV/ĐA của HV là 20 phút thì bài trình bày của HV nên có khoảng 25

slides. Nếu HV tuân thủ hướng dẫn này thì sẽ không thể copy cả LV/ĐA sang bài trình bày được.

- HV nên chuẩn bị bài trình bày, gửi hoặc trao đổi với GVHD, GVHT để nhận được góp ý trước khi bảo vệ.

Câu hỏi 51. Yêu cầu chi tiết của qui trình nộp LV/ĐA lên thư viện sau bảo vệ LV/ĐA?

- *Bước 1:* HV gửi 01 file điện tử tóm tắt luận văn/đề án Tiếng Việt; 01 file điện tử tóm tắt luận văn /đề án Tiếng Anh; và 01file điện tử LV/ĐA dưới dạng PDF gồm Nội dung luận văn (trình bày theo đúng thứ tự được nêu trong hướng dẫn viết luận văn của Phòng QLĐT tại địa chỉ: <http://dtsdh.huph.edu.vn/vi/ths/bieumau> kèm Bản giải trình chỉnh sửa sau bảo vệ có chữ ký xác nhận của học viên, GVHD và Chủ tịch Hội đồng; hai nhận xét có chữ ký của phản biện ; cho Trung tâm TT TV (email: thuvienluanvan@huph.edu.vn) và Phòng QLĐT qua hòm thư điện tử của chuyên viên phụ trách, đồng thời gửi cho GVHD/GVHT cùng được biết. GVHT/GVHT trả lời thư đó để xác nhận nội dung LV/ĐA mà HV gửi cho Trung tâm TT TV và Phòng QLĐT đã được chỉnh sửa theo những góp ý của Hội đồng. (Trước khi gửi bản giải trình cho Trung tâm TT-TV, HV gửi bản giải trình đã có chữ ký của HV, xác nhận của GVHD/GVHT (nếu có) cho Ban cán sự lớp làm 2 đợt (sau 2 tuần hoặc sau 5 tuần kể từ ngày bảo vệ cuối cùng), Ban cán sự lớp chuyển cho chuyên viên phụ trách lớp của Phòng QLĐT để xin ý kiến chủ tịch hội đồng vào bản và gửi lại Ban cán sự lớp gửi cho HV hoàn thành thủ tục đóng quyển).
- *Bước 2:* Trung tâm thông tin thư viện kiểm tra về hình thức của LV/ĐA theo đúng trình tự được nêu trong Hướng dẫn viết LV/ĐA của phòng QLĐT tại địa chỉ: <https://dtdh.huph.edu.vn/vi/node/64264>

Nếu file LV /ĐA đạt theo quy cách đã được quy định và tên LV trùng khớp với tên LV do Phòng QLĐT cung cấp, Trung tâm TT TV sẽ viết thư yêu cầu HV đến Trung tâm TT TV để nộp tiền thanh toán các khoản chi phí in ấn LV theo biểu giá đã niêm yết. Với các HV ở xa hoặc không có điều kiện đến tại Thư viện nộp phí in ấn, HV có thể thực hiện chuyển khoản, thư viện sẽ hướng dẫn cụ thể cho từng lớp vào mỗi đợt nộp LV/ĐA. LV/ĐA được in sẽ lưu tại Trung tâm TT TV. HV có thể yêu cầu in thêm nếu HV có nhu cầu và nộp tiền theo quy định

Nếu file LV/ĐA chưa đạt yêu cầu, Trung tâm TT-TV gửi email chỉ rõ các lỗi cần chỉnh sửa, yêu cầu học viên chỉnh sửa theo đúng qui định và nộp lại tối đa sau 3 ngày làm việc. Nếu sau 2 lần email gửi lại mà học viên chưa khắc phục được hết các lỗi sai như đã được chỉ ra, đề nghị học viên liên hệ với thư viện để được hỗ trợ chỉnh sửa và sẽ phải trả phí cho hoạt động này.

Thời gian nhận file điện tử LV/ĐA và xác nhận HV đã hoàn thành việc nộp LV/ĐA sẽ bắt đầu khi Trung tâm TT-TV nhận được danh sách tên đề tài đã cập nhật sau bảo vệ được Phòng QLĐT gửi lên và điều kiện cụ thể của Trung tâm nhưng không quá 1,5 tháng kể từ ngày kết thúc đợt bảo vệ LV/ĐA của lớp. Quá hạn trên, Trung tâm TT-TV chốt danh sách những học viên đã hoàn thành gửi đến các phòng liên quan (QLĐT, CTSV) để làm cơ sở cho việc cấp chứng chỉ và bằng tốt nghiệp.

Những học viên nộp luận văn điện tử sau mốc 1,5 tháng nói trên sẽ phải trả phí dịch vụ cho Trung tâm TT-TV.

- *Bước 3:* Trung tâm TT TV sẽ lập danh sách những HV đã hoàn thành việc nộp quyền LV /ĐA gửi cho Phòng CTHVSV và Phòng QLĐT.

Câu hỏi 52. Có hướng dẫn cụ thể cho hội đồng như thế nào về tiêu chí lựa chọn và đánh giá đề tài LV/ĐA?

Trường ĐH YTCC đã xây dựng các biểu mẫu giám sát, chấm điểm của các hội đồng và đã được Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường thông qua. Các tiêu chí trong các biểu mẫu giám sát, chấm điểm là cơ sở để các thành viên hội đồng sử dụng để đánh giá đề tài LV/ĐA cho mỗi đợt giám sát hoặc bảo vệ. Tất cả các biểu mẫu chấm điểm của các hội đồng của các loại hình đào tạo đã được Phòng QLĐT cập nhật trên trang web của Phòng, các thành viên Hội đồng có thể tham khảo tại: <https://dtdh.huph.edu.vn/vi/node/64264>.

Trong trường hợp hội đồng có nhiều ý kiến khác nhau, các thành viên hội đồng cần thảo luận để đi đến thống nhất chung. Trong trường hợp, các thành viên không thống nhất được ý kiến, chủ tịch hội đồng sẽ là người quyết định cuối cùng.

Câu hỏi 53. Một số chủ đề nghiên cứu có rất ít TLTK tiếng Việt, nhiều TLTK bằng tiếng Anh. Tuy nhiên trình độ tiếng Anh của nhiều HV lại hạn chế. Trong trường hợp này phải giúp HV như thế nào?

Việc hạn chế trình độ tiếng Anh này thuộc về cá nhân của HV, mỗi HV sẽ phải tự học và nỗ lực nâng cao kỹ năng của mình. Đó là lí do vì sao Trường đã có qui định chuẩn đầu vào và đầu ra tiếng Anh, đó là cơ sở để HV sử dụng và tiếp cận với nguồn tài liệu tiếng Anh. Tuy nhiên, GVHD/GVHT nên giúp HV lựa chọn một số bài báo tiếng Anh thật sự cần thiết và hướng dẫn HV cách đọc các ý chính trong tài liệu tham khảo hoặc HV có thể nhờ hoặc thuê người dịch các tài liệu này.

Câu hỏi 54. Nguyên tắc sử dụng TLTK từ các trang web như thế nào? Những trang web có tên miền như thế nào thì được phép sử dụng?

Khi tìm kiếm thông tin từ các trang web trên mạng Internet, người dùng cần lưu ý đến các tiêu chí đánh giá thông tin để có sự lựa chọn phù hợp, ưu tiên thông tin

từ các nguồn có tên miền đuôi .edu, .gov, org, ... Nếu sử dụng các thông tin này, cần trích dẫn thông tin tham khảo theo đúng hướng dẫn đã được nêu trong biểu mẫu hướng dẫn viết đề cương/LV do Phòng QLĐT là đầu mối biên soạn.

Lưu ý: HV cũng không nên dùng quá nhiều tài liệu tham khảo từ internet mà cần dựa và các sách, báo cáo và các bài báo khoa học chính thống

Câu hỏi 55. Vấn đề bản quyền trong sử dụng kết quả của LV?

Hiện nay Nhà trường đang xây dựng qui định này. Tuy nhiên, GVHD/GVHT đều đóng góp ý kiến vào LV của HV, do đó GVHD/GVHT có thể sử dụng số liệu của LV để viết bài báo. Nhưng vì đây là sản phẩm của HV, nên cần phải có sự đồng ý của HV và các GVHD/GVHT khác.

Câu hỏi 56. Phần mềm Turnitin là gì và ý nghĩa của việc sử dụng phần mềm Turnitin như thế nào?

Để đảm bảo môi trường học thuật được minh bạch, chống sao chép không đúng qui định trong quá trình thực hiện các bài tập, luận văn, luận án, các công trình nghiên cứu,... trở thành một trong những mối quan tâm hàng đầu của các trường đại học.

TURNITIN là một phần mềm chống sao chép các tài liệu không đúng qui định (đạo văn) dựa vào Internet được phát triển từ năm 1997. Turnitin cho phép kiểm tra tự động tình trạng trùng lặp của các sản phẩm học thuật. Sau khi người sử dụng tải bài của mình lên trên hệ thống, hệ thống sẽ tự động so sánh bài đó với kho dữ liệu đối chiếu trên Internet và cho báo cáo về kết quả so sánh trùng lặp. Căn cứ vào kết quả đó, người dùng sẽ phải chỉnh sửa những đoạn được cho là trùng lặp cho đến khi đạt được kết quả như mong muốn.

TURNITIN giúp các cơ quan, tổ chức, viện nghiên cứu, trường đại học có thể kiểm soát được tình trạng sao chép đối với tất cả các sản phẩm học thuật có được từ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của mình. Giúp người dùng có thể tự tin khi công bố các sản phẩm học thuật của mình trên các tạp chí khoa học, tránh được vi phạm luật bản quyền tác giả.

Câu hỏi 57. Các bước thực hiện việc rà soát trùng lặp luận văn, luận án trên Turnitin như thế nào và trách nhiệm của từng bên liên quan?

Trường Đại học Y tế công cộng đã bắt đầu áp dụng việc sử dụng phần mềm Turnitin để kiểm tra tình trạng trùng lặp của các LV/LA của HV Thạc sĩ, NCS tiến sĩ trong trường từ tháng 6/2018. Các bước thực hiện và trách nhiệm của từng bên được qui định như sau:

- Bước 1: Tạo lớp quản lý: Phòng QLĐT sẽ tạo các lớp quản lý theo chuyên ngành và phân quyền cho các GVHD/GVHT tham gia hướng dẫn HV/NCS.
- Bước 2: Tạo tài khoản cho HV: Nếu GVHD là GV trong trường thì GVHD sẽ chịu trách nhiệm tạo tài khoản cho HV ngay sau khi Phòng QLĐT tạo lớp

quản lý trên phần mềm. Nếu GVHD là GV ngoài trường thì GVHT sẽ chịu trách nhiệm việc tạo tài khoản cho HV (Trong trường hợp GVHD là GV ngoài trường mà HV không có GVHT, chuyên viên phụ trách lớp của Phòng QLĐT sẽ tạo tài khoản cho HV). HV có trách nhiệm cung cấp và chỉ được sử dụng địa chỉ email của HV do trường cung cấp để gửi cho GVHD/GVHT tạo tài khoản.

- Bước 3: Rà soát LV/LA trên phần mềm: HV/NCS sử dụng tài khoản (account) do GVHD/GVHT cung cấp, đăng nhập phần mềm và tải LV/LA lên phần mềm để rà soát độ trùng lặp.
- Bước 4: Căn cứ vào kết quả từ phần mềm, GVHD/GVHT hướng dẫn HV chỉnh sửa lại LV/LA cho đến khi đạt được yêu cầu theo quy định của trường.

Lưu ý: Do việc rà soát LV/LA trên phần mềm là có thời hạn, vì vậy, tất cả các bước của quá trình phải thực hiện đúng tiến độ theo lịch của Phòng QLĐT thông báo, quá thời hạn phần mềm sẽ tự động khoá lại. Khi nộp LV/LA cho Phòng QLĐT, HV/NCS cần gửi kèm báo cáo rà soát mức độ trùng lặp, nếu không có báo cáo hoặc báo cáo về mức độ trùng lặp chưa đạt yêu cầu theo quy định, LV/LA của HV/NCS sẽ chưa được chấp nhận.

2. CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Giai đoạn viết đề cương LV

Câu hỏi 58. Có những dạng LV nào đang áp dụng tại Trường?

Hiện tại, có 2 dạng LV phổ biến đang áp dụng tại Trường như sau:

Dạng 1: Phân tích số liệu sơ cấp (là bộ số liệu chưa được phân tích và viết báo cáo). Dạng này bao gồm 2 dạng nhỏ:

- HV tự xây dựng đề cương và thu thập số liệu tại hệ thống thực địa của nhà trường hoặc địa phương.
- HV sử dụng số liệu 1 đề tài/dự án sẵn có, nhưng đề tài dự án này CHƯA phân tích số liệu và CHƯA viết báo cáo. Với trường hợp này, HV phải xin xác nhận của chủ nhiệm đề tài/dự án hoặc cấp có thẩm quyền về các nội dung dung sau: 1) Được quyền sử dụng số liệu để phát triển thành LV 2) Vai trò của HV trong đề tài/dự án 3) Xác nhận việc số liệu chưa phân tích và viết báo cáo. Trường hợp này, khi bảo vệ đề cương, nếu hội đồng của Trường ĐH YTCC đánh giá đề cương của HV chưa đáp ứng yêu cầu của trường, Hội đồng hoàn toàn có quyền yêu cầu HV chỉnh sửa đề cương, thu thập thêm số liệu (kể cả đề tài đã được thông qua ở hội đồng khoa học (HĐKH) của cơ quan HV hoặc đề tài đã thu thập xong số liệu).

Dạng 2: Phân tích số liệu thứ cấp: Số liệu thứ cấp là số liệu đã hoàn thành việc phân tích, viết báo cáo (báo cáo có thể đã xuất bản hoặc chưa xuất bản). HV có thể sử dụng bộ số liệu sẵn có của 1 đề tài/dự án (đề tài/dự án này ĐÃ hoàn thành phân tích số liệu và viết báo cáo) để phát triển thành LV. HV phải có giấy xác nhận của chủ nhiệm đề tài/dự án hoặc cấp có thẩm quyền về việc được quyền sử dụng số liệu để phát triển thành LV. Trường hợp này, HV phải viết đề cương và LV theo mẫu viết đề cương/LV dạng số liệu thứ cấp

Tất cả các biểu mẫu hướng dẫn viết đề cương được đăng tải trên trang web của phòng QLĐT (<https://dtdh.huph.edu.vn/vi/node/64264>).

Ghi chú: Với Nghiên cứu sinh, tham khảo Hướng dẫn viết luận án để làm rõ 2 hình thức viết luận án nghiên cứu sinh

Câu hỏi 59. Tính MỚI của đề tài được xác định như thế nào đối với 1 LV sử dụng số liệu thứ cấp?

Nếu HV không có bằng chứng bằng văn bản của chủ nhiệm đề tài trong việc HV tham gia phân tích số liệu, viết báo cáo của đề tài gốc và báo cáo của đề tài gốc đã hoàn thành thì HV bắt buộc phải **viết đề cương theo dạng số liệu thứ cấp** (theo mẫu của Phòng QLĐT tại địa chỉ <https://dtdh.huph.edu.vn/vi/node/64264>).

Để xác định tính mới của LV sử dụng số liệu thứ cấp có thể dựa vào 1 trong số điểm cơ bản sau:

Mục tiêu của LV khác với mục tiêu của đề tài gốc.

Phần lớn các biến số được xây dựng lại khác với đề tài gốc.

Phương pháp phân tích số liệu khác với đề tài gốc.

Ghi chú: Với Nghiên cứu sinh, tham khảo Hướng dẫn viết luận án để làm rõ 2 hình thức viết luận án nghiên cứu sinh

Câu hỏi 60: Mục tiêu nghiên cứu nên đưa ra đủ thông tin về xác định mối liên quan/ảnh hưởng: có cần ghi chi tiết là xác định mối liên quan gì (nêu tất cả các biến độc lập cần xác định) với biến phụ thuộc không?

KHÔNG BẮT BUỘC phải liệt kê các yếu tố liên quan trong mục tiêu. Nhiều nghiên cứu của học viên là các nghiên cứu mô tả, nghiên cứu khám phá với nhiều biến, các yếu tố liên quan khó có thể định hình chính xác ngay từ khi viết đề cương để đưa vào mục tiêu. Nhiều đề tài có kết hợp phương pháp định tính và định lượng hoặc chỉ có phương pháp định tính trong phân tích/tìm hiểu yếu tố ảnh hưởng (đặc biệt các nghiên cứu định hướng ứng dụng) và khó có thể liệt kê chắc chắn các yếu tố/chủ đề có ảnh hưởng khi viết đề cương nghiên cứu.

Các học viên **CÓ QUYỀN** đưa các yếu tố liên quan vào trong các mục tiêu nếu như đã xác định được rõ các yếu tố nào cần phải xác định/phân tích trong nghiên cứu.

Câu hỏi 61. khi nào thì dùng “yếu tố liên quan”, khi nào dùng “yếu tố ảnh hưởng” khi viết mục tiêu nghiên cứu?

Các tài liệu chuyên ngành hiện tại bằng tiếng Anh và tiếng Việt đều chưa có nội dung phân biệt hai thuật ngữ này. Trong bối cảnh luận văn/luận án/nghiên cứu trong lĩnh vực YTCC và QLBV, học viên, giảng viên và các nghiên cứu viên có thể tham khảo các gợi ý sau:

- Thuật ngữ “yếu tố liên quan” (trong tiếng Anh là related factors, associated factors, risk factors) trong nghiên cứu định lượng sử dụng trong đo lường mối liên hệ định lượng giữa biến độc lập (independent variable) và biến phụ thuộc hay vấn đề sức khỏe được nghiên cứu (dependent variable or study outcome). Mối liên hệ định lượng này có thể đo lường trong mô hình hai biến (bivariate analysis) hoặc trong mô hình đa biến (multivariate analysis). Như vậy khi sử dụng thuật ngữ “yếu tố liên quan”, người đọc sẽ hướng tới nghiên cứu định lượng và kỳ vọng kết quả là các bảng phân tích thống kê hai biến hoặc đa biến
- Khi nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính, hay kết hợp giữa định tính và định lượng để tìm mối liên hệ, học viên, nghiên cứu viên có thể sử dụng thuật ngữ “yếu tố ảnh hưởng”.

- Học viên, nghiên cứu viên cũng có thể sử dụng cách viết:” Phân tích thuận lợi/khó khăn” thay cho “phân tích yếu tố ảnh hưởng” khi sử dụng phương pháp định tính hay kết hợp.

Câu hỏi 62. Các tiêu chí đánh giá chất lượng nghiên cứu quan sát bao gồm những tiêu chí nào?

Nghiên cứu quan sát bao gồm các nghiên cứu mô tả, nghiên cứu cắt ngang phân tích, nghiên cứu bệnh chứng và nghiên cứu thuần tập. Bộ tiêu chí STROBE (STrengthening the Reporting of OBservational studies in Epidemiology) là hệ thống các tiêu chí đảm bảo chất lượng nghiên cứu sử dụng khi tiến hành và công bố các nghiên cứu quan sát. Hiện tại bộ tiêu chí này gồm 21 tiêu chí

Phần giới thiệu (3 tiêu chí)

Tiêu chí 1: Tựa đề/abstract

(a) Giới thiệu thiết kế nghiên cứu trong tựa đề hoặc trong abstract

(b) Phần abstract: Cung cấp thông tin quan trọng, cân bằng giữa phần những việc đã làm, và các kết quả tìm thấy

Tiêu chí 2: phần giới thiệu/đặt vấn đề

Giải thích cơ sở khoa học và lý do để tiến hành nghiên cứu

Tiêu chí 3: Mục tiêu nghiên cứu

Trình bày cụ thể mục tiêu, và các giả thuyết nghiên cứu nếu có

Phần phương pháp (9 tiêu chí)

Tiêu chí 4: Thiết kế nghiên cứu

Mô tả các đặc điểm chính của thiết kế nghiên cứu

Tiêu chí 5: Địa điểm tiến hành nghiên cứu

Mô tả quy trình nghiên cứu, địa điểm nghiên cứu, thời gian tiến hành nghiên cứu (lựa chọn đối tượng, đo lường phơi nhiễm, theo dõi, thu thập số liệu)

Tiêu chí 6: Đối tượng nghiên cứu

Với nghiên cứu thuần tập: tiêu chí lựa chọn, nguồn và biện pháp lựa chọn đối tượng NC, phương thức theo dõi

Với nghiên cứu bệnh chứng: tiêu chí lựa chọn, nguồn và phương pháp chọn bệnh, chọn chứng. Đưa ra các giải thích cụ thể cho việc chọn bệnh và chọn chứng

Với nghiên cứu cắt ngang Tiêu chí lựa chọn, nguồn và phương pháp lựa chọn đối tượng nghiên cứu

Tiêu chí 7: Biến số nghiên cứu

Định nghĩa đầu ra của nghiên cứu, phơi nhiễm, biến độc lập, biến nhiễu, biến thay đổi tác động. Đưa các tiêu chí chẩn đoán nếu cần

Tiêu chí 8: Nguồn số liệu/đo lường

Trình bày rõ nguồn số liệu, biện pháp đánh giá, mô tả tính tương đồng của các phương pháp đánh giá khác nhau nếu có

Tiêu chí 9: Sai số

Mô tả sai số và biện pháp hạn chế sai số

Tiêu chí 10: Cỡ mẫu

Nêu rõ công thức tính cỡ mẫu

Tiêu chí 11: Định nghĩa biến

Biến liên tục: Phương thức xử lý biến định lượng, cách chia nhóm nếu có

Tiêu chí 12: Phương pháp xử lý số liệu

(a) Mô tả phương pháp phân tích số liệu và quản lý nhiễu

(b) Mô tả phương pháp phân tích nhóm, tìm tương tác

(c) cách xử lý missing

(d) Mô tả các phân tích độ nhạy nếu có

Phân kết quả (5 tiêu chí)

Tiêu chí 13: Mô tả đặc điểm đối tượng nghiên cứu

(a) Số người tại mỗi giai đoạn: Đối tượng tiềm năng tham gia nghiên cứu, đối tượng phù hợp tham gia nghiên cứu, đối tượng lựa chọn tham gia nghiên cứu, thực sự tham gia nghiên cứu, bỏ cuộc....

(b) Tỷ lệ không tham gia nghiên cứu và lý do

(c) Có thể sử dụng biểu đồ

Tiêu chí 14: Phân tích mô tả

Đặc điểm nhân khẩu học, thông tin về phơi nhiễm và biến nhiễu tiềm tàng

Số lượng missing cho từng biến

Với nghiên cứu thuần tập: số lượng người bỏ cuộc theo thời gian.

Tiêu chí 15: Phân tích số liệu đầu ra của nghiên cứu

Cohort study: Số người có tình trạng sức khỏe nghiên cứu qua thời gian

Case-control study: Số người có tình trạng phơi nhiễm

Cross-sectional study: Số người có tình trạng sức khỏe và số người có tình trạng phơi nhiễm

Tiêu chí 16: Trình bày kết quả chính của nghiên cứu

(a) Trình bày kết quả thô, kết quả hiệu chỉnh cho nhiễu cùng khoảng tin cậy. Đề rõ các biến nhiễu xử lý là biến nào, tại sao

(b) Nếu chuyển biến liên tục thành phân loại: đề rõ điểm phân nhóm

(c) Nếu có thể: tính nguy cơ tuyệt đối cho một giai đoạn thời gian bên cạnh trình bày nguy cơ tương đối

Tiêu chí 17: Các phân tích khác

Các phân tích khác: phân tích theo nhóm, phân tích tương tác, phân tích độ nhạy

Phản bàn luận (4 tiêu chí)

Tiêu chí 18: Kết quả chính

Tóm tắt kết quả chính theo mục tiêu nghiên cứu

Tiêu chí 19: Nhược điểm nghiên cứu

Hạn chế nghiên cứu, nguồn sai số, ảnh hưởng đến kết quả như thế nào của các sai số nói trên

Tiêu chí 20: Phiên giải kết quả

Phiên giải kết quả tổng hợp, hạn chế, tính chính xác của phân tích, so sánh với các nghiên cứu tương tự....

Tiêu chí 21: Giá trị ngoại suy

Bàn luận về khả năng nhân rộng kết quả nghiên cứu

Các phần khác (1 tiêu chí)

Tiêu chí 22: Kinh phí tiến hành nghiên cứu

Nêu rõ nguồn kinh phí và vai trò của nhà tài trợ trong nghiên cứu

Câu hỏi 63. Với học viên khi tính cỡ mẫu trong nghiên cứu có xác định mối liên quan, có cần tính cỡ mẫu của tất cả các biến số chính sẽ xác định mối liên quan - sau đó lấy 1 cỡ mẫu bao trùm không? hay chỉ chọn 1 biến quan trọng nhất và tính cỡ mẫu của biến số đó?

Một nghiên cứu (bất kể thuộc định hướng nào) thường dựa trên việc phân tích và ước tính từ mẫu các *đối tượng* nghiên cứu.

KHÔNG BẮT BUỘC phải tính toán cỡ mẫu cho tất cả các biến liên quan. Học viên cần xác định mục tiêu chính của nghiên cứu là gì và tính toán cỡ mẫu để đáp ứng cho mục tiêu đó.

Học viên **CÓ THỂ** tính toán các cỡ mẫu để phân tích mối liên quan để tham khảo thêm, giúp làm tăng tính tin cậy của kết quả nghiên cứu. Các kết quả tính toán mẫu cho các yếu tố liên quan có thể đưa vào thành 1 phụ lục của đề cương/báo cáo. Học viên cần giải thích lựa lý do lựa chọn cỡ mẫu tính toán được một cách cụ thể.

Câu hỏi 64. Một số LV, bên cạnh việc thu thập số liệu tại thời điểm hiện tại có hỏi cứu số liệu thứ cấp của nhiều năm trước thì được gọi là thiết kế nghiên cứu gì?

Trong các loại thiết kế dịch tễ học có các loại sau có thu thập số liệu hồi cứu:

- Nghiên cứu cắt ngang: có thể thu thập số liệu hồi cứu về phơi nhiễm xảy ra trong quá khứ. Ví dụ như nghiên cứu cắt ngang về tỷ lệ hiện nhiễm virus HPV và tìm hiểu một số yếu tố nguy cơ như: số lượng bạn tình. Thông tin về số lượng bạn tình là thông tin hồi cứu.
- Nghiên cứu thuần tập lịch sử: Nghiên cứu bao gồm hai nhóm: có phơi nhiễm và không phơi nhiễm. Tất cả thông tin về phơi nhiễm và tình trạng sức khỏe đều thu thập số liệu hồi cứu.
- Nghiên cứu bệnh chứng: Nghiên cứu gồm hai nhóm có bệnh và không bệnh và cũng thu thập thông tin về phơi nhiễm là thông tin hồi cứu.

Vậy tùy vào thiết kế nghiên cứu của LV cấu trúc như thế nào, HV có thể lựa chọn các thiết kế phù hợp nói trên. Lưu ý là nguồn số liệu (sơ cấp, thứ cấp) không quyết định phương pháp nghiên cứu.

Câu hỏi 65. Cách viết phần phương pháp nghiên cứu trong nghiên cứu can thiệp như thế nào là phù hợp?

Thiết kế nghiên cứu can thiệp có rất nhiều loại: từ tiền thực nghiệm, phỏng thực nghiệm, đến thực nghiệm lâm sàng có phân bố ngẫu nhiên. Bố cục của phần phương pháp nghiên cứu cho thiết kế nào thì cũng giống nhau chỉ khác nhau về quy trình tiến hành và cách tính cỡ mẫu.

Bố cục thông thường cho cách trình bày phương pháp nghiên cứu của NC can thiệp là: nêu tên thiết kế can thiệp, tính cỡ mẫu phù hợp cho thiết kế can thiệp, mô tả ngắn gọn chương trình can thiệp, thời điểm thu thập số liệu, các chỉ số đánh giá quá trình can thiệp.

Việc tiến hành đánh giá trước hay sau can thiệp hay đánh giá cả trước và sau can thiệp phụ thuộc vào tên của NC can thiệp. Ví dụ, nghiên cứu tiền thực nghiệm đánh giá sau can thiệp nghĩa là chỉ có 1 nhóm, đánh giá sau can thiệp. Nghiên cứu tiền thực nghiệm đánh giá trước sau là có 1 nhóm, đánh giá trước và sau can thiệp. Nghiên cứu phỏng thực nghiệm có nhóm chứng không tương đồng là có 2 nhóm can thiệp và đối chứng không tương đồng, đánh giá trước và sau chương trình can thiệp

Một ví dụ về viết phương pháp cho thiết kế can thiệp giả thực nghiệm với 3 giai đoạn: (1) Trước can thiệp; (2) Can thiệp và (3) Sau can thiệp. Với mỗi giai đoạn có thể phương pháp NC được viết kỹ hơn.

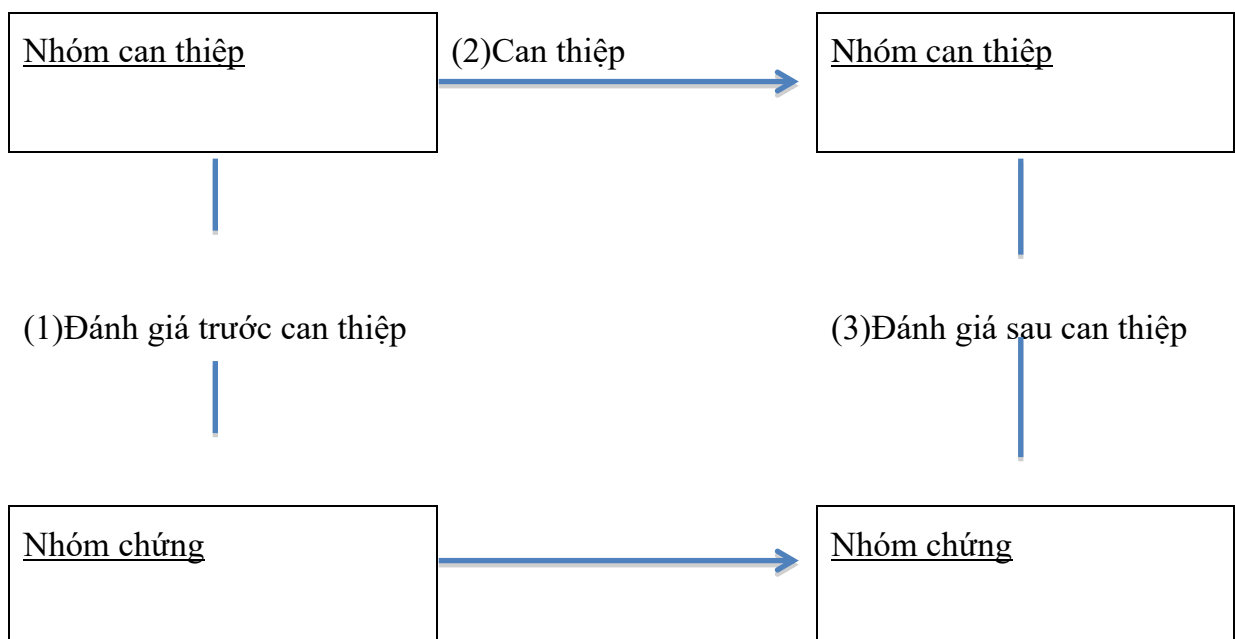
Nghiên cứu gồm 3 giai đoạn:

Ví dụ: cỡ mẫu tính được = 1.000, tổng số quần thể là 3.000, vậy tỉ lệ $n/N = 1/3$ nghĩa là lớn hơn 0,1. Trong trường hợp này ta cần hiệu chỉnh cỡ mẫu theo quần thể hữu hạn:

$$\text{Cỡ mẫu } n \text{ (mới)} = \frac{N \times n}{N + n} = \frac{3.000 \times 1.000}{3.000 + 1.000} = 750$$

TRƯỚC CAN THIỆP

SAU CAN THIỆP



Giai đoạn 1: Điều tra cơ bản với Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Giai đoạn 2: Can thiệp (có thể mô tả can thiệp cụ thể).

Giai đoạn 3: Đánh giá sau can thiệp sử dụng thiết kế nghiên cứu cắt ngang.

Các giai đoạn kể trên có thể được mô tả chi tiết hơn dựa trên nội dung NC thực hiện.

Câu hỏi 66. Khi nào thì sử dụng công thức tính cỡ mẫu cho các quần thể nghiên cứu nhỏ?

Nếu cỡ mẫu tính được (n) nhỏ so với kích thước quần thể (N), thường $n/N < 0,1$ được coi là nhỏ. Khi đó cỡ mẫu này chính là cỡ mẫu cần thiết. Tuy nhiên, nếu cỡ mẫu tính được lớn so với kích thước quần thể, $n/N > 0,1$ thì cỡ mẫu tính được có thể được điều chỉnh lại theo yếu tố hiệu chỉnh quần thể hữu hạn.

Câu hỏi 67. Cơ sở ước lượng giá trị trung bình của quần thể và tỷ lệ để tính cỡ mẫu?

Ưu tiên lấy thông tin (thông số cần thiết) sử dụng từ những nghiên cứu tương tự (với điều kiện các nghiên cứu đó cho các kết quả có giá trị và độ tin cậy cao). Nếu không có thì phải sử dụng các thông số ước tính để làm sao có được cỡ mẫu cần thiết lớn nhất trong khuôn khổ nguồn lực (thời gian, kinh phí, trang thiết bị, con người) cho phép.

Thông số ước tính có thể theo hai cách như sau:

Sử dụng thông số cho cỡ mẫu tối đa: ví dụ như giá trị $p=0,5$, với cùng một độ chính xác (d) như nhau thì giá trị $p=0,5$ sẽ cho cỡ mẫu lớn nhất. Một lần nữa nghiên cứu viên phải lưu ý đến bản chất vấn đề NC của mình (sự kiện phổ biến hay hiếm) và mối quan hệ giữa d với p (Xem thêm phần giải thích ở câu 47).

Sử dụng thông số ước tính từ đánh giá nhanh: thông thường trước khi tiến hành nghiên cứu, nhà nghiên cứu cần tìm hiểu về quần thể và địa điểm nghiên cứu, từ đánh giá nhanh này có thể tính ước lượng tương đối của giá trị trung bình hay tỷ lệ về một bệnh/tình trạng sức khỏe của cộng đồng và sử dụng các thông số này vào tính cỡ mẫu.

Câu hỏi 68. Khi nào thì chọn mẫu toàn bộ? Đã chọn mẫu toàn bộ có cần nêu công thức tính cỡ mẫu không?

Câu hỏi này có hai cách tiếp cận:

Từ khi bắt đầu làm nghiên cứu, nghiên cứu viên đã quyết định chọn toàn bộ quần thể → nghĩa là chọn mẫu toàn bộ. Trong trường hợp này, trong LV chỉ cần đề lấy mẫu toàn bộ, ví dụ toàn bộ phụ nữ 15-49 tuổi của xã A hay toàn bộ cán bộ của bệnh viện X ...

Nhà nghiên cứu không định chọn mẫu toàn bộ, tuy nhiên khi mẫu tính được, dựa trên công thức điều chỉnh quần thể giới hạn, không có khác biệt gì đáng kể so với quần thể từ đó mẫu được chọn và nguồn lực của nghiên cứu cho phép lấy mẫu toàn bộ → trong LV cũng sẽ đề cập rõ là mẫu tính ra không khác biệt so với quần thể nên sẽ lấy mẫu toàn bộ.

Có cần tính cỡ mẫu không:

Nếu mục đích nghiên cứu của HV chỉ là mô tả thực trạng một vấn đề sức khỏe: ví dụ tính tỷ lệ bệnh cao huyết áp, bạn đã chọn toàn bộ quần thể rồi thì không cần tính mẫu

Nếu mục tiêu nghiên cứu của HV là so sánh tỷ lệ/giá trị trung bình của các quần thể thì tuy rằng bạn chọn mẫu toàn bộ, tuy nhiên lực mẫu có thể rất thấp do mẫu nhỏ, nghiên cứu gặp sai lầm loại II, với các trường hợp này, nên có bổ sung công thức tính mẫu để cho thấy lực mẫu của bạn đủ mạnh để phát hiện sự khác biệt nếu có.

Câu hỏi 69. Một nghiên cứu có mục tiêu mô tả và xác định một số yếu tố liên quan thì dùng công thức tính cỡ mẫu cho 1 tỷ lệ hay 2 tỷ lệ là hợp lý? Tại sao?

Công thức tính cỡ mẫu một tỷ lệ: dùng khi muốn tính tỷ lệ một tình trạng sức khỏe cần nghiên cứu. Ví dụ khi để xác định tỷ lệ người mắc bệnh tiểu đường type 2 tại xã A. Tất cả mục tiêu nghiên cứu nhằm xác định thực trạng sẽ sử dụng công thức tính cỡ mẫu 1 tỷ lệ

Công thức so sánh 2 tỷ lệ được sử dụng khi bạn so sánh tỷ lệ mắc bệnh của hai quần thể khác nhau. Ví dụ bạn so sánh tỷ lệ mắc bệnh tiểu đường type 2 của nam giới trên 50 tuổi và nữ giới trên 50 tuổi tại xã A.

Một nghiên cứu có thể có nhiều mục tiêu, mỗi mục tiêu lại sử dụng một công thức tính cỡ mẫu khác nhau. Ví dụ mục tiêu 1 về thực trạng chọn cỡ mẫu một tỷ lệ, mục tiêu 2 về mối liên quan chọn cỡ mẫu so sánh 2 tỷ lệ hay 2 giá trị trung bình hay cỡ mẫu tính theo OR dự định. Mẫu của nghiên cứu sẽ là cỡ mẫu lớn nhất trong các cỡ mẫu được tính ra nhằm đảm bảo trả lời được tất cả các câu hỏi nghiên cứu đặt ra.

Câu hỏi 70. Phương pháp sử dụng bảng kiểm để quan sát thực hành được coi là nghiên cứu định tính hay định lượng?

Hoàn toàn phụ thuộc vào bảng kiểm đó thiết kế như thế nào, nếu bảng kiểm thiết kế để ghi chép mô tả bằng lời văn thì có thể là dạng định tính, nếu bảng kiểm thiết kế mô tả dạng thu thập số liệu định lượng thì là định lượng.

Câu hỏi 71. Tên gọi, cách trình bày các biến số trong nghiên cứu định tính và cách phân tích theo chủ đề ?

NC định tính không dùng thuật ngữ các “biến số” nghiên cứu mà dùng là “các chủ đề” nghiên cứu (Trừ phần các thông tin cơ bản: tuổi, giới, nghề nghiệp, nhóm đối tượng nghiên cứu...).

Các chủ đề trong NC định tính thường bao gồm: Các chủ đề chính (theme) và chủ đề nhỏ/tiểu chủ đề (sub-theme) để hướng tới giải quyết mục tiêu nghiên cứu.

Trong đề cương nghiên cứu định tính đơn thuần hoặc kết hợp định tính và định lượng cần trình bày mục “*Biến số và các chủ đề NC*” như sau:

Biến số:

Các thông tin chung về đối tượng NC (tuổi, giới... như trên)

Các biến số liên quan đến mục tiêu định lượng nếu là nghiên cứu kết hợp.

Các biến số này vẫn trình bày như hướng dẫn cách viết đề cương chung (phần biến số của Phòng đào tạo)

Các chủ đề nghiên cứu định tính:

Các chủ đề và các tiểu chủ đề theo mục tiêu định tính.

Các chủ đề chính và tiêu chủ đề có thể trình bày thành bảng hoặc gạch đầu dòng như sau:

Tên chủ đề chính 1

Tên tiêu chủ đề 1.1

Tên tiêu chủ đề 1.2.

Tên chủ đề chính 2

Tương tự như trên

Cách phân tích theo chủ đề có thể tham khảo tài liệu: Sách: Phương pháp nghiên cứu định tính, Nhà xuất bản Lao động xã hội, 2012. *Chủ biên: Hồ Thị Hiền*, trường Đại học Y tế Công cộng. Chương 5: Phân tích số liệu định tính (Trang 129-159).

Câu hỏi 72. Cách viết phần “xử lý số liệu” đối với nghiên cứu định tính thường gặp là gì?

Trong nghiên cứu định tính, phần xử lý số liệu sẽ khác nhau tùy thuộc vào từng loại thiết kế nghiên cứu định tính cụ thể. Về cơ bản, phần xử lý số liệu trong nghiên cứu định tính cần nêu rõ các bước cụ thể mà nghiên cứu thực hiện liên quan đến nội dung này. Cụ thể, cần nêu rõ các băng ghi âm phỏng vấn, nhật kí quan sát thực địa được xử lý như thế nào? Dữ liệu được nhập, phân tích, và quản lý/lưu trữ như thế nào? Quá trình xử lý số liệu như thế nào (bằng phần mềm hay lập bảng ma trận,..).

Ví dụ: Nội dung các cuộc phỏng vấn sâu/ thảo luận nhóm được ghi chép trong quá trình thu thập và được tổng hợp ngay sau mỗi cuộc phỏng vấn. Nội dung này cũng được ghi âm lại và tiến hành gỡ băng và xuất sang file word phục vụ cho quá trình phân tích.

Câu hỏi 73. Nếu nghiên cứu có kết hợp phương pháp định lượng và định tính thì cần chỉ rõ cách kết hợp như thế nào không? Và cách trình bày phần này như thế nào?

Nếu nghiên cứu có kết hợp phương pháp định lượng và định tính thì cần chỉ rõ cách kết hợp (mục đích, trình tự, mức độ ưu tiên). HV cần lựa chọn loại thiết kế nghiên cứu kết hợp cho phù hợp. Trong chương trình (môn học phương pháp Nghiên cứu định tính và Phương pháp Nghiên cứu kết hợp), bốn loại thiết kế kết hợp phương pháp định lượng và định tính cơ bản thường gặp đã được giới thiệu là kết hợp để đối chiếu kết quả; kết hợp để giải thích; kết hợp để khám phá; kết hợp để đánh giá. Chi tiết tham khảo trong giáo trình *Phương pháp nghiên cứu định tính*¹: bài “Nghiên cứu kết hợp phương pháp định tính và định lượng” của PGS.TS Nguyễn Thanh Hương có ở thu

¹Hồ Thị Hiền và cộng sự (2012), *Phương pháp nghiên cứu định tính*, Nhà xuất bản lao động xã hội.

viện. Trong giáo trình đã đưa ra ví dụ cụ thể. Ngoài ra HV có thể tham khảo thêm tài liệu *Phương pháp nghiên cứu kết hợp*² có tại thư viện của Trường.

Câu hỏi 74. Cách viết sai số và khống chế sai số như thế nào là phù hợp? Ví dụ?

Sai số có thể xuất hiện trong bất kể giai đoạn nào của nghiên cứu từ quá trình lựa chọn vấn đề, chọn thiết kế nghiên cứu, triển khai thu thập, phân tích và xử lý số liệu. Có rất nhiều loại sai số khác nhau và chúng có thể xảy ra tùy vào nội dung, phương pháp, cách thức thu thập số liệu của từng nghiên cứu. Nghiên cứu viên cần hiểu kỹ nghiên cứu của mình cũng như các loại sai số có thể xuất hiện trong thiết kế từ đó có thể có các biện pháp phù hợp để khống chế nó. Các loại sai số, cách khống chế được đề cập nhiều trong các tài liệu dịch tễ học hoặc phương pháp nghiên cứu.

Ví dụ:

Một nghiên cứu về uống rượu khi lái xe được tiến hành từ tháng 1-3/2014, đối tượng là nam giới tuổi 18-60 điều khiển xe máy vào đồ xăng tại các trạm bán xăng bên đường quốc lộ 1, đoạn đi qua tỉnh Hà Nam. Các thông tin về tình trạng uống rượu bia trong 1 giờ vừa qua, thông tin về kiến thức, thực hành uống rượu/bia và lái xe được thu thập thông qua bộ câu hỏi tự điền.

Nghiên cứu viên có thể lường trước các sai số và biện pháp khống chế chúng như sau:

Nghiên cứu này được thu thập vào thời điểm đầu năm (tết, lễ hội) do vậy số liệu về thực trạng sử dụng rượu bia có thể tăng hơn bình thường. Thu thập số liệu trên nhóm đối tượng vào trạm xăng tại địa điểm nghiên cứu cũng có thể chưa đại diện cho những người lái xe. Việc sử dụng bộ câu hỏi tự điền cũng có thể thu được các thông tin không chính xác đặc biệt với các đối tượng vừa sử dụng rượu bia.

Cách khắc phục:

Kết quả nghiên cứu có thể chưa mang tính đại diện cao do việc lựa chọn thời điểm nghiên cứu và nhóm đối tượng nghiên cứu. Đây là một điểm hạn chế, tác giả sẽ bàn luận và so sánh trong báo cáo đồng thời sẽ cân nhắc khi đưa ra các khuyến nghị sau này.

Bộ câu hỏi tự điền sẽ được thiết kế đơn giản và được thử nghiệm cẩn thận trước khi triển khai để tránh việc các đối tượng có thể hiểu nhầm và tạo thuận lợi để đối tượng trả lời dễ dàng hơn.

²Nguyễn Thanh Hương và cộng sự (2012), *Phương pháp nghiên cứu kết hợp*. Nhà xuất bản Lao động xã hội.

Câu hỏi 75: Thế nào được coi là đối tượng nghiên cứu? hồ sơ/ bệnh án/ sổ sách có được coi là đối tượng nghiên cứu không? Nếu có thì trong trường hợp nào? Nêu các ví dụ cụ thể về đối tượng nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu (Study participant) được định nghĩa trong nhiều TLTK là một người (một cá thể) tham gia (hoặc được tuyển chọn) vào NC.

Các thông tin, dữ liệu được thu thập từ đối tượng nghiên cứu (ví dụ dữ liệu thu thập từ bộ câu hỏi phỏng vấn có cấu trúc phỏng vấn các đối tượng NC) hoặc thu thập cho - để cung cấp thông tin cho ĐTNC – (ví dụ dữ liệu thu thập từ HSBA, sổ tiêm chủng... của ĐTNC) là nguồn thông tin, hay là nguồn số liệu, không phải là ĐTNC

Trong 1 số trường hợp, nếu đối tượng nghiên cứu không phải là con người, ví dụ trạm y tế (đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các TYT), hoặc lượt thực hiện 1 quy trình (đánh giá lượt thực hiện có/không tuân thủ quy trình), hoặc hồ sơ bệnh án (đánh giá HSBA có/không được ghi chép đúng quy định)... thì ĐTNC là trạm y tế (tuyển chọn các TYT vào tham gia NC) hoặc lượt thực hiện quy trình (tuyển chọn các lượt thực hiện để quan sát) hoặc HSBA (tuyển chọn các HSBA để quan sát). Tuy nhiên, các tình huống này thông thường có thêm ĐTNC là con người thực hiện các nội dung liên quan đến các ĐTNC nêu trên, do đó cần nêu đầy đủ các ĐTNC có thể có trong NC

Câu hỏi 76. Có cần viết "Đồng ý tham gia nghiên cứu" hoặc "không đồng ý..." là một tiêu chuẩn lựa chọn/hoặc tiêu chuẩn loại trừ đối tượng nghiên cứu không?

Không cần nêu “Đồng ý tham gia NC” vào tiêu chuẩn lựa chọn vì việc đồng ý hay không đồng ý diễn ra sau khi nhà nghiên cứu chọn đối tượng NC.

Câu hỏi 77. Quy định về tài liệu tham khảo (TLTK)?

- Có nhiều loại tài liệu tham khảo, nhưng hay được dùng trong các cơ sở đào tạo bao gồm: sách, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học, báo cáo, luận văn tốt nghiệp, văn bản qui phạm pháp luật . **Lưu ý:** Học viên chỉ trích dẫn trực tiếp, không trích lại từ nguồn khác. Ít nhất phải có 50% tài liệu tham khảo được xuất bản trong 10 năm gần đây.
- Trình tự sắp xếp theo định dạng Vancouver, còn gọi là "hệ thống thứ tự trích dẫn".
 - Câu/đoạn trích dẫn được đánh số theo thứ tự trích dẫn trong bài viết. Khi đó, số được đặt trong ngoặc đơn, liền sau câu/đoạn trích dẫn ngay cả khi tên tác giả xuất hiện trong đoạn văn:
Ví dụ: Sự khác nhau về năng lực giữa các hộ sinh làm việc tại các trạm y tế xã ở các tỉnh đồng bằng và miền núi cũng được xác định qua các nghiên cứu năng lực hộ sinh ở các quốc gia khác (4), (5).
 - Các tài liệu có trích dẫn trong bài viết được xếp trong danh mục tham khảo cuối bài, theo đúng thứ tự trích dẫn. Nếu số tài liệu trích dẫn theo thứ tự và trên 3 tài liệu thì người học có thể trích dẫn như sau: (1-4), (6).

- Biểu tham khảo (*bibliographic record/notice bibliographique*) được sắp xếp theo thứ tự xuất hiện của tài liệu trong văn bản, không phân biệt tài liệu tiếng Việt và tiếng nước ngoài

- Tài liệu tham khảo là sách, phải ghi đầy đủ các thông tin sau: Tên các tác giả hoặc cơ quan ban hành. Tên sách: Nhà xuất bản, Nơi xuất bản. Năm xuất bản. Chọn loại tài liệu trong công cụ trích dẫn (như Endnote) là “Book”

Ví dụ: Trường Đại học Y tế công cộng. Quản lý nguồn nhân lực y tế: Nhà xuất bản Y học, Hà Nội; 2018.

- Tài liệu tham khảo là luận án, luận văn phải ghi đầy đủ các thông tin sau: Tên các tác giả. Tên luận án/luận văn [Ghi rõ Luận văn thạc sỹ hay tiến sỹ về QLBV hay YTCC hay CK2 TCQLYT]. Nơi đào tạo: tên tổ chức đào tạo; Năm tốt nghiệp. Chọn loại tài liệu trong công cụ trích dẫn (như Endnote) là “Thesis”

Ví dụ: Trần Việt Hảo. Động lực làm việc và các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của bác sĩ Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp năm 2015 [Luận văn thạc sỹ Quản lý bệnh viện]. Hà Nội: Trường Đại học Y tế Công cộng; 2015.

- Tài liệu tham khảo là báo cáo phải ghi đầy đủ các thông tin sau: Tên các tác giả hoặc cơ quan ban hành. Tên báo cáo Năm báo cáo. Chọn loại tài liệu trong công cụ trích dẫn (như Endnote) là “Report”

Ví dụ: Ủy ban dân tộc. Báo cáo nghiên cứu “Phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” 2014.

- Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, ghi đầy đủ các thông tin sau: Tên các tác giả. Tên bài báo. Tên tạp chí. Năm xuất bản; Tập(số): các số trang (gạch ngang giữa số trang đầu và cuối). Chọn loại tài liệu trong công cụ trích dẫn (như Endnote) là “Journal Article”

Ví dụ: Huỳnh Ngọc Tuyết Mai, Nguyễn Đức Thành, Phùng Thanh Hùng. Động lực làm việc và một số yếu tố ảnh hưởng của điều dưỡng tại 14 khoa lâm sàng bệnh viện bệnh Nhiệt đới, thành phố Hồ Chí Minh năm 2017. Tạp chí Khoa học Nghiên cứu và Phát triển. 2017;1(1):69-77.

- Tài liệu tham khảo văn bản qui phạm pháp luật, ghi đầy đủ các thông tin sau: Tên tổ chức ban hành văn bản, số văn bản, năm ban hành. Chọn loại tài liệu trong công cụ trích dẫn (như Endnote) là “Legal Rule and Regulation”

Ví dụ: Bộ Y tế, Bộ Nội vụ. Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, nữ hộ sinh, kỹ thuật y, (2015).

- Đối với tài liệu online, ghi tên tác giả, tên bài, website và đường link, ngày truy cập. Chọn loại tài liệu trong công cụ trích dẫn (như Endnote) là “Web Page”

Ví dụ: Hiểm họa khi đeo khẩu trang trên cằm, cánh tay. <https://vnexpress.net/hiem-hoa-khi-deo-khau-trang-tren-cam-canh-tay-4471306.html>. Truy cập ngày 20 tháng 5 năm 2022.

Câu hỏi 78. Nguyên tắc viết TLTK cho bảng và biểu đồ được trích dẫn trong phần tổng quan hoặc phần bàn luận (nếu có)?

Mọi đồ thị, bảng biểu lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ, ví dụ: “Nguồn: Bộ Nội vụ, 2008”. Nguồn trích dẫn phải liệt kê chính xác trong danh mục Tài liệu tham khảo.

Nguồn trích dẫn với bảng, biểu đồ cần ghi rõ dưới bảng, biểu đồ và có ghi rõ trích dẫn trong phần TLTK. Ví dụ: dưới bảng có thể viết Nguồn: Báo cáo ... , Bộ Y tế, 2011 [1].

Ví dụ:

Bảng 1: Ước tính số người sử dụng chất kích thích gây nghiện (ATS) tuổi từ 15-64 theo khu vực và ở các tiểu khu vực thuộc châu Á năm 2008

Khu vực/ tiểu khu vực	Ước tính số người sử dụng ATS (đơn vị: người)	
	Thấp	Cao
Châu Phi	1.900.000	7.130.000
Châu Mỹ	7.800.000	9.170.000
Châu Á	6.800.000	53.610.000
Đông/ Đông Nam Á	4.890.000	27.530.000
Trung Á	Không có báo cáo	Không có báo cáo
Trung & Trung Cận Đông	Không có báo cáo	Không có báo cáo
Châu Âu	6.530.000	7.720.000
Châu Đại Dương	1.310.000	1.540.000
Ước tính số liệu toàn cầu	24.160.000	78.720.000

Nguồn: Báo cáo tình hình sử dụng ma túy thế giới (UNODC World Drug Report 2010) [1]

Lưu ý:

- Tiêu đề của bảng được ghi phía trên bảng; tên của hình vẽ và sơ đồ được ghi phía dưới của hình vẽ, sơ đồ.

- Thông thường, những bảng ngắn và đồ thị nhỏ phải đi liền với phần nội dung đề cập tới các bảng và đồ thị này ở lần thứ nhất. Các bảng dài có thể để ở những trang riêng nhưng cũng phải tiếp theo ngay phần nội dung đề cập tới bảng này ở lần đầu tiên.
- Các bảng, sơ đồ, hình vẽ phải ghi rõ đơn vị tính.

Câu hỏi 79. Có qui định về số lượng TLTK cập nhật ở mức độ như thế nào không?

Trong tài liệu “Hướng dẫn viết LV” của phòng QLĐT SĐH (Có thể tham khảo tại: <http://dtsdh.hsph.edu.vn/thS/bieumau>) đã nêu: Ít nhất phải có 50% TLTK được xuất bản trong vòng 10 năm so với thời điểm viết đề cương hoặc LV.

Câu hỏi 80. Số lượng TLTK bao nhiêu là phù hợp với 1 LV?

Tùy thuộc vào lĩnh vực, chủ đề nghiên cứu mà số lượng có thể khác nhau.

Số lượng TLTK coi là đủ khi chất lượng và nội dung TLTK là cơ sở tốt cho phần tổng quan, đặt vấn đề và phần bàn luận để giải quyết mục tiêu nghiên cứu, phù hợp với phần kết quả, kết luận, khuyến nghị.

Không có qui định cụ thể, tuy nhiên số lượng tài liệu tham khảo phù hợp đối với LV ThS và CKII có thể ước lượng bằng khoảng 0,6 đến 0,8 TLTK/1 trang LV. Ví dụ LV ThS dài 70 trang (không kể trang bìa, TLTK và phụ lục) thì số TLTK nên từ khoảng 42 đến 56 TLTK. Còn đối với luận án TS thì số lượng TLTK có thể ước lượng bằng khoảng 0,8-1 TLTK/1 trang luận án (không kể trang bìa, TLTK và phụ lục), như vậy nếu luận án dài 100 trang thì số TLTK trong khoảng từ 80-100 TLTK.

Câu hỏi 81. Việc tham khảo LV tại thư viện của Trường ĐHY tế công cộng được qui định như thế nào?

Qui định về số trang tài liệu tham khảo được photo:

Số lượng được phép photo tại thư viện tuân thủ theo quy định của Luật Bản quyền, trong đó ghi rõ số lượng photo nhằm mục đích nghiên cứu, giảng dạy và học tập không quá 10% số trang của tài liệu hoặc 1 chương sách (nếu sách có từ 2 chương trở lên) hoặc 1 bài tạp chí cho mỗi số tạp chí xuất bản.

Qui định mượn LV tại thư viện

Tất cả các LV thạc sĩ hiện đã được số hóa, bạn đọc là GV, HV, sinh viên nhà trường (kể cả các lớp địa phương) đã đăng ký tài khoản thư viện đều có thể khai thác bản điện tử.

Xem hướng dẫn khai thác tài liệu số hóa tại đường link trên website thư viện: <https://library.huph.edu.vn/sites/library.huph.edu.vn/files/HD%20KHAI%20THAC%20OTL%20SO-1.pdf>

Hoặc trên Facebook (FB):

<https://www.facebook.com/huph.library/photos/a.542732115774689/5179433075437880>

Nếu cần hỗ trợ, bạn đọc có thể liên hệ trực tiếp với thư viện theo số 024-62662387; hoặc email tới địa chỉ: thuvienhuph@huph.edu.vn hoặc để lại comment trên FB để được trợ giúp kịp thời

Câu hỏi 82. Đề cương khi không được Hội đồng thông qua (bảo vệ lại) thì trách nhiệm của HV, GVHD/GVHT như thế nào?

HV cần trao đổi với GVHD/GVHT và cùng xem xét các ý kiến góp ý của Hội đồng để chỉnh sửa và nộp cho Phòng QLĐT để đăng ký bảo vệ lại theo thời gian thông báo của Phòng QLĐT (thông thường khoảng 7-10 ngày làm việc). Trường hợp sau khi cả HV, GVHD/GVHT đã xem xét kỹ lưỡng và thống nhất là đề cương không chỉnh sửa được, không khả thi, HV cần làm đơn gửi Phòng QLĐT để đăng ký xác định lại vấn đề khác và bảo vệ đề cương lại theo qui định.

Câu hỏi 83. Có được thay đổi mục tiêu, tên đề tài so với đề cương đã được duyệt không?

Nếu chỉ là những chỉnh sửa nhỏ về từ ngữ nhưng không làm thay đổi nội dung, thiết kế nghiên cứu thì được phép chỉnh sửa cho rõ nghĩa hơn. Còn nếu đề cương đã được Hội đồng thông qua, muốn đổi tên và mục tiêu mới cần phải thông qua lại hội đồng, không được phép tự ý đổi tên và mục tiêu của đề tài. Trong trường hợp này HV cần làm đơn gửi Phòng QLĐT và làm theo qui trình xác định lại vấn đề và bảo vệ đề cương nghiên cứu.

Câu hỏi 84. Thang đo là gì và các cách tiếp cận phù hợp trong phân tích xây dựng thang đo như thế nào?

Khái niệm và ý nghĩa thang đo

Trong lĩnh vực khoa học sức khỏe và quản lý có nhiều hiện tượng rất phức tạp và trừu tượng như *chất lượng cuộc sống, sự hài lòng...* Việc lượng hóa, đo lường các hiện tượng, khái niệm phức tạp như vậy không thể dùng một câu hỏi đơn mà đòi hỏi phải có những thang đo với nhiều câu hỏi chi tiết được xây dựng công phu và được đánh giá/ kiểm định độ tin cậy trước khi sử dụng. Những mục hỏi/câu hỏi chi tiết (items) khi dùng để thu thập thông tin sẽ thể hiện những khía cạnh (dimensions) khác nhau của khái niệm muốn đo lường. Tập hợp những câu hỏi chi tiết để đo lường một khái niệm được gọi là thang đo: ví dụ thang đo chất lượng cuộc sống, thang đo sự hài lòng, thang đo stress...

Thang đo Likert

Hình thức đo lường các khái niệm trừu tượng phổ biến nhất trong các nghiên cứu khoa học sức khỏe và quản lý là thang đo do Rensis Likert (1932) giới

thiệu^{3 4 5}. Ông đã đưa ra loại thang đo 5 mức độ dưới dạng thứ bậc, ví dụ *Rất đồng ý, Đồng ý, Bình thường, Không đồng ý và Rất không đồng ý*. Thang đo 5 mức độ cũng có thể trở thành thang đo 3 hoặc 7 mức độ tùy thuộc vào mục đích của nhà nghiên cứu.

Cách tiếp cận phân tích xây dựng thang đo

Phân tích thường qua các bước sau: (1) Tính điểm cho các mục hỏi; (2) Kiểm tra sự tương quan giữa các mục hỏi và tính Cronbach alpha và (3) Kiểm tra tổng điểm của từng cá thể và điểm của từng mục hỏi.

- (1) *Tính điểm cho các mục hỏi*: Tùy bản chất từng câu hỏi mà nhà NC sẽ cho điểm cho phù hợp. Thông thường dải điểm cho 1 câu hỏi 5 mức độ là từ 1 đến 5 điểm. Cần lưu ý đến chiều hướng của các câu hỏi (câu hỏi tích cực/ tiêu cực) để cho điểm phù hợp.
- (2) *Kiểm tra sự tương quan giữa các mục hỏi và tính Cronbach alpha*: Nhằm xem xét câu hỏi nào đóng góp vào việc đo lường khái niệm nhà NC quan tâm, câu hỏi nào không. Mức độ tương quan giữa các câu hỏi trong một nhân tố/câu phần cần phải $\geq 0,3$ ⁶. Hệ số Cronbach alpha là một kết quả kiểm định thống kê về mức độ chặt chẽ mà các câu hỏi trong thang đo tương quan với nhau. Theo qui ước, một tập hợp các câu hỏi dùng đo lường được đánh giá là tốt cần có hệ số alpha $\geq 0,8$; với alpha từ 0,7 đến dưới 0,8 là sử dụng được⁷. Cần lưu ý nếu thang đo có nhiều câu hỏi thì sẽ có nhiều cơ hội để có hệ số alpha cao.
- (3) *Kiểm tra tổng điểm của từng cá thể/ đối tượng nghiên cứu và điểm của từng mục hỏi*: Phân tích này cho phép xác định những những câu hỏi nào không đóng góp nhiều vào đo lường khái niệm được quan tâm. Những câu hỏi không đóng góp nhiều sẽ có tương quan yếu với tổng số điểm của từng cá thể, đây là những câu hỏi nên bỏ ra khỏi thang đo và giữ lại những câu hỏi có tương quan mạnh.

Mục đích của các bước phân tích trên là loại bỏ các câu hỏi làm giảm sự tương quan giữa các câu hỏi và giữ cho Cronbach alpha $\geq 0,8$.

³ McLeod S. *Likert Scale*; 2014. *Simplypsychology.org*.

Retrieved: <http://www.simplypsychology.org/Likert-scale.html/pdf>

⁴ Croasmun JT, Ostrom L. *Using Likert-type scales in the social sciences*. *Journal of Adult Education*. 2011;40:19-22.

⁵ Edmondson DR (2005). *Likert scales: A history*. *Proceedings of the 12th Conference on Historical Analysis and Research in Marketing (CHARM)*. April 28-May1, California, USA.

⁶ Hair et al. (2009), *Multivariate Data Analysis*, Prentical-Hall International, Inc

⁷ Peterson, R (1994) *A Meta-Analysis of Cronbach's Coefficient Alpha*". *Journal of Consumer Research*, No. 21 Vo. 2, pp. 38-49.

Một thang đo dùng đo lường một khái niệm có thể được phân thành/tải thành (loading) một nhân tố hoặc vài nhân tố. Để có thể xác định được số lượng các nhân tố của thang đo và các câu hỏi (items) trong mỗi nhân tố, nhà nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nhân tố. Phương pháp này cũng giúp nhà NC có thể rút gọn thang đo và tóm tắt số liệu. Bạn đọc tìm thêm các tài liệu phân tích nhân tố để biết chi tiết các phân tích.

Phân tích nhân tố có 2 dạng cơ bản: phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis-EFA) và phân tích nhân tố khẳng định (Confirmatory Factor Analysis-CFA)

- EFA: Khám phá ra cấu trúc cơ bản của một tập hợp các câu hỏi có liên quan với nhau trong thang đo.
- CFA: Xác định xem số lượng các nhân tố và các mục hỏi (items) tạo nên các nhân tố đó có phù hợp với khái niệm được mong đợi dựa trên nền tảng lý thuyết đã có hoặc thang đo đã có.

Câu hỏi số 85. Hiện nay nhiều đề tài đánh giá về tuân thủ qui trình vệ sinh tay của điều dưỡng hoặc đánh giá thực hiện giao tiếp của điều dưỡng, vậy khi tính cỡ mẫu thì tính cỡ mẫu là điều dưỡng rồi suy ra số lượt quan sát hay cỡ mẫu là số lượt quan sát rồi qui lại số điều dưỡng cần quan sát?

- Việc tính cỡ mẫu là điều dưỡng hay lượt thực hiện tùy thuộc vào mục tiêu đánh giá và định nghĩa chỉ số đánh giá của nghiên cứu viên.
 - o Ví dụ 1: nghiên cứu viên muốn đánh giá **tỷ lệ điều dưỡng** thực hiện **đúng quy trình** vệ sinh tay, đầu tiên cần làm rõ **định nghĩa** một điều dưỡng có thực hành vệ sinh tay như thế nào được xem là **đúng quy trình** (ví dụ là đúng tất cả các bước trong quy trình và trong 01 cơ hội quan sát) → khi đó cỡ mẫu được tính là số điều dưỡng.
 - o Ví dụ 2: nghiên cứu viên muốn đánh giá **tỷ lệ lượt vệ sinh tay của điều dưỡng** được thực hiện **đúng quy trình** (ví dụ là đúng tất cả các bước trong quy trình ở 01 lượt quan sát) → cỡ mẫu được tính là số lượt quan sát cơ hội vệ sinh tay. Sau khi tính số lượt, việc phân bổ mỗi điều dưỡng cần được quan sát bao nhiêu lần có thể thực hiện đơn giản là phân bổ đều, ví dụ cần 100 lượt quan sát, trong khi số điều dưỡng tại địa bàn nghiên cứu là 25 người, vậy mỗi người cần 4 lượt quan sát
- Lưu ý ở ví dụ 2:
 - o Nếu muốn phân tích theo đơn vị phân tích là **điều dưỡng**, cần lưu ý các quan sát trên 1 điều dưỡng là không độc lập, do đó nếu giữ nguyên các lượt quan sát và phân tích với các đặc điểm cá nhân của điều dưỡng, cần phải áp dụng phân tích đa tầng để phân tích số liệu này.
 - o Hoặc để đơn giản, cần bổ sung thêm định nghĩa **điều dưỡng thực hiện đúng quy trình vệ sinh tay** là như thế nào, ví dụ “là thực hiện đúng quy trình trong tất cả các lượt quan sát” để quy chiếu các lượt quan sát về

đơn vị phân tích là điều dưỡng, thì mới áp dụng các phân tích mối liên quan giữa các yếu tố cá nhân điều dưỡng, với việc thực hành của họ.

-

2.2. Giai đoạn thu thập số liệu và phân tích số liệu

Câu hỏi 86. Ưu nhược điểm của từng phương pháp/kỹ thuật thu thập số liệu là gì?

Có nhiều phương pháp thu thập số liệu khác nhau, trong mỗi nghiên cứu tùy thuộc vào mục tiêu, đối tượng, phương pháp, khả năng tiếp cận nguồn số liệu mà nghiên cứu lựa chọn các phương pháp thu thập số liệu cho phù hợp. Chi tiết các phương pháp người đọc có thể tìm kiếm thêm trong các tài liệu giảng dạy về phương pháp nghiên cứu hoặc dịch tễ học. Mỗi phương pháp đều có ưu và nhược điểm của nó được tóm tắt như sau:

Kỹ thuật	Ưu điểm	Nhược điểm
Sử dụng thông tin/số liệu thứ cấp	Rẻ tiền vì các số liệu đều đã có sẵn Cho phép tìm hiểu các xu hướng trong quá khứ	Việc tiếp cận các số liệu không phải lúc nào cũng dễ dàng Có thể nảy sinh các vấn đề đạo đức liên quan đến việc giữ bí mật cho các số liệu Các thông tin thu thập có thể không chính xác hay không đầy đủ
Quan sát	Thu thập được các thông tin chi tiết và phù hợp với bối cảnh NC hơn Cho phép thu thập các số liệu mà không được đề cập đến trong bộ câu hỏi Cho phép thử nghiệm mức độ tin cậy của các câu trả lời	Có thể nảy sinh các vấn đề đạo đức liên quan đến việc giữ bí mật hay tính chất riêng tư Có thể xuất hiện các sai lệch gây nên bởi điều tra viên (điều tra viên chỉ quan sát những gì mà họ quan tâm) Sự xuất hiện của người thu thập số liệu có thể tác động đến nội dung cần quan sát Đòi hỏi có sự đào tạo cẩn thận những người tham gia nghiên cứu.
Phỏng vấn cấu trúc (sử dụng các câu hỏi)	Cho phép làm rõ các câu hỏi khi phỏng vấn Tỷ lệ đáp ứng (trả lời) thường cao	Thái độ và cách hỏi của điều tra viên có thể làm ảnh hưởng đến các câu trả lời Ghi chép về các sự kiện có thể không

Kỹ thuật	Ưu điểm	Nhược điểm
đóng)		<p>được đầy đủ như các thông tin thu thập được thông qua quan sát</p> <p>Phụ thuộc vào các tình huống trả lời trước trong bộ câu hỏi.</p>
Phỏng vấn bán cấu trúc (sử dụng nhiều câu hỏi mở)	<p>Cho phép làm rõ các câu hỏi khi phỏng vấn</p> <p>Tỷ lệ đáp ứng (trả lời) thường cao</p> <p>Cho phép thu thập thông tin có chiều sâu và khai thác được các nhận xét khác nhau của người được phỏng vấn</p>	<p>Thái độ và cách hỏi của điều tra viên có thể làm ảnh hưởng đến các câu trả lời</p> <p>Ghi chép về các sự kiện có thể không được đầy đủ như các thông tin thu thập được thông qua quan sát</p> <p>Phụ thuộc vào các tình huống trả lời trước trong bộ câu hỏi. Các số liệu của các câu hỏi mở có thể khó phân tích và mất nhiều thời gian.</p>
Phỏng vấn phi cấu trúc	<p>Cung cấp nhiều thông tin sâu từ kinh nghiệm của cá nhân</p> <p>Tìm ra được hiểu biết mới,</p> <p>Các lý thuyết mới có thể nảy sinh trong quá trình phỏng vấn</p>	<p>Tốn thời gian, kinh phí</p> <p>Đòi hỏi người phỏng vấn phải có kỹ năng phỏng vấn tốt và hiểu rõ vấn đề nghiên cứu.</p> <p>Các số liệu của các câu hỏi mở có thể khó phân tích và mất nhiều thời gian.</p>
Bộ câu hỏi tự điền (Phát vấn)	<p>It tốn kém hơn do không tốn chi phí cho điều tra viên.</p> <p>Cho phép đối tượng nghiên cứu không phải lộ danh nên có thể có được các câu trả lời chân thực cho các tình huống nhạy cảm.</p> <p>Giảm sai chệch do việc diễn đạt câu hỏi khác nhau của điều tra viên</p>	<p>Không thể áp dụng được đối với các đối tượng không biết chữ</p> <p>Tỷ lệ trả lời thấp hơn phỏng vấn</p> <p>Các câu hỏi có thể bị hiểu lầm</p> <p>Đối tượng không trả lời trung thực hoặc cố ý điền câu trả lời để hoàn thành.</p>
Thảo luận nhóm trọng	Thu thập được các thông tin sâu về vấn đề nghiên cứu	Nghiên cứu viên khó kiểm soát nội dung hơn so với phỏng vấn

Kỹ thuật	Ưu điểm	Nhược điểm
tâm	Thu thập được các thông tin đa dạng về 1 vấn đề thông qua việc thảo luận của 1 nhóm đối tượng nghiên cứu	<p>Đòi hỏi phải có người điều khiển thảo luận có kinh nghiệm</p> <p>Sự khác biệt của các thành viên trong nhóm đôi khi gây khó khăn cho việc thu thập số liệu</p> <p>Sắp xếp, tổ chức thảo luận thường khó khăn hơn phỏng vấn.</p> <p>Số liệu khó phân tích và mất nhiều thời gian</p>

Câu hỏi 87. Khi quan sát để tránh sai số thì những điểm thường phải lưu ý là gì? Có những cách nào thường được sử dụng để tránh sai số trong quan sát?

Khi quan sát có thể vi phạm về vấn đề bí mật riêng tư, sai số điều tra viên vì họ chỉ muốn quan sát những gì họ cần. Sự có mặt của quan sát viên có thể tác động đến đối tượng và làm cho họ thực hành khác đi so với bình thường. Để tránh sai số thường cần có hướng dẫn chi tiết quan sát, quan sát viên phải được đào tạo cẩn thận, quan sát lặp đi lặp lại nhiều lần, giải thích rõ mục đích nghiên cứu cho đối tượng quan sát, ...

Câu hỏi 88. Khi thu thập số liệu, thông tin bị mất đến mức độ nào thì nên bỏ phiếu đó đi?

Không có qui định nào về việc mất bao nhiêu thì bỏ phiếu đó đi, các câu hỏi có tầm quan trọng khác nhau và phụ thuộc vào mục tiêu nghiên cứu cũng như các phân tích trong báo cáo. Việc mất số liệu còn do nhiều nguyên nhân ví dụ: không trả lời, câu hỏi nhạy cảm, ... do vậy việc đánh giá mức độ mất số liệu phụ thuộc vào nghiên cứu viên. Khi viết báo cáo NC, người viết cần nêu rõ nguyên tắc thông tin bị mất như thế nào thì phiếu bị loại trong NC này. Cũng lưu ý là khi tính toán cỡ mẫu thường nhà nghiên cứu đã dự tính một tỷ lệ cho việc từ chối tham gia NC cũng như cho những trường hợp phiếu có thông tin bị mất quá nhiều không sử dụng được. Tỷ lệ dự tính này thường dựa trên các NC trước đó cũng như giai đoạn thử nghiệm (pilot) của nghiên cứu. Nếu được làm tốt thì thường việc bỏ các phiếu bị khuyết thiếu nhiều cũng không ảnh hưởng đến mẫu nghiên cứu vì đã được dự tính từ trước.

Trong một số trường hợp nhà nghiên cứu sẽ sử dụng các phương pháp điền khuyết để có thể tối đa hóa được số liệu đưa vào phân tích. Việc quyết định có điền khuyết hay không phụ thuộc vào (1) Chủ đề nghiên cứu; (2) Nhà nghiên cứu; (3) Kỹ thuật phân tích.

Một số phương pháp điền khuyết phổ biến là:

- Thay thế bằng giá trị trung bình, như vậy giá trị trung bình của phân bố không thay đổi, bộ số liệu không cho kết quả gì mới nhưng giúp làm giảm sai số chuẩn (SE).
- Điền khuyết hồi qui (Regression substitution): Dùng số liệu của người có cùng đặc tính (ví dụ cùng tuổi) để điền vào bản ghi khuyết, cách điền này không có thông tin gì mới nhưng làm tăng cỡ mẫu và giảm SE.
- Điền bằng giá trị có tần suất gặp nhiều nhất hoặc điền theo phân bố tần số của biến trong bộ số liệu.

Tất cả mọi phương pháp điền khuyết, không phương pháp nào hoàn hảo, nếu 1 quan sát nhiều giá trị missing thì nên bỏ ra khỏi phân tích. Phương pháp các nhà nghiên cứu hay dùng là điền vào giá trị trung bình (mean), giá trị trung vị (median) hay hồi qui.

Lưu ý: Với các trường hợp missing không phải ngẫu nhiên: Không thể điền khuyết, với missing ngẫu nhiên hoàn toàn: Không nên điền khuyết nếu tỷ lệ missing quá lớn, còn với missing do ngẫu nhiên: thì có thể cân nhắc các phương pháp điền khuyết thích hợp, tuy nhiên phải cân nhắc đến nhiều yếu tố khác nữa (cỡ mẫu, số bản ghi missing, nguyên nhân missing...)

Câu hỏi 89. Nếu thu thập số liệu trên thực tế mà không đủ số cỡ mẫu trong đề cương thì nên xử lý như thế nào?

Các công thức tính toán cỡ mẫu bao giờ cũng cho ra kết quả là cỡ mẫu TỐI THIỂU cần có để đạt độ chính xác và lực kiểm định mà nhà nghiên cứu mong muốn. Khi triển khai nghiên cứu cũng có thể gặp phải những tình huống làm cho hụt số lượng mẫu cần thiết do vậy nghiên cứu viên nên tăng thêm một lượng mẫu dự phòng (5-10%) để tránh việc thiếu đối tượng. Trên thực tế cũng tùy từng vấn đề/chủ đề nghiên cứu mà nghiên cứu viên đưa ra những tỷ lệ dự phòng khác nhau.

Nếu trường hợp tính cả dự phòng mà vẫn thiếu thì vẫn tiến hành phân tích, tuy nhiên trong trường hợp này lực và độ chính xác của các phân tích có thể giảm đi, các kết quả có thể không được chính xác hoặc nhiều phân tích không tiến hành được do thiếu mẫu. Nghiên cứu viên nên tính lại lực mẫu để minh chứng là mẫu vẫn đủ để cho kết quả đáng tin cậy.

Ví dụ:

Một nghiên cứu viên tính toán cỡ mẫu cho nghiên cứu so sánh sự thay đổi 1 tỷ lệ ($p_0=50\%$, $p_1=60\%$) với độ chính xác là 95%, lực mẫu là 90%. Cỡ mẫu tối thiểu cần có là 259 đối tượng, tuy nhiên khi hoàn thành chỉ thu được 220 đối tượng. Khi tính toán lại thì lực của mẫu chỉ đạt được 84,8% và mẫu không đạt tiêu chí như ban đầu đề ra mặc dù lực mẫu vẫn còn khá lớn (>80%) và đủ để kết quả có độ tin cậy phù hợp.

Một nghiên cứu viên khác tính toán cỡ mẫu để ước lượng 1 tỷ lệ với độ chính xác là 95%, khoảng tin cậy là +10%, giá trị p ước tính là 50%. Cỡ mẫu tối thiểu tính được là 96. Sau khi thu thập số liệu thì chỉ thu được 85 đối tượng, với cỡ mẫu này thì kết quả tính toán có thể chỉ đạt được độ chính xác là 92% hoặc khoảng tin cậy sẽ rộng hơn dự kiến ban đầu.

Câu hỏi 90. Nếu sử dụng phương pháp thu thập số liệu thứ cấp có nhất thiết phải có biểu mẫu thu thập số liệu không?

Số liệu thứ cấp có thể từ rất nhiều nguồn khác nhau, tùy thuộc vào nguồn và dạng số liệu thứ cấp mà nghiên cứu viên có thể quyết định nên có hay không có biểu mẫu thu thập.

Số liệu thứ cấp được lưu trong file điện tử, hoặc trích từ cơ sở dữ liệu: Những số liệu thứ cấp dạng này không cần thiết phải có biểu mẫu thu thập khác với số liệu gốc. Các nghiên cứu viên có thể đính kèm biểu mẫu gốc để minh chứng nội dung số liệu mà mình sử dụng.

Các số liệu thứ cấp từ báo cáo, sổ sách, bệnh án trên giấy: Thông thường chúng ta không dùng toàn bộ các số liệu này trong nghiên cứu của mình mà chỉ trích một phần. Do vậy CẦN phải có biểu mẫu để ghi nhận nội dung sẽ thu thập, các biểu mẫu này có thể được xây dựng dựa trên bộ gốc và dùng để cho điều tra viên chép/copy/trích số liệu từ báo cáo gốc.

Câu hỏi 91. Khi nào cần phải xử lý đa biến, nếu không xử lý có được không?

Phân tích đa biến có ứng dụng hay được dùng nhất là không chế nhiễu và giải thích hoặc dự đoán biến phụ thuộc dựa trên các biến độc lập. Vậy nên dùng phân tích đa biến khi nghiên cứu có hai nhu cầu trên. Có áp dụng phân tích đa biến hay không phụ thuộc vào nhà nghiên cứu, câu hỏi/ mục tiêu nghiên cứu, bản chất mối liên quan giữa các biến trong NC và bản chất bộ số liệu.

Hiện nay có hai loại hình đào tạo Thạc sỹ là (1) Thạc sỹ định hướng ứng dụng và (2) Thạc sỹ định hướng nghiên cứu. Như đã giải thích về sự khác biệt giữa hai định hướng, với Ths định hướng ứng dụng học viên không nhất thiết phải sử dụng những kỹ thuật phân tích nâng cao (đa biến) còn với Ths định hướng nghiên cứu thì học viên cần phải cân nhắc để áp dụng các kỹ thuật phân tích nâng cao cho phù hợp với mục tiêu, câu hỏi nghiên cứu.

Câu hỏi 92. Cách trình bày một bảng xử lý hồi qui logic thông thường như thế nào?

Có nhiều cách trình bày khác nhau và không có cách nào được đề cập là chuẩn. Cách trình bày tùy thuộc vào nhà nghiên cứu muốn cho người đọc thấy được thông tin gì. Thường các thông tin sau cần có trong phần trình bày kết quả phân tích hồi qui:

Các bằng chứng đánh giá sự phù hợp chung của mô hình.

Các biến số có trong mô hình, vai trò của các biến (độc lập, phụ thuộc) chỉ rõ nhóm được dùng để so sánh với từng biến độc lập.

Hệ số hồi qui (với hồi qui tuyến tính) giá trị OR (hồi qui logistics), giá trị mức ý nghĩa của kiểm định (p value) cho từng hệ số và khoảng tin cậy (thường dùng là CI95%) cho hệ số hồi qui/ OR.

Nếu là hồi quy tuyến tính thì cần trình bày phương trình hồi qui.

Dưới đây là ví dụ về bảng hồi qui tuyến tính đa biến người đọc có thể tham khảo:

Bảng xx: Sự thay đổi thực hành của CBYT về phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS trước và sau can thiệp*

<i>Biến số</i>	<i>Hệ số hồi qui (β)</i>	<i>Sai số chuẩn</i>	<i>P</i>	<i>KTC95% của hệ số hồi qui</i>
Nhóm can thiệp <i>Không can thiệp**</i> <i>Can thiệp</i>	1,24	0,38	0,001	0,5-2,0
Chênh với tuổi TB mẫu (TUỔI)	0,03	0,03	0,33	(-0,03) - 0,08
Thời gian công tác <i>Dưới 2 năm**</i> <i>Từ 2- 5 năm</i> <i>Trên 5 năm</i>	-0,39 -0,32	0,67 0,64	0,56 0,61	(-1,7)-0,93 (-1,6)-0,94
Nơi công tác <i>Y tế thôn bản**</i> <i>Tuyến xã</i> <i>Tuyến huyện</i>	-0,79 1,23	0,5 0,6	0,12 0,04	(-1,8)- 0,2 0,1-2,4
Dân tộc <i>Dân tộc khác**</i> <i>Dân tộc kinh</i>	-1,85	0,7	0,03	0,14-3,4

<i>Biến số</i>	<i>Hệ số hồi qui (β)</i>	<i>Sai số chuẩn</i>	<i>P</i>	<i>KTC95% của hệ số hồi qui</i>
<p>$n=251; R^2=0,45; F=4,1; p=0,08; \text{Hệ số } \beta_0= 1,79$</p> <p>* Biến phụ thuộc: Điểm chênh lệch thực hành về phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS của CBYT trước và sau can thiệp (Điểm chênh TH)</p> <p>* Biến độc lập chính: Can thiệp</p> <p>** Nhóm so sánh</p> <p>Phương trình tuyến tính:</p> <p><i>Điểm chênh TH = 1,79 + 1,24*(can thiệp) - 0,39*(công tác từ 2-5 năm) - 0,32*(công tác trên 5 năm) - 0,79*(công tác tuyến xã) + 1,23*(công tác tuyến huyện) + 0,03*(TUOI) - 1,85*(dân tộc)</i></p> <p>Ghi chú:</p> <p><i>Việc đưa biến nào vào mô hình phụ thuộc vào nhiều yếu tố, không nhất thiết phải dựa vào p-value, ví dụ:</i></p> <p><i>Mục đích xây dựng mô hình</i></p> <p><i>Đánh giá mô hình</i></p> <p><i>So sánh giữa các mô hình</i></p> <p><i>Sự toàn vẹn của số liệu...</i></p> <p><i>Vì thế phương trình hồi qui có thể có cả những biến mà hệ số hồi qui của nó p-value > 0.05.</i></p>				

Với hồi qui logistics đa biến thay vì trình bày hệ số hồi qui người viết trình bày giá trị OR và không cần viết phương trình hồi qui.

Câu hỏi 93. Một LV không xử lý thống kê có được chấp nhận không? Có nhất thiết phải sử dụng test thống kê hay có thể chỉ là là thống kê mô tả cũng có thể chấp nhận được?

Một LV không xử lý thống kê có lẽ là một LV với thiết kế định tính hoàn toàn. Với nghiên cứu có cấu phần định lượng thì thường sẽ có xử lý thống kê, tùy thuộc vào mục tiêu nghiên cứu.

Sử dụng test thống kê hay không phụ thuộc câu hỏi/ mục tiêu NC. Sự chấp nhận trong mức độ phân tích phải phụ thuộc vào mục tiêu. Không có một câu trả lời chính xác nếu không nhìn vào mục tiêu NC và thiết kế NC được dùng. Ví dụ, một NC kết hợp (định lượng + định tính) thì cấu phần định lượng có thể chỉ dừng ở mức độ mô tả nhưng lại cũng phải xem như vậy có đủ trả lời mục tiêu NC cũng như đủ hàm lượng của một LV hay không? Như trên đã nói, hiện nay

trường Đại học YTCC có hai loại hình định hướng cho đào tạo thạc sỹ (1) Thạc sỹ định hướng ứng dụng và (2) Thạc sỹ định hướng nghiên cứu. Với thạc sỹ định hướng nghiên cứu thì cần phải có các kỹ thuật phân tích với các kiểm định (test) thống kê.

Câu hỏi 94. Nếu là thang đo nhưng xử lý theo từng tiểu mục có hợp lý không?

Việc phân tích theo “từng tiểu mục” của thang đo thì có lẽ chỉ phù hợp với bảng mô tả còn khi đã thực hiện các kiểm định thống kê cần dùng biến tổ hợp. Vì với thang đo khi đánh giá tính giá trị và độ tin cậy (rất quan trọng khi xây dựng và chuẩn hóa thang đo) người ta đánh giá trên sự tổ hợp của các tiểu mục thành biến chung chứ không đánh giá đơn lẻ từng tiểu mục.

Câu hỏi 95. Với một nghiên cứu sử dụng thang đo để đo lường biến tổ hợp nhưng cách xác định điểm cắt (chuyển thành dạng biến phân loại để xử lý) như thế nào?

Không có một nguyên tắc/ qui tắc cứng nào qui định cho điểm cắt dùng cho một biến tổ hợp. Điều này tùy thuộc vào nhà NC đang nghiên cứu vấn đề gì, các NC tương tự được các tác giả trước dùng điểm cắt nào (qua y văn), phân bố thực sự của biến tổ hợp trong bộ số liệu. Một số tác giả sử dụng các giá trị bách phân vị (ví dụ dùng phân vị 70% hay 80%) để phân chia điểm cắt cho bộ số liệu, các giá trị này sẽ phụ thuộc vào bộ số liệu thực tế. Một số tác giả cũng dùng giá trị trung bình (mean) và độ lệch chuẩn (SD) để xác định điểm cắt: ví dụ lấy điểm cắt là mean+SD. Tuy nhiên chỉ nên cân nhắc dùng giá trị trung bình và độ lệch chuẩn khi biến quan tâm là một biến có phân bố xấp xỉ chuẩn.

Một trong những phương pháp xác định điểm cắt (cut off) hay được dùng đó là sử dụng đường cong ROC nhằm xác định một điểm cắt của một biến định lượng trong chẩn đoán bệnh, tại điểm cắt này chỉ số Youdex (Youdex index) J có giá trị cao nhất ($J=Se+Sp-1$).

Các biến định lượng dùng trong lâm sàng thường có điểm cắt được qui định từ trước (huyết áp, đường huyết...).

Câu hỏi 96. Các vấn đề thường gặp trong phân tích yếu tố liên quan đến các thang đo như sự hài lòng, mức độ gắn kết, hay chất lượng dịch vụ là gì?

Lấy ví dụ cụ thể một thang đo là sự hài lòng của bệnh nhân với dịch vụ y tế do Bộ Y tế quy định. Thang đo này gồm có 5 nhân tố chính là: (1) Sự hài lòng về tiếp cận dịch vụ; (2) Minh bạch thông tin và thủ tục hành chính; (3) Cơ sở vật chất; (4) Nhân viên y tế; và (5) Kết quả cung cấp dịch vụ.

Hiện tại trong các luận văn của trường phổ biến hai hình thức phân tích về yếu tố liên quan với sự hài lòng (trong ví dụ trên là sự hài lòng của bệnh nhân với chất lượng dịch vụ y tế):

- Phương pháp 1: Sau khi sử dụng thang điểm likert đánh giá 5 nhân tố, hỏi thêm một câu hỏi: Nhìn chung, bệnh nhân có hài lòng về dịch vụ không? Và sử dụng

câu hỏi này là BIẾN PHỤ THUỘC, các biến cấu phần của thang đo sự hài lòng từ 1 đến 5 ở trên là BIẾN ĐỘC LẬP hay YẾU TỐ LIÊN QUAN. Phương pháp phân tích này KHÔNG PHÙ HỢP do toàn bộ thang đo từ nhân tố 1 đến 5 là đo các khía cạnh khác nhau của mức độ hài lòng của người bệnh/khách hàng với dịch vụ của cơ sở y tế. Điểm đánh giá sự hài lòng phải là điểm tổng của toàn bộ 5 nhân tố, như vậy biến PHỤ THUỘC phải là biến điểm tổng của 5 nhân tố.

- Phương pháp 2: Sau khi sử dụng thang điểm likert đánh giá 5 nhân tố, học viên tính một điểm TỔNG bằng điểm 5 nhân tố cộng lại rồi sử dụng biến này làm biến PHỤ THUỘC (có thể để là biến liên tục/hoặc biến nhị phân). Điểm tổng của thang đo chính là phản ánh độ hài lòng của khách hàng. Tuy nhiên, sau đó học viên lại tiếp tục kiểm định mối liên quan giữa từng nhân tố từ 1-5 với biến PHỤ THUỘC: ví dụ, kiểm định mối liên quan của sự hài lòng về tiếp cận dịch vụ, sự hài lòng về kết quả dịch vụ ... với TỔNG điểm hài lòng (hoặc biến nhị phân tạo ra từ điểm tổng) và coi như đây là phân phân tích về yếu tố liên quan. Cách phân tích này là KHÔNG PHÙ HỢP vì cân nhắc ví dụ của phương trình dưới đây

$$Y = a + b + c + d + e$$

Nếu Y đã được tạo ra từ a, b, c, d và e, dĩ nhiên Y có mối liên quan với a, b, c, d và e

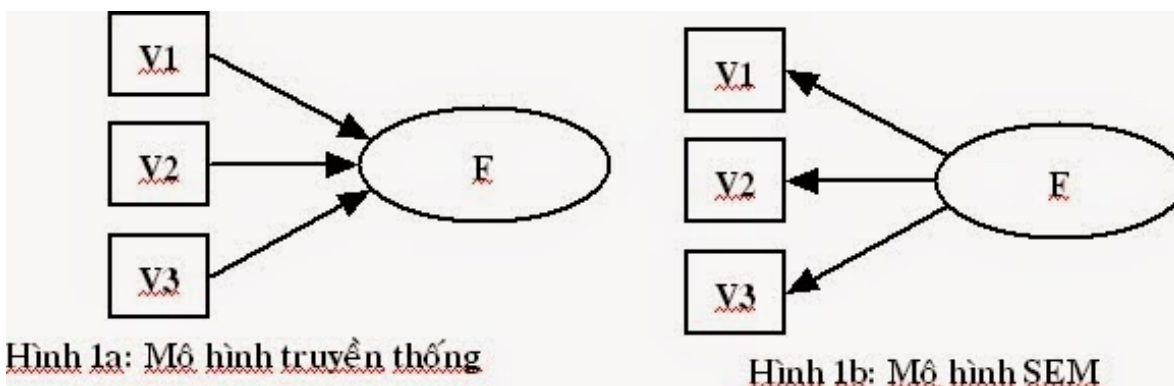
Phương pháp phân tích thứ hai hiện đang là trào lưu trong việc phân tích yếu tố liên quan của các thang đo như: chất lượng cuộc sống, sự hài lòng, gắn kết với cơ sở làm việc... hay đánh giá chất lượng dịch vụ bằng các thang đo trong nhiều luận văn từ năm 2015 trở lại đây. Cách tiếp cận của một số luận văn này cũng KHÔNG PHÙ HỢP, điều này có lẽ bắt nguồn từ việc học viên đọc một số phân tích trên báo quốc tế và hiểu nhầm cách phân tích của họ, được phân tích thông qua ví dụ dưới đây:

Lấy một ví dụ về thang đo SERVQUAL (chất lượng dịch vụ), trong các bài báo cổ điển⁸ hoặc hiện đại⁹, các tác giả trình bày các bảng tương quan giữa từng cấu phần của thang đo với thang đo tổng. Tuy nhiên, các bảng kết quả này không phải là bảng đánh giá về yếu tố liên quan với chất lượng dịch vụ mà là

⁸ Adapting the SERVQUAL scale to hospital services: an empirical investigation.
<https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC1069855>

⁹ An examination of the relationship between service quality perception and customer satisfaction: A SEM approach towards Malaysian Islamic banking.
<http://www.emeraldinsight.com/doi/abs/10.1108/17538390810901131>

đo lường CẤU TRÚC nhân tố cơ sở của chất lượng dịch vụ. Lưu ý rằng: Câu hỏi nghiên cứu ở đây là xác định YẾU TỐ LIÊN QUAN chứ không phải xác định các nhân tố của một thang đo.



Cụ thể, trong hình vẽ 1a: Là mô hình truyền thống của dịch tễ học chỉ liên hệ giữa yếu tố liên quan và biến PHỤ THUỘC. Trong hình 1a, mô hình biến quan sát được biểu diễn bằng hình chữ nhật (V1, V2, V3). Biến V1, V2, V3 có mũi tên đi ra nên trong trường hợp này còn được gọi là biến độc lập hay yếu tố liên quan. Biến F là biến phụ thuộc.

Trong hình vẽ 1b: là mô hình sử dụng trong phân tích nhân tố khẳng định (CFA) thuộc mô hình cấu trúc (SEM). Biến F lúc này không phải biến phụ thuộc, các biến V1, V2, V3 không phải biến độc lập. Biến F lúc này được gọi là biến tiềm ẩn (Latent variable). Biến tiềm ẩn (nhân tố) F thể hiện một khái niệm lý thuyết, không thể đo trực tiếp được mà phải thông qua các biến quan sát V1, V2, V3. Như vậy biến V1, V2, V3 sẽ là các biến phản ánh biến tiềm ẩn F chứ không phải yếu tố liên quan của biến F như trong mô hình truyền thống.

Tóm lại, cách tiếp cận thứ 2: kiểm định mối liên quan giữa từng nhân tố từ 1-5 với biến TỔNG của 5 nhân tố để xác định yếu tố liên quan là không phù hợp vì mục tiêu nghiên cứu về yếu tố liên quan là thuộc hình 1a, tuy nhiên cách phân tích lại là kiểm định mô hình 1b.

Câu hỏi 97. Cách xác định điểm cut –off- point (điểm cắt) cho việc tính toán điểm đạt và không đạt nên như thế nào?

Hiện nay rất nhiều nghiên cứu kiến thức- thái độ- thực hành đều đánh giá ngưỡng kiến thức hoặc thực hành đạt hoặc không đạt, có LV cứ đạt trên 50% số điểm thì đạt, LV khác thì 70-80% mới đạt? Vậy có khuyến cáo nào phù hợp cho điểm cắt này không? (lập luận như thế nào để xác định điểm cắt?)

Tương tự như câu hỏi trên, không có một ngưỡng “chuẩn” nào để khuyến cáo tác giả. Sự lựa chọn điểm cắt phụ thuộc vào vấn đề NC, số liệu cụ thể và đọc các y văn về chủ đề tương tự để sau còn so sánh và bàn luận được.

2.3. Giai đoạn viết và hoàn thành LV

Câu hỏi 98. Vai trò và phương pháp xây dựng tổng quan tài liệu?

Tổng quan tài liệu là công việc quan trọng và cần thiết đối với bất kỳ công trình nghiên cứu nào. Tổng quan tài liệu nhằm đưa ra bức tranh khái quát các cơ sở lý luận, các kết quả nghiên cứu đã được công bố về chủ đề nghiên cứu đang được thực hiện.

Ở giai đoạn lựa chọn vấn đề nghiên cứu: Tổng quan tài liệu giúp nhà nghiên cứu lựa chọn chủ đề, xác định câu hỏi nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu và xây dựng những giả thuyết cho đề tài nghiên cứu của mình, kiểm tra các nguồn lực sẵn có...

Ở giai đoạn tiến hành nghiên cứu: Tổng quan tài liệu giúp nhà nghiên cứu xác định các cơ sở lý luận tiến hành nghiên cứu, xây dựng khung lý thuyết cho nghiên cứu, xây dựng phương pháp luận và các công cụ thu thập thông tin của nghiên cứu, và làm cơ sở cho việc phân tích, phiên giải và bàn luận các kết quả nghiên cứu của mình.

Viết tổng quan tài liệu không phải là công việc chỉ làm một lần hay chỉ là một quá trình đơn tuyến, mà được rà soát đi rà soát lại nhiều lần trong quá trình nghiên cứu, với nhiều mức độ và mục đích khác nhau. Cho đến nay, chưa có tài liệu nào quy định các bước chuẩn hóa trong quá trình viết tổng quan tài liệu do quá trình viết tổng quan tài liệu có thể thay đổi tùy thuộc chuyên ngành nghiên cứu, cấp độ nghiên cứu hay mục đích của nghiên cứu. Tuy nhiên, trong quá trình làm tổng quan tài liệu, HV có thể cân nhắc những bước cơ bản như sau:

Xác định chủ đề quan tâm: Là nội dung nghiên cứu xuyên suốt đề tài, thường được thể hiện ở tên đề tài

Xác định mục đích tổng quan tài liệu: Là các mục tiêu lớn, bao quát được chủ đề nghiên cứu

Xác định tiêu chí lựa chọn tài liệu: Chúng ta không thể lựa chọn hết tất cả các tài liệu về lĩnh vực nghiên cứu mà cần có tiêu chuẩn cụ thể như: Thời gian nghiên cứu (cần lựa chọn những nghiên cứu cập nhật, không bị lạc hậu với lĩnh vực thông tin chuyên ngành); Tính đại diện và giá trị của công trình nghiên cứu; Tầm tham khảo đủ rộng để bao quát phạm vi của đề tài; mức độ tham khảo đủ sâu, tương ứng với yêu cầu của cấp độ nghiên cứu.

Bắt đầu tiến hành thu thập tài liệu tham khảo theo thứ tự ưu tiên sau: (1) Bắt đầu bằng tổng hợp rộng về tài liệu nghiên cứu như các tổng quan được tìm thấy trong sách giáo khoa, các bài tạp chí hay các tổng hợp các tóm tắt; (2) Chuyển tới các bài báo tạp chí. Bắt đầu với các nghiên cứu gần nhất về chủ đề và lùi

dần theo thời gian. Lần theo sách tham khảo ở cuối các bài báo để khảo sát rộng hơn các nghiên cứu đã công bố; (3) Chuyển sang các sách liên quan đến chủ đề; (4) Tìm kiếm các bài viết để tham dự hội thảo về chủ đề; (5) Tìm kiếm các tóm tắt của các LV, luận án hiện có ở các trường đại học.

Sau thu thập được tài liệu tham khảo, bắt đầu đọc phần tóm tắt của các tài liệu thu thập được để nắm ý chính cũng như lựa chọn được các tài liệu phù hợp nhất với tiêu chuẩn đề ra. Lưu các tài liệu đã được lựa chọn một cách khoa học (ví dụ sắp xếp theo: tài liệu cho phần tình trạng sức khỏe, tài liệu cho phần yếu tố nguy cơ, tài liệu cho phần mô hình can thiệp, tài liệu cho phương pháp luận)

Đọc bản chi tiết của những tài liệu đã được lựa chọn, ghi chép các ý chính như: (1) Các vấn đề cần nhấn mạnh; (2) Mục tiêu nghiên cứu; (3) Mẫu nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu; (4) Kết quả chính của nghiên cứu; (5) Các hạn chế của nghiên cứu.

Viết tổng quan tài liệu (TQTL): Thời gian viết TQTL tương đối dài, thường chiếm 1/3 tổng thời gian nghiên cứu. Cấu trúc của TQTL cần phù hợp với quy mô, cấp độ và mục tiêu của công trình nghiên cứu. Cần xây dựng các đề mục lớn cho TQTL dựa trên mục tiêu nghiên cứu đã đề ra, các đề mục của TQTL cần xếp theo trình tự logic và có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và với chủ đề nghiên cứu. TQTL cần bám sát mục tiêu NC và làm rõ được cơ sở lý luận của nghiên cứu.

Trình bày thông tin tổng quan tài liệu cần lưu ý: (1) Khái quát được hiện trạng của vấn đề nghiên cứu thông qua các thông tin từ cả nghiên cứu trong nước lẫn quốc tế có liên quan; (2) Ưu tiên trình bày các nghiên cứu cập nhật, cỡ mẫu và tính đại diện lớn; (3) Không chỉ liệt kê thông tin mà cần có phân tích, đánh giá, so sánh tổng hợp những tài liệu này trong mối liên hệ với nghiên cứu của mình; (4) Trình bày tóm tắt trong những đoạn cuối của phần tổng quan những số liệu và kết quả có giá trị nhất và gợi ý những hướng nghiên cứu cho các công trình trong tương lai; (5) Xem xét cụ thể các hướng nghiên cứu nào, vấn đề đặc trưng của mỗi hướng là gì, các kết quả đã đạt được, đánh giá ưu điểm, khuyết điểm của các hướng nghiên cứu đó; (6) Chỉ rõ vấn đề đã được nghiên cứu đến đâu, những gì còn chưa được xem xét, còn bỏ ngỏ, nếu có thể thì chỉ ra nguyên nhân của hiện trạng vấn đề.

Đọc lại phần tổng quan đã viết, sửa chữa và hoàn thành tài liệu tổng quan: Đọc lại hoặc đọc thêm các tài liệu có liên quan để có thêm thông tin hoặc làm rõ thông tin quan trọng.

Câu hỏi 99. Tổng quan nghiên cứu có nhất thiết phải tách riêng các nghiên cứu trên thế giới và nghiên cứu trong nước?

Tùy thuộc cách viết, làm thế nào để mô tả, so sánh về vấn đề nghiên cứu mang tính logic cả về thời gian, địa điểm/khu vực triển khai, nội dung của các nghiên cứu này. Có thể lồng ghép các nghiên cứu tương tự nhau vào cùng một đoạn văn. Nên trình bày trên thế giới trước rồi Việt Nam. Nếu ở Việt Nam có ít nghiên cứu thì nghiên cứu viên cũng cần viết rõ vấn đề này và càng minh chứng rõ ràng là vấn đề này đang rất cần được nghiên cứu thêm!

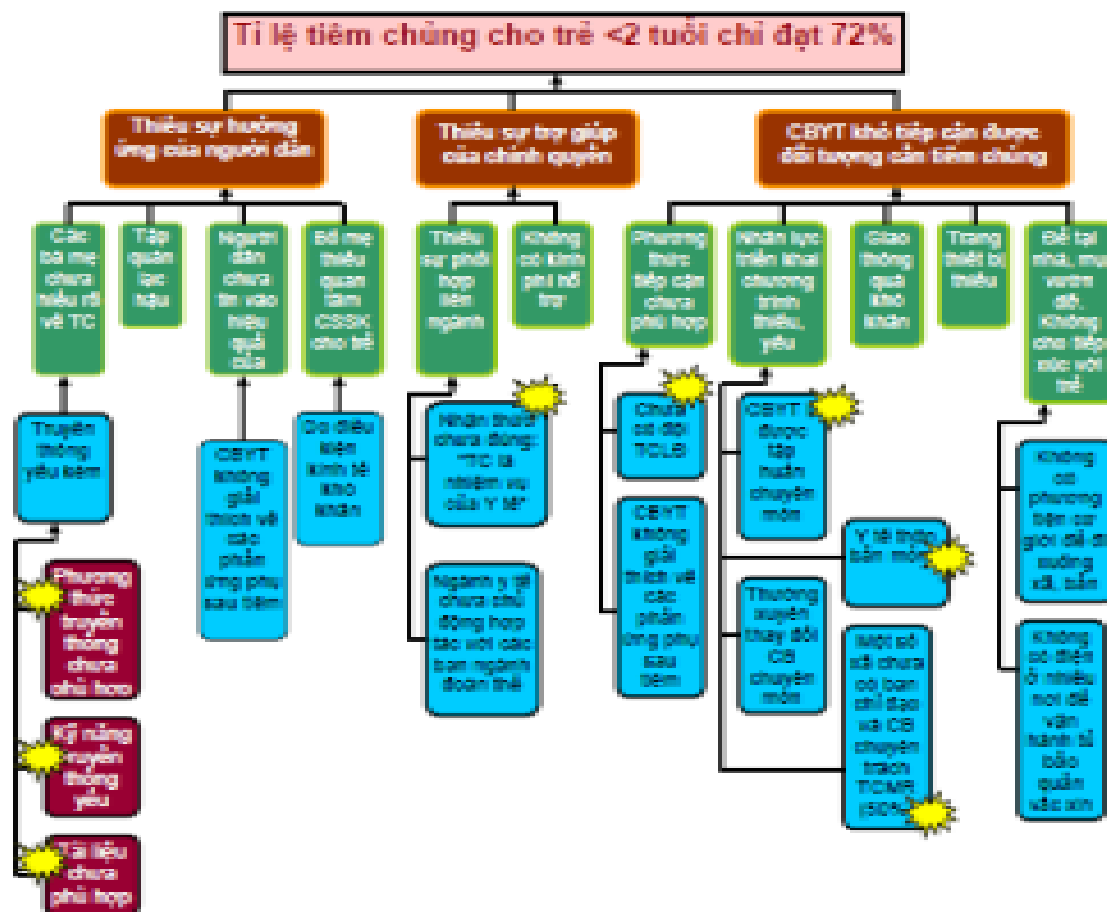
Câu hỏi 100. Nhiều LV ThS để an toàn chỉ dừng lại ở mục tiêu mô tả và phân tích các yếu tố liên quan, vậy có thể mở ra những mục tiêu khác nữa không?

Hoàn toàn có thể thêm nhiều mục tiêu khác tùy vào chủ đề nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu của tác giả, tuy nhiên cần phải đảm bảo tính logic của chủ đề, mục tiêu, phạm vi và phương pháp nghiên cứu.

Câu hỏi 101. Thế nào là cây vấn đề và thế nào là khung lý thuyết? Khi thực hiện nghiên cứu nên dùng cây vấn đề hay khung lý thuyết và tại sao?

Cây vấn đề:

Cây vấn đề là một kỹ thuật phân tích vấn đề thường được sử dụng giúp mô tả mối quan hệ giữa các nguyên nhân một cách logic, toàn diện. Ngoài mục đích phân tích vấn đề tìm nguyên nhân (problem analysis), cây vấn đề còn được sử dụng để phân tích mục tiêu (objective analysis) và phân tích chiến lược (analysis of strategy). Cây vấn đề thường chỉ ra xu hướng. Dưới đây là ví dụ về cây vấn đề:



Khung lý thuyết:

- Khung lý thuyết (conceptual framework) là một hệ thống các khái niệm, giả định, kì vọng, niềm tin, cơ sở lý luận nhằm mục đích hỗ trợ và định hình nghiên cứu- nó là cấu phần chủ chốt của nghiên cứu. Định nghĩa: “là sự trình bày bằng câu văn, hình ảnh đồ họa nhằm giải thích những nội dung chính cần được nghiên cứu- các yếu tố, khái niệm hay biến số quan trọng cũng như sự liên quan được giả định giữa các yếu tố này” (Miles and Huberman 1994). “cách mà các ý tưởng được tổ chức nhằm đạt được mục tiêu nghiên cứu” (Shields, Patricia. 2013).
- Khung lý thuyết có thể được trình bày dưới các dạng đồ họa khác nhau như sơ đồ diễn tiến (flow chart), sơ đồ hình cây (tree diagram), sơ đồ dạng hình khối (shape based diagrams) (hình tháp, các vòng chồng lẫn, đồng tâm), hoặc bản đồ tư duy (mind map). Khung lý thuyết được ứng dụng cả trong nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính như là một công cụ minh họa các ý tưởng chính của nghiên cứu.
- Khung lý thuyết có thể bao gồm các dạng như sau: Khung hình thành giả thuyết (cho các nghiên cứu đưa ra các giả thuyết mới, chưa từng được kiểm định trước đây, ví dụ như các nghiên cứu trường hợp bệnh, nghiên cứu sẽ đưa ra một số YTNC bệnh, nhưng không có khả năng kiểm định giả thuyết); Khung phân loại mô tả (cho các nghiên cứu mô tả, ví dụ như nghiên cứu về thực trạng kiến thức thực hành, khung lý thuyết sẽ mô tả kiến thức bao gồm các cấu phần nào, thực hành bao gồm các cấu phần nào), khung

lý thuyết về các mô hình của nghiên cứu triển khai (mô tả các mô hình dự định áp dụng trên cơ sở đó đưa ra các quyết định lựa chọn); khung lý thuyết phân tích giả thuyết chính thức (dự đoán và giải thích, cung cấp chỉ dẫn và định hướng trong phân tích đa biến và hỗ trợ cho việc phiên giải kết quả nghiên cứu dựa trên những hiểu biết về xã hội và sinh học). Hai loại khung lý thuyết thường được sử dụng trong luận văn nhất đó là khung phân loại mô tả và khung phân tích giả thuyết chính thức

- Khung lý thuyết được xây dựng dựa trên y văn và kinh nghiệm của nhà nghiên cứu. Nó giúp “định hình” nghiên cứu, tạo mối liên quan, sự nhất quán trong toàn bộ nghiên cứu từ khâu đặt vấn đề, mục tiêu/câu hỏi/giả thuyết NC cho đến các nội dung khác nhau của phần phương pháp luận (thiết kế NC, biến, thu thập, phân tích) cũng như kết luận của nghiên cứu.

Trong luận văn, học viên cần lựa chọn sử dụng cây vấn đề HOẶC khung lý thuyết để minh họa các ý tưởng nghiên cứu chính của mình. Việc sử dụng cây vấn đề hay khung lý thuyết tùy thuộc vào vấn đề nghiên cứu cũng như lựa chọn của nghiên cứu viên, không có hướng dẫn cụ thể nào cho việc bắt buộc phải sử dụng cây vấn đề hay khung lý thuyết, tuy nhiên các luận văn định hướng quản lý thường có xu hướng sử dụng cây vấn đề hơn trong khi các luận văn YTCC thường có xu hướng sử dụng khung lý thuyết.

Câu hỏi 102. Phương pháp xây dựng khung lý thuyết cho nghiên cứu?

Khung lý thuyết (conceptual framework) là một hệ thống các khái niệm, giả định, kì vọng, niềm tin, cơ sở lý luận nhằm mục đích hỗ trợ và định hình nghiên cứu- nó là cấu phần chủ chốt của nghiên cứu.

Khung lý thuyết có thể được trình bày dưới dạng sơ đồ HOẶC được mô tả bằng lời. Nhưng dù trình bày dưới hình thức nào thì các khái niệm và mối quan hệ của các khái niệm đó cần được mô tả đầy đủ trên cơ sở (các) lý thuyết liên quan và phải làm rõ được luận điểm nghiên cứu của tác giả.

Nền tảng của việc xây dựng khung lý thuyết cho nghiên cứu là quá trình làm tổng quan tài liệu. Không có hướng dẫn cụ thể cho quá trình xây dựng khung lý thuyết cho nghiên cứu do quá trình này cũng sẽ tùy thuộc cách tiếp cận của nghiên cứu (định tính hay định lượng), quy mô và cấp độ của nghiên cứu. HV cần lưu ý những điểm sau khi xây dựng khung lý thuyết cho nghiên cứu

- Bước 1: Lựa chọn được cơ sở lý luận nền tảng cho nghiên cứu của mình: Từ các phân tích của TQTL, nhà nghiên cứu cần lựa chọn được cơ sở lý luận nền tảng cho nghiên cứu của mình tham khảo từ các nguồn trong nước, ngoài nước.
- Bước 2: Thay đổi, cập nhật khung lý thuyết trong cơ sở lý luận nền tảng cho phù hợp/khả thi với định hướng nghiên cứu: Dựa vào các phân tích của TQTL về những tồn tại trong nghiên cứu trước đây, nhà nghiên cứu đưa ra

các đề nghị thay đổi, cải tổ khung lý thuyết lựa chọn để có thể giải quyết được hoàn toàn/một phần những hạn chế này.

Sau khi cập nhật khung lý thuyết, nhà nghiên cứu cũng cần cân nhắc tính khả thi của việc áp dụng khung lý thuyết trong điều kiện quy mô, thời gian, nguồn lực của nghiên cứu của mình để có thể lựa chọn khung lý thuyết ứng dụng vào nghiên cứu của mình so với khung lý thuyết ban đầu.

Các thay đổi có thể trong khung lý thuyết ứng dụng vào nghiên cứu so với khung lý thuyết ban đầu gồm: Thêm hay giảm đi một số cấu phần, thay đổi tên của các cấu phần (Tên của các cấu phần trong khung lý thuyết có thể được hiệu chỉnh cho phù hợp với bối cảnh kinh tế, xã hội, văn hóa của nơi tiến hành nghiên cứu);

- Bước 3: Thẩm định lại khung lý thuyết được xây dựng dựa trên các tiêu chí (1) Phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu và địa bàn nghiên cứu; (2) Sự liên kết và logic của các cấu phần trong khung lý thuyết; (3) Không khác biệt so với cơ sở lý luận lựa chọn ban đầu.

Câu hỏi 103. Sau khi đưa ra khung lý thuyết hoặc cây vấn đề có cần 1 đoạn viết để giải thích cho khung lý thuyết hay cây vấn đề không? Và nếu cần thì đoạn đó cần viết những ý chính gì? Độ dài khoảng bao nhiêu?

Với cả cây vấn đề và khung lý thuyết, nhà nghiên cứu cần tóm tắt giải thích cơ sở lý luận của việc xây dựng cây vấn đề hay khung lý thuyết này. Phần giải thích này dựa trên những căn cứ có được từ y văn cũng như giả định, kinh nghiệm của nhà nghiên cứu và bối cảnh diễn ra nghiên cứu. Cụ thể, nếu như nhà nghiên cứu quyết định sử dụng nguyên cây vấn đề hoặc khung lý thuyết của 1 nghiên cứu trước, xin đưa ra các giải thích tại sao mình lại áp dụng 100% cây vấn đề/khung lý thuyết của họ. Nếu như nhà nghiên cứu quyết định sử dụng một phần cây vấn đề hoặc khung lý thuyết và thêm vào/hoặc bỏ đi một số điểm mới, nhà nghiên cứu cần giải thích rõ điểm mới và nêu căn cứ/cơ sở của việc thêm các điểm mới này cũng như cần nêu rõ nghiên cứu sẽ tập trung vào phần nào của khung lý thuyết nếu nhà NC không sử dụng toàn bộ khung lý thuyết đã nêu.

Việc mô tả khung lý thuyết hoặc cây vấn đề sẽ làm cho nhà NC cũng như người đọc hiểu rõ hơn về nghiên cứu, giúp tăng tính nhất quán và giá trị khoa học của nghiên cứu. Độ dài của việc mô tả khung lý thuyết/cây vấn đề tùy thuộc vào tính phức tạp của khung lý thuyết hoặc cây vấn đề. Đối với LV thạc sỹ của Trường ĐH YTCC, chúng tôi khuyến cáo phần cây vấn đề/khung lý thuyết được vẽ gọn trong 1 trang kèm với phần trình bày/giải thích về cây vấn đề/khung lý thuyết trong khoảng tối đa 1 trang kèm theo.

Câu hỏi 104. Cách trình bày 1 bảng 2x2 thông thường? Và các vấn đề thường gặp trong bảng 2x2?

Trình bày bảng 2x2 nên trình bày theo bảng dịch tễ: biến độc lập/ phơi nhiễm được trình bày theo dòng và biến phụ thuộc/ bệnh trình bày theo cột. Tỷ lệ % sẽ được chia theo dòng để xem trong từng nhóm phơi nhiễm và không phơi nhiễm tỷ lệ mắc bệnh là bao nhiêu. Nhóm phơi nhiễm (E+) ở trên, không phơi nhiễm (E-) ở dưới. Nhóm bệnh (D+) đứng trước, không bệnh (D-) đứng sau.

	Nhóm bệnh (D+)	Nhóm không bệnh (D-)	Tổng
Nhóm phơi nhiễm (E+)			
Nhóm không phơi nhiễm (E-)			
Tổng			

Có trình bày kiểm định thống kê vào bảng 2x2 hay không thì phụ thuộc vào mục đích của người trình bày có muốn thể hiện các test thống kê ở bảng hay không hay chỉ là bảng mô tả. Nếu là bảng mô tả đơn thuần thì không cần đưa vào các giá trị kiểm định (OR, p...) còn nếu là bảng trình bày kết quả kiểm định thì chắc chắn phải có giá trị này. Người trình bày có thể thêm 1 dòng dưới cùng hoặc một cột bên tay phải để trình bày các giá trị kiểm định.

Người đọc tham khảo thêm sách ‘Thiết kế và tiến hành các dự án nghiên cứu hệ thống y tế’ của tác giả Corllen M. Varkevisser và cộng sự (Module 23) để biết thêm cách trình bày số liệu vào bảng. Ngoài ra người đọc cũng nên tham khảo sách ‘Dịch tễ học’ của trường Đại học YTCC (NXB Y học) – chương 3 trang 37 phần Trình bày số liệu.

*** Các vấn đề thường gặp trong bảng 2x2:**

Lựa chọn trình bày yếu tố liên quan theo hướng tiêu cực hay tích cực (yếu tố nguy cơ hay bảo vệ): tùy thuộc vào định nghĩa biến đầu ra của học viên và câu hỏi nghiên cứu, học viên định nghĩa biến đầu ra của nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu như thế nào thì lập bảng 2x2 và phiên giải theo đúng định nghĩa đó.

Test Fisher exact trong bảng 2x2 được sử dụng cho các bảng 2x2 có ô có tần suất kỳ vọng nhỏ hơn 5 hoặc tổng mẫu nhỏ từ 20 trở xuống

Nếu có 1 ô có giá trị 0 trong bảng 2x2: xử lý bằng cách cộng thêm 1 vào tất cả các ô trong bảng (cả 4 ô) (chi tiết học viên có thể tham khảo thêm Hiệu chỉnh Haldane-Anscombe)

Nếu một YTLQ có cả kết quả định lượng lẫn định tính, có thể trình bày kết quả định lượng trước, kèm theo các giải thích định tính bổ trợ phù hợp, khẳng định lại mối quan hệ định lượng

Câu hỏi 105. Cách trình bày số liệu trong nghiên cứu định lượng như thế nào là phù hợp?

Chắc chắn một điều là bảng số liệu định lượng cần phải có các con số, còn đó là những con số nào (số tuyệt đối, tương đối, giá trị TB, trung vị, phương sai...) thì tùy thuộc vào tác giả định trình bày nội dung nào trong bảng. Nguyên tắc trình bày bảng là rõ ràng, dễ hiểu, có chú thích đầy đủ về tên bảng và đơn vị đo lường và đặt trên bảng. Bảng cũng nên gói gọn trong 1 trang giấy. Người đọc có thể tham khảo về các bảng trình bày chi tiết trong các sách thống kê và dịch tễ (phần Trình bày và phiên giải kết quả nghiên cứu).

Người đọc tham khảo thêm sách ‘Thiết kế và tiến hành các dự án nghiên cứu hệ thống y tế’ của tác giả Corllen M. Varkevisser và cộng sự (Module 23) để biết thêm cách trình bày số liệu vào bảng (thư viện Trường Đại học Y tế Công cộng có cuốn này).

Người đọc tham khảo các báo cáo, bài báo trong nước và quốc tế để tự rút ra kinh nghiệm/ bài học cho riêng mình trong trình bày số liệu định lượng.

Câu hỏi 106. Trình bày số liệu định tính như thế nào là phù hợp? Ngoài việc trích dẫn ý kiến của đối tượng có cần phân tích thêm?

Cách trình bày số liệu định tính rất phong phú. Tuy nhiên với chương trình học dành cho trình độ thạc sỹ thường sử dụng phương pháp phân tích theo chủ đề. Vì vậy, kết quả cần phân tích và trình bày theo chủ đề. Mỗi chủ đề cần có phần tổng hợp mô tả, phiên giải, nhận xét kết quả và phải có trích dẫn để minh chứng cho phần kết quả đó.

Ví dụ phân tích theo chủ đề:

Nhà nghỉ nơi lý tưởng để phụ nữ mại dâm (PNMD) sử dụng đá

Để chọn nơi yên tĩnh và an toàn cho sử dụng đá như vậy, đối với PNMD, nhà nghỉ là nơi quen thuộc, gắn liền với hoạt động hàng ngày của họ như “*tiếp khách*”, “*thuê để ngủ vào ban ngày*”... Môi trường quen thuộc của nhà nghỉ đã đem lại sự tin tưởng và cảm giác an toàn nhất định cho PNMD. Ngoài ra, hình ảnh các “*cặp đôi*” vào nhà nghỉ thường gợi ý đến hành vi quan hệ tình dục hơn là hành vi sử dụng đá. Do vậy, PNMD cho rằng sử dụng đá trong nhà nghỉ “*ít gây nghi ngờ cho người khác*” và vì thế “*an toàn*” cho bản thân họ.

Nhà nghỉ thì là nó tiện và an toàn cho chị. Vì đi vào đôi với nhau người ta chỉ nghĩ đi ngủ thôi, không nghĩ là đi chơi đá, bọn chị vẫn khoác túi như đi chơi thể này này, ăn diện các thứ, mọi người không biết là trong túi mình có đá, trong túi mình có đồ chơi đá. Hình thức của mình không biết mình là dân chơi đá. (Mai dâm đường phố, 27 tuổi)

Bên cạnh đó, hầu như mỗi PNMD đều có những nhà nghỉ “ruột” mang lại sự an toàn cho họ khi “đi khách”. Khi “chơi đá” tại các nhà nghỉ quen thân, sự “an toàn” của PNMD được đảm bảo thông qua việc “chủ báo trước khi có các cuộc kiểm tra”. Thêm vào đó, nhà nghỉ được cho là nơi “tự do”, thích hợp cho người sử dụng đá có thể làm những cái mà khi ở nhà hay ở nơi khác “muốn làm cũng không làm được” như “nằm trai gái lẫn lộn”.

Quan trọng nhất rằng là ở cái nhà nghỉ bao giờ nó cũng tự do hơn. Đấy, em hiểu không? Nó có thể... ví dụ chơi vào người ta có thể làm được cái mà ở nhà có muốn làm cũng không làm được. Chị đang nói ví dụ như thế, có thể hát hò... nói bảo nói bậy có thể khi chơi vào con người ta có thể nằm trai gái lẫn lộn này, đấy, thường thường... nói thẳng ra là đã chơi với nhau thì không bao giờ có gái chơi với gái rồi, trai chơi với trai rồi. (Mai dâm đường phố, 38 tuổi)

Hơn thế nữa, nhà nghỉ được cho là một địa điểm thuận lợi cho việc QHTD - nhu cầu mà đa số người chơi đá cần được đáp ứng. Cụ thể, đa số các nhà nghỉ hiện nay đều khép kín, “sạch sẽ”, có “nhà tắm đầy đủ” nên rất “tiện” cho việc giải tỏa nhu cầu tình dục khi chơi đá. Chính vì vậy, nhà nghỉ, khách sạn? là địa điểm lý tưởng được đa số PNMD trong nghiên cứu lựa chọn để sử dụng loại ma túy kích thích tình dục mạnh này.

Ở đấy nó cũng tiện cho mình quan hệ tình dục, nó cũng sạch sẽ, nó có nhà tắm đầy đủ. Chị chọn những nơi sạch sẽ, những chỗ bọn chị quen hay đến ấy (Mai dâm đường phố, 27 tuổi)

Chi tiết bài viết tiếng Anh có thể tham khảo đường link: <http://www.harmreductionjournal.com/content/6/1/6>.

Câu hỏi 107. Có được trích dẫn nguyên văn ý của người trả lời (Định tính) trong phần bàn luận không?

Không nên đưa kết quả (trích dẫn nguyên văn) vào bàn luận.

Câu hỏi 108. Khi viết bàn luận về một vấn đề mới nếu không có TLTK thì nên xử lý như thế nào?

Trước hết, một vấn đề mới, không có TLTK thì cần phải xem xét các vấn đề sau:

Có thực chất không có TLTK: HV đã tham khảo trên thế giới chưa? Tài liệu tiếng Anh chưa hay mới tìm ở tiếng Việt. Có hỗ trợ của thư viện hoặc người có kinh nghiệm tìm tài liệu chưa?

Vấn đề này mới, nếu thực sự chưa ai làm thì cần trả lời xem vấn đề này có thực sự phù hợp để làm nghiên cứu không? Tính khả thi của đề tài nghiên cứu sẽ ra sao? Có những đề tài không ai làm là vì vi phạm y đức chẳng hạn.

Nếu xác định đây là vấn đề mới, chưa ai làm, khả thi để làm đề tài nghiên cứu thì sẽ cần:

Đưa ra được các bằng chứng chứng tỏ đây là vấn đề sức khỏe đáng quan tâm (số liệu tại địa phương, số liệu thứ cấp, phỏng vấn sâu)

Đưa ra cách tiếp cận khả thi để nghiên cứu vấn đề này và có thể đề cập khung lý thuyết hoặc cách tiếp cận của các vấn đề khác tương tự. Không nhất thiết phải tìm được đúng tên vấn đề như mình dự định nghiên cứu, nhưng có rất nhiều vấn đề tương tự khác.

Câu hỏi 109. Trong LV có nên sử dụng cách viết “gạch đầu dòng” không hay cần viết thành câu văn/đoạn văn?

Báo cáo LV cần viết dưới hình thức một bài viết chứ không phải là dàn ý. Vì vậy không nên lạm dụng cách viết gạch đầu dòng, từng ý rời rạc mà các đoạn/từng nội dung trong đoạn phải có kết nối với nhau theo một mạch logic để dẫn dắt người đọc.

Nếu 1 phần có nhiều nội dung thì nên chia thành các đề mục nhỏ hơn để tiện theo dõi. Nguyên tắc đánh số trong đề mục không quá 4 số (ví dụ: 1.1.1.1; 1.1.1.2...)

Nên sử dụng nguyên tắc “viết đoạn văn”: Ý chính phải được nêu ở phần mở đầu đoạn hoặc kết đoạn, phần giữa là các ý minh chứng cho nội dung của đoạn.